



VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Văn nghệ

NĂM THỨ 66

Số: **43**

(2802)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 26 - 10 - 2013

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN

XẢ LŨ - KỶ CƯƠNG VÀ TRÁCH NHIỆM

AN BÌNH MINH

Chỉ trong vòng một tháng trở lại đây, có liên tiếp hai cơn bão khủng khiếp đổ bộ vào miền Trung. Cơn bão số 10 ào vào Quảng Bình, Quảng Trị chưa làm xong công tác cứu trợ, khắc phục hậu quả thì cơn bão số 11 lại quét vào Thừa thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam. Nỗi lo sợ vì gió bão mất nhà cửa vì ông trời chống lên nỗi lo sợ lụt lội mất ruộng vườn, mùa màng do "ông thủy điện" xả lũ.

Và, những chuyện ấy không xa. Mới đây, ngày 3 và 4.10, thủy điện An Khê - Ka Nak và hồ thủy lợi Ayun Hạ, tỉnh Gia Lai đồng loạt xả lũ làm thiệt hại hơn 2.000 ha hoa màu của người dân tại huyện Ia Pa và Krông Pa. Chính trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa đã xác nhận, sau cơn "hồng thủy", ngày 10-10 huyện vẫn chưa nhận được thông báo xả lũ từ 2 thủy điện này. Bắp đang ngậm hạt bị mất trắng, sẵn phải thu hoạch non, năm sau bà con sẽ không kiếm đâu ra giống để sản xuất. Lợi dụng, "tắt nước theo mưa" xả lũ... trộm đã dàn hàng. Đàng này không mưa nhưng vẫn phải chịu hiểm họa của lũ thủy điện. Cũng đầu tháng 10 vừa qua, hàng ngàn hộ dân các xã Đại Hồng, Đại Tân, Đại Quang... thuộc huyện Đại Lộc, Quảng Nam bỏ nhà cửa, bó gối nhau chạy loạn lên núi, vùng đất cao để tránh lũ quét khi nghe tin đồn vỡ đập thủy điện A Vương, Đắc Mi 4. Thực ra, đập không vỡ, nhưng do xả lũ với lưu lượng lớn đã khiến người dân ở xã Đại Lãnh "lãnh đủ", trong tích tắc, nước hạ du dâng cao đến 4 mét. Đến Đại Lãnh một tuần sau, thấy người dân ở đây vẫn nguyên vẻ thất thần, nhiều người bảo, tại "thủy điện xả lũ trộm". May nhờ trời nên chúng tôi mới thoát được cảnh "đại tang".

Nói thủy điện xả lũ trộm để tự an ủi mình, xem cái kẻ gây họa cho mình ở thế yếu. Chứ thực ra thủy điện không xả nước trộm, họ xả công khai, xả vô tội vạ mới đúng. Chả thế mà khoảng vài tháng trở lại đây, trong các thông tin về phòng chống bão lụt, trên truyền hình thường có câu "bà con cần để phòng thủy điện xả lũ lớn". Cứ làm như thủy điện ở trên trời vậy. Song, chỉ nói được đến thế cũng là đúng với thực tế, bởi thủy điện có coi dân ra gì. Xả lũ không thêm bảo cho dân, gây họa xong hòa cả làng, không hề đến bù thiệt hại.

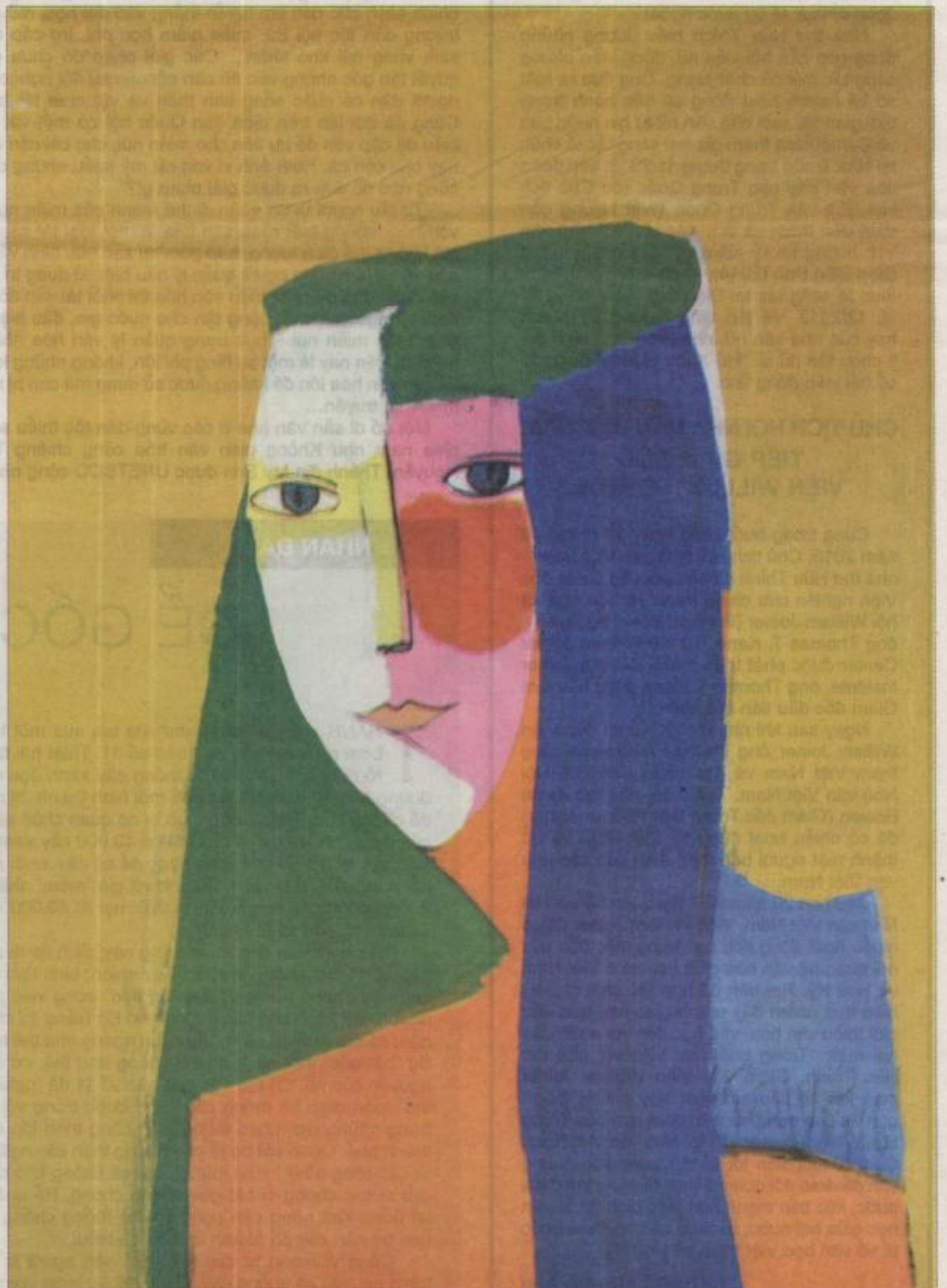
Việc này đã nói nhiều. Nói đến độ bão động và cũng đã có cả hội thảo để tìm biện pháp tháo gỡ. Nhưng muốn tháo gỡ thì phải quản lý. Ta đã chót không quản lý quy hoạch điện quốc gia, để từng địa phương muốn xây công trình thủy điện bao nhiêu tùy ý, thì nay phải quản lý việc thủy điện xả lũ. Mưa nhiều, xả lũ là bất khả kháng, nhưng xả bao nhiêu, vào lúc nào phải có kế hoạch, phải báo trước và phải đến bù thiệt hại cho người dân. Muốn thế phải có cơ quan và người quản lý, nói một cách văn hoa là phải có nhạc trưởng. Nhạc trưởng này là cơ quan nào, là người nào không khó.

"Nhạc trưởng" nói theo pháp lý chính là để thiết lập kỷ cương trong xả lũ. ■

GIẤC MƠ

Truyện ngắn của ĐẶNG TOÁN

(Xem trang 14)



Minh họa của THÀNH CHƯƠNG

HOẠT ĐỘNG HỘI

GẶP GỠ THÂN MẬT CÁC NHÀ VĂN NỮ NHÂN NGÀY PHỤ NỮ VIỆT NAM

Nhân kỷ niệm 83 năm ngày thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (20/10/1930 – 2013), sáng ngày 17 tháng 10 năm 2013, Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức buổi gặp gỡ thân mật các nhà văn nữ hiện đang sống, viết tại Hà Nội và một số tỉnh lân cận. Nhà thơ Hữu Thỉnh – Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam đã dự, chúc sức khỏe các nhà văn nữ. Các nhà văn đã dành một phút tưởng niệm nữ nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Tú qua đời vào tháng 5/2013.

Trong dịp này, nhà thơ Nguyễn Thị Mai báo cáo tình hình hoạt động của Ban Liên lạc nhà văn nữ trong năm qua. Một số hoạt động nổi bật như: Tổ chức đi thực tế tại khu vực phía tây Hà Nội, các tỉnh Thái Nguyên, Long An, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Lữ đoàn 125 Hải quân...; tổ chức trại sáng tác tại Nha Trang; thăm hỏi, động viên, chăm lo cho nữ hội viên. Bên cạnh đó là phương hướng hoạt động và những đề xuất cho năm 2014 và các nguyện vọng được đề đạt tới BCH Hội Nhà văn Việt Nam; tổ chức xét thưởng tác phẩm hay cho nhà văn nữ; cử các nhà văn nữ tham gia các đoàn đi thực tế tại nước ngoài...

Nhà thơ Hữu Thỉnh biểu dương những đóng góp của hội viên nữ, động viên những sáng tác mới có chất lượng. Ông đưa ra một số kế hoạch hoạt động sẽ tiến hành trong thời gian tới: mời nhà văn nữ từ hai nước Lào và Campuchia tham gia trại sáng tác tổ chức tại Nha Trang trong tháng 11/2013; tiếp đoàn nhà văn cấp cao Trung Quốc (do Chủ tịch Hội Nhà văn Trung Quốc Thiết Ngưng dẫn đầu) đến thăm và làm việc với Hội Nhà văn VN; hướng tới kỷ niệm 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (2014), tổ chức hai chuyến đi thực tế sáng tác tại Điện Biên vào tháng 11 và 12/2013. Về tên tặng thưởng tác phẩm hay của nhà văn nữ, nhà thơ Hữu Thỉnh gợi ý chọn tên nữ sĩ "Hồ Xuân Hương" được đa số hội viên đồng tình.

CHỦ TỊCH HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM TIẾP GIÁM ĐỐC VIỆN WILLIAM JOINER

Cũng trong buổi sáng ngày 17 tháng 10 năm 2013, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam – nhà thơ Hữu Thỉnh đã có buổi tiếp Giám đốc Viện nghiên cứu chiến tranh và hậu quả xã hội William Joiner (William Joiner Institute) – ông Thomas T. Kane. Từ khi William Joiner Center được phát triển thành William Joiner Institute, ông Thomas T. Kane được bầu làm Giám đốc đầu tiên của Viện.

Ngay sau khi nhậm chức Giám đốc Viện William Joiner, ông Thomas T. Kane đã sang thăm Việt Nam và đến chào Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam. Trước đó, nhà thơ Kevin Bowen (Giám đốc Trung tâm William Joiner) đã có nhiều hoạt động tại Việt Nam và trở thành một người bạn thân thiết của các nhà văn Việt Nam.

Sau hơn 20 năm thiết lập quan hệ với Hội Nhà văn Việt Nam, Viện William Joiner đã có nhiều hoạt động tích cực trong việc bắc cầu nối quan hệ văn hóa giữa hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ. Hai bên đã hợp tác chặt chẽ và hiệu quả nhằm đẩy mạnh giao lưu, trao đổi, giới thiệu văn hóa, văn học đến với nhân dân hai nước. Trong buổi làm việc với nhà thơ Hữu Thỉnh, Giám đốc Viện William Joiner cam kết sẽ tiếp tục phát huy những thành quả tốt đẹp trong suốt 20 năm qua của Trung tâm William Joiner và Hội Nhà văn Việt Nam. Cụ thể, thời gian tới sẽ tập trung vào những vấn đề: trao đổi đoàn đi thực tế sáng tác ở hai nước; xúc tiến mạnh hơn việc dịch thuật văn học giữa hai nước; tổ chức các hội thảo quốc tế về văn học Việt Nam và Hoa Kỳ...

PHONG LAN tổng hợp

LÀU nay, ở nước ta, trên các diễn đàn chính thống và phương tiện thông tin đại chúng luôn nhấn mạnh đến mức cực đoan các thuật ngữ "tiền tiến đậm đà bản sắc dân tộc", "thống nhất trong đa dạng"... mà đôi khi quên mất đi khái niệm riêng của văn hoá từng dân tộc. Nước Việt Nam là một quốc gia nhiều dân tộc chung sống nên rất cần có một nền văn hóa đa sắc tộc thực sự, hơn là ngày ngày nói đi nói lại đến nhàm chán các thuật ngữ đó. Do chính sách chung chung nên không ít người đã không hiểu được thế nào là một nền văn hoá đa sắc tộc. Từ đó đã dẫn đến những áp đặt về chính sách và cách làm khiến cưỡng đối với văn hóa các sắc dân thiểu số. Người quản lý chỉ luôn nhằm nhằm đi tìm cái chung để hoạch định chính sách, ít có ai chú ý đến cái đặc sắc, cái

thứ hồi đã có điều gì làm được tốt hơn so với trước kia, đã được bảo tồn và phát huy như thế nào? Hay là văn hóa của các khu vực dân tộc thiểu số khác, đặc biệt là miền núi phía bắc hiện tại văn hoá đang ở trong trạng thái rơi tự do, không có định hướng phát triển. Các chính sách của nhà nước thường chỉ chú ý ở việc xây dựng các quy chế nếp sống văn hóa, gia đình văn hóa, làng bản văn hóa... Cái kiểu xây dựng văn hoá như thế này ở một số nơi còn gây ra phản cảm, gây tác dụng ngược lại. Là một người nghiên cứu văn hoá độc lập, tôi thấy rất nhiều vấn đề bức xúc hiện nay của văn hóa dân tộc thiểu số cần phải chấn chỉnh và khắc phục để phát triển. Sau đây xin nêu một vài điều cụ thể.

1. Các chính sách về văn hóa dân tộc thiểu số từ trước

MỘT CÁCH NHÌN VỀ VĂN HOÁ DÂN TỘC THIỂU SỐ HIỆN NAY

DƯƠNG THUẦN

riêng biệt mỗi nền văn hoá của từng dân tộc. Nước Việt Nam có 54 dân tộc đã là cả nhân loại thu nhỏ, vì vậy văn hoá rất phong phú, không phải quốc gia nào cũng có may mắn như thế.

Những năm gần đây các chương trình của chính phủ thực hiện đối với vùng núi, chủ yếu tập trung vào giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, ít chú ý đến việc phát triển văn hóa của từng dân tộc cụ thể. Các giải pháp tình thế như cấp phát gạo và bảo hiểm y tế cho người nghèo, chính sách cho con em tuyển thẳng vào đại học, mở các trường dân tộc nội trú, miễn giảm học phí, trợ cấp học sinh vùng núi khó khăn... Các giải pháp đó chưa giải quyết tận gốc những vấn đề căn cốt của sự đói nghèo để người dân có cuộc sống tinh thần và vật chất tốt hơn. Cũng đã đôi lần trên diễn đàn Quốc hội có một vài đại biểu đề cập vấn đề ưu tiên cho miền núi, cho cái cần câu hay cho con cá. Hình ảnh ví von rất mỹ miều nhưng cuối cùng nào có đưa ra được giải pháp gì?

Từ lâu người ta đã quên đi thế mạnh của miền núi là văn hóa, không biết rằng văn hóa là một loại tài sản vô giá không thể định lượng, bao gồm tài sản hữu hình và tài sản vô hình. Những người quản lý nếu biết sử dụng trí tuệ của nhân dân để phát triển văn hóa thì khối tài sản đó sẽ đem lại nguồn lực vô cùng tận cho quốc gia, đặc biệt là phát triển miền núi. Thực trạng quản lý văn hóa như ở nước ta hiện nay là một sự lãng phí lớn, không những khối tài sản văn hóa lớn đó không được sử dụng mà còn bị mai một, thất truyền...

Một số di sản văn hóa ở các vùng dân tộc thiểu số ở phía nam như Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, Thánh địa Mỹ Sơn được UNETSCO công nhận,

đến nay đều chung chung, mang tính chất ứng phó hơn là tính chiến lược lâu dài. Không có chính sách riêng để phát triển văn hóa của từng dân tộc. Xóa nhòa sự độc đáo đặc sắc của mỗi dân tộc. Sự kỳ thị văn hóa dân tộc thiểu số luôn thể hiện trong chính sách: văn hóa dân tộc thiểu số ở miền núi luôn bị coi là lạc hậu, phải đem ánh sáng từ miền xuôi lên để soi sáng cho vùng cao... Đây là sự thể hiện nhận thức hạn chế của người soạn chính sách và vô tình đã hạ thấp văn hóa của các dân tộc thiểu số. Trên

(Xem tiếp trang 24)



Văn hóa của các dân tộc thiểu số dù ở vùng Việt Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung bộ, Đồng bằng Nam bộ hoặc ở đâu cũng vậy, phải có chính sách đúng đắn và phù hợp

NHÀN ĐÀM

ĐỂ GỐC KHỎI BẬT

PHẠM ĐƯƠNG

T HÀNH phố Đà Nẵng như vừa trải qua một trận bom rải thảm sau cơn bão số 11. Thiệt hại thấy rõ nhất là phần lớn hệ thống cây xanh dọc các đường phố, nhất là những phố mới hình thành, bị ngã đổ chồng chập. Thống kê sơ bộ từ cơ quan chức năng của thành phố này cho biết, đã có 40.000 cây xanh bị xiêu vẹo hoặc bật gốc. Khả năng để số cây xanh này hồi phục như cũ là rất ít. Cứ tính với giá "mềm" nhất là 2 triệu đồng/cây thì số tiền bị thiệt hại từ 40.000 cây xanh bị ngã đổ sẽ là khổng lồ.

Thủ phạm dẫn đến thảm trạng này, đích thị là cơn bão số 11 chứ không ai khác. Tuy nhiên, bình tâm mà xét, nếu không mang tư duy "ăn liễn" trong việc phủ nhanh cây xanh cho các đường phố Đà Nẵng thì chắc hẳn, số cây ngã đổ sẽ không ngốn ngang như thế này. Sự "bật gốc" một cách nhanh chóng như thế, có căn nguyên của nó. Có thể nói, cơn bão số 11 đã "nghiệm thu" toàn diện hệ thống cây xanh được trồng vội vã trong những dịp "chào mừng" các công trình lớn của thành phố. Quan sát bộ rễ của những thân cây ngã đổ từ các công trình "chào mừng" này sẽ không khó để li giải vì sao chúng bị bật gốc nhanh chóng. Rễ quá ít, lại trồng khá nông cạn cộng với hệ thống chống đỡ tạm bợ nên cây đổ nhanh là điều dễ hiểu.

Cũng vì mang tư duy "ăn liễn" nên người ta đã bứng nguyên cả những cây cổ thụ từ các vườn ươm để

"điền vào chỗ trống" tại các công trình vừa mới khánh thành. Nhiều cây xanh chưa rịp ra rễ mới đã phải chống chọi với bão nên không thể trụ vững để tiếp tục tồn tại. Người dân không vui mà cảm thấy lo lắng cho những tuyến đường ở Đà Nẵng vừa mới làm xong đã có cây xanh cho ngay bóng mát cũng vì lý do này.

Chúng ta cảm thông với sự sốt ruột của các nhà quản lý trước những khối bê tông lóa mắt ngày một đầy lên ở thành phố này khiến họ phải phủ xanh đường phố một cách nhanh nhất, song người dân sẽ khó chấp nhận khi nhìn những thân cây bật gốc-kết quả của việc làm quá hời hợt và vội vã của những người chịu trách nhiệm trồng cây.

Ài cũng biết, một cây xanh từ bé cho đến khi cho bóng mát phải mất một khoảng thời gian từ 6-10 năm trong điều kiện chăm sóc chu đáo. Không có một loại cây nào có thể cho ngay bóng mát chỉ trong vài năm như cách làm của Đà Nẵng. Loại cây xanh "ăn liễn" ấy chỉ có thể làm vui mắt một số khách qua đường và những chú chim trốn nắng ngày hè chứ không thể làm yên lòng những ai thấu hiểu câu nói của cổ nhân "dục tốc bất đạt". Cây xanh "ăn liễn" là hệ quả của lối tư duy chụp giựt. Cây phải có gốc vững, rễ phải được ăn sâu vào đất thì bền lâu. Mọi sự "ngắn hạn" mang tính "nhiệm kỳ", việc bật gốc là điều khó tránh khỏi mỗi khi gặp "bão".■

VẤN ĐỀ HÔM NAY

HỘI NHẬP TRÊN NỀN TẢNG VĂN HÓA

Trò chuyện với ông Vũ Khoan, nguyên Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

MUỐI nhìn rõ mình, chỉ cần một tấm gương; nhưng muốn hiểu rõ nền văn hóa của dân tộc mình thì cần có thật nhiều "tấm gương" văn hóa khác. Ông Vũ Khoan, nguyên Phó thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, do đặc điểm nghề nghiệp luôn có nhiều cơ hội so sánh văn hóa giữa ta và bạn. Vì vậy, chúng tôi tìm đến ông và nghe ông trò chuyện:

Ông Vũ Khoan: Chúng ta luôn luôn nói phải giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, nhưng bản sắc đó là gì thì mỗi người lại nhìn nhận khác nhau. Bản sắc ấy thể hiện trong mỗi thời kỳ, hoàn cảnh, lĩnh vực cũng khác nhau. Tất nhiên cũng có những điểm chung nhưng để tìm cái chung ấy cũng không phải dễ dàng. Vậy nếu như không làm rõ ra thì lại không biết mình bảo vệ cái gì, gìn giữ cái gì; mà nếu cần khắc phục, đổi mới thì khắc phục đổi mới những gì. Cá nhân tôi cũng thường suy nghĩ tràn trề...

Thế bản sắc dân tộc Việt Nam ta là gì? Phần "cứng" của nó thì phải chờ đợi kết quả đợt sinh hoạt học thuật đang diễn ra là tổng kết quá trình thực hiện Nghị quyết T.Ư 5 (Khóa VIII) về giữ gìn bản sắc dân tộc. Quan điểm của tôi là phải xác định bản sắc của mình là gì, trong đó điều gì là tích cực, điều gì là tiêu cực. Ta phải nhìn cả hai mặt chứ không nên chỉ nhìn mặt khiến ta tự hào. Phải nhìn thấu cả những thứ mình cần sửa chữa. Khi phát huy được cái tốt và hạn chế được cái xấu của mình thì giá trị bản sắc của ta mới càng thêm sáng tỏ.

* Thưa ông, đúng thế. Chúng ta đã để xảy ra tình trạng vô cảm trong văn hóa, là cứ thần nhiên nói những cái rất hay về người Việt Nam trong khi nạn suy thoái đạo đức lối sống trong xã hội lại cứ không ngừng xuống cấp. Chúng ta cứ thần nhiên "Mẹ hát con khen" mà quên mất mình triết của ông cha mình: "Ở nhà nhất mẹ nhì con/ Ra đường chân vạ kẻ giòn hơn ta."

Ông Vũ Khoan: Việt Nam ta có một số điểm đặc biệt qua giao tiếp có thể thấy rõ.

Thứ nhất, đó là lòng yêu nước, tự hào dân tộc vô cùng lớn. Bất kỳ ai động chạm đến điều này người Việt Nam ta sẽ rất dễ "nổi khùng". Nhưng cái đó nó lại chỉ thường thể hiện trong những giờ phút cam go của lịch sử. Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc nó được bộc lộ rất rõ ràng. Còn trong cuộc sống bình thường xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa thì lòng tự ti dân tộc nổi trội hơn. Ví dụ: Trong kháng chiến không ai có thể chê được chủ nghĩa yêu nước của người Việt Nam. Nhưng khi đi ra ngoài thì một số người Việt Nam lại ít quan tâm đến danh dự của đất nước mình, họ có thể nói rất to, vút rác bừa bãi, xử sự thiếu văn hóa,... đó là hiện tượng rất phổ biến. Đáng ra người yêu nước thì phải biết giữ lòng tự trọng của dân tộc mình trước con mắt của người nước khác. Lòng tự trọng dân tộc trong thời bình lại không cao. Lẽ ra càng thời bình lòng yêu nước càng phải phát huy thì lại để nó lu mờ. Bây giờ rất nhiều người Việt Nam ra bên ngoài làm mang tiếng đất nước ta. Hình ảnh của mình bị ô uế rất nhiều. Ví dụ ở Hàn Quốc, họ cấm cửa không tiếp nhận lao động Việt Nam vì anh vô kỷ luật, anh bỏ việc trong khi bao nhiêu lao động nước khác không làm như thế. Mà chẳng cứ các nước phát triển, hãy cứ sang Lào, sang Campuchia xem họ nhìn người Việt Nam như thế nào...

Thứ hai, ai cũng bảo người Việt Nam là người cần cù, lao động vô cùng chăm chỉ. Cái này rất đúng. Xem bà con mình dù cơ cực nhưng rất chăm làm, sáng nắng chiều mưa cong lưng ra giữa trời. Ít có dân tộc nào có thể làm được như thế. Người ta sang Việt Nam và hỏi tôi vì sao trên đường người đi đông thế, lúc nào trong ngày cũng rất đông, tôi bảo có gì đâu, người ta đều đi làm ăn, không phải họ đi chơi, người ta phải xoay sở làm đủ thứ để kiếm sống. Nhưng đối nghịch với sự cần cù chăm làm là sự cầu thả. Ví dụ, người Việt Nam và người Nhật Bản đều nổi tiếng là cần cù. Nhưng người Nhật cần cù cần cơ hơn, tới mức tinh xảo, từ việc nhỏ nhất họ đều làm chỉ li từng chút một. Tôi lấy ví dụ chuyện có thật, tôi đi sang Nhật khi còn là Trợ lý Bộ trưởng, vai trò cũng không là gì lắm nhưng trước khi tôi đi họ fax cho tôi một bản chương trình đón tôi (khi ấy chưa sử dụng E-mail nhiều) rất là chi tiết gồm 5 trang. Họ thông báo chi tiết ra sân bay lúc mấy giờ, đại sứ quán Nhật ai là người tiễn, cơ trưởng máy bay tên gì, trưởng tiếp viên phục vụ tên gì, ngồi ghế nào, bay mấy tiếng, ăn những gì, hạ cánh lúc mấy giờ, ai lấy hành lý và lấy hộ chiếu, ô tô đón màu gì, lái xe tên gì và đi theo phố nào về khách sạn, ở khách sạn người ta sẽ đưa mời tôi ăn bát mì nóng như thế nào,... vô cùng chi tiết. Tôi tưởng tượng ra họ làm ra lịch trình ấy mất thời gian chắc có khi cả buổi. Còn ở Việt Nam mình, đón một ông Vua, ông Tổng thống, ông nguyên thủ,... bản chương trình đón chỉ trong một trang giấy. Khẩu hiệu là long trọng, trọng thị, tiết kiệm. Lúc nào cũng như thế. Tôi hỏi vì sao lại làm cầu thả thế, họ lại rút tay túi quần nói rằng thủ tướng yên tâm, chúng em sẽ lo hết cả.

Thứ ba, người Việt Nam ít có sự sáng tạo, chỉ sửa đổi, "mông má" lại những thứ đã có. Cứ nhìn trên mặt bàn thì đủ nhận ra: Không có cái gì là của Việt Nam, đến con dao gọt trái cây cũng là của Thailand. Vì về mặt tiện ích, họ biến đổi không ngừng. Còn ở Việt Nam, cái xe nát đến mấy mà qua tay người thợ giỏi cũng chạy phăm phăm trên đường. Chúng ta chỉ sáng tạo trong việc sửa chữa chứ ít khi sáng tạo trong việc tạo dựng.

* Vâng, cái "đức tính" này của người Việt Nam từng bị người Pháp chê lắm, chê có hơi hách, hơi bị "nước lớn" rằng người Việt chỉ giỏi bắt chước. Nhưng cũng chính một người Pháp khác, ông Paul Doumer Toàn quyền Đông Dương (1898 - 1902) trong hồi ký của mình đã đánh giá rất cao tính chịu khó chịu khổ của người Việt. Ông viết: "... hồi đầu, nhà thầu thuê nhân công người Hoa trong công việc thổ mộc, vì người Hoa ăn khỏe làm khỏe; nhưng về sau lại phải thuê người Việt. Chỉ có họ, với tấm vóc bé nhỏ và ăn uống khiêm tốn nhưng lại có sức chịu đựng kỳ lạ: họ có thể làm việc liên bốn giờ ở độ sâu 32 m...". TS Nguyễn Văn Huyền, nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục khi khảo cứu về người mình cũng nhắc lại nhận xét của người Pháp mà không bình luận gì, tiến sỹ còn có một nhận xét độc đáo có thể gọi là đặc điểm phụ của cái giới bắt chước, rằng người Việt có tính dạn dẫm, có thể có người họ hàng xa đến ở làm khách hàng tháng, hàng năm rồi mà không bị mặc cảm; chỉ đến khi chủ nhà hết chịu nổi về tài chính thì lại tạ sự khác, khiến xích mích mà anh ta phải về lại nhà mình hoặc đi đến ở một



Ông Vũ Khoan

nhà bà con khác rồi nói về sự tệ bạc của chủ nhà cũ. Cũng chính tiến sỹ Nguyễn Văn Huyền có một khái luận còn đúng đến tận hôm nay: Không một ví dụ tốt đẹp nào về người Việt lại không có ngay một ví dụ ngược lại, về cái dở. Thưa ông, tôi rất tiếc là chúng ta chỉ thích nói về những cái hay mà lơ đi những nét dở, khiến nó cứ "hồn nhiên" tồn tại. Tôi vừa nghe trên tivi người ta tổng kết có bao nhiêu hộ gia đình, bao nhiêu làng đạt chuẩn gia đình (làng) văn hóa mới, tỉnh vô không có bài báo nào nói về cái dở để cùng nhau khắc phục. Họ quên mất rằng, hạt nhân của văn hóa, đơn vị cuối cùng của văn hóa là tính cách Người - những con người cụ thể. Khi cụ Phạm Quỳnh đọc diễn văn tại Viện Hàn lâm Pháp: "Người Việt không thể coi Pháp là Tổ quốc của họ, vì họ đã có Tổ quốc của mình rồi." Khi cụ Nguyễn Văn Huyền nói với giới trí thức Pháp, trong khảo luận về "Văn minh Việt Nam" rằng "Người Việt Nam không thiếu lòng dũng cảm, ghét chiến tranh và khinh bỉ các biểu hiện bạo lực nhưng có khả năng kháng cự lâu dài trong những điều kiện thiếu thốn tệ hại nhất, chống lại các lực lượng mạnh hơn về số lượng và chất lượng". Đó là khi phách Việt Nam, nhưng do những con người cụ thể biểu lộ. Nhân nói đến cụ Huyền, xin ông nói đôi chút về quan hệ thân tộc với bậc đại trí thức này?

Ông Vũ Khoan: Vợ tôi là Hồ Thế Lan, con gái của cụ GS Hồ Đắc Di mà cụ Hồ Đắc Di và cụ Nguyễn Văn Huyền đều là con rể của cụ Vi Văn Đình, nguyên Tổng đốc Thái Bình, sau Cách mạng, tham gia Mặt trận Việt Minh, nhân sỹ yêu nước.

* Kỳ lạ thực. Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ thời trẻ nước, khi mà trong tay có chỉ đầu một triệu bạc tiền Đông Dương đang có nguy cơ trở thành giấy nhàu vẫn đã tập hợp quanh mình những đại trí thức tầm cỡ không phải thời nào muốn có là có ngay. Cụ Hồ Đắc Di là bác sỹ nội trú người ở xứ thuộc địa đầu tiên tại Pháp, là giáo sư đầu tiên bình đẳng với các giáo sư Pháp tại Đông Dương. Cụ là thầy rồi trở thành nhạc phụ đại nhân của GS Tôn Thất Tùng, người phát minh phương pháp mổ gan khô của y học thế giới, người mở đầu đầu tiên của Việt Nam. Còn bản thân cụ thì phát minh cách nối dạ dày bị loét với tá tràng. Như vậy, tại các

thời điểm cụ nối dạ dày tá tràng, con rể cụ mổ gan khô thì về mặt y khoa thực hành, Việt Nam sánh ngang tầm thế giới.

Ông Vũ Khoan: Đúng là cái thời ấy hay thật. Hồi tôi mới còn đang tìm hiểu, không mấy chủ nhật mà các cụ Đồng, cụ Giáp không đến nhà cụ Di, cụ Huyền chơi. Đến chơi theo đúng nghĩa, chứ không phải cách đến thăm tặng quà chụp ảnh đăng báo đâu. Nói chuyện xưng anh tôi (toa moa), chuyện về gia đình con cái, về học vấn, về các món ăn hay về ký ức thời trẻ.

* Xin ông nói tiếp về các đặc điểm của bản sắc Việt?

Ông Vũ Khoan: Thứ tư, người Việt Nam đoàn kết trong khi nguy kịch nhưng lại chia rẽ khi ở hoàn cảnh bình thường. Đối mặt với giặc ngoại xâm, với thiên tai người Việt rất đoàn kết. Nhưng trong hoàn cảnh bình thường thì lại hay đổ kỷ lẫn nhau, chen lấn nhau, không có tính cộng đồng.

* Đoàn kết và tương thân tương ái có tôn chỉ mục đích hẳn hoi, "lá lành đùm lá rách" và "Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn." Nhưng hỏi ra thì giờ nào là ngồi nói xấu người khác với người gần mình, nói xấu lên tu bất tận, nói xấu như một niềm vui sống, một thứ gia vị cho cuộc đời làm như thể nếu không có nó thì cuộc đời buồn tẻ. Và chen lấn nhau trên đường, dù chỉ nửa bước chân hay nửa vành xe máy. Anh bạn tôi, nhà thơ Phạm Đình Ân vừa có mấy bài thơ nói về những cái này: "Đang thân, bỗng lạnh mặt mày/ Lạ xa, thoát cái bắt tay hẹn thề" và "Chen/ lách/ cố giành đường/ dù chỉ một xăng ti met/ Vội làm chí/ đến bệnh viện ư/ găm giường chắc đâu còn chỗ!" Tôi dẫn thơ, vì quả thực thừa đồng chí nguyên Phó thủ tướng, trên văn đàn nói về cái dở của cơ chế, của các nhân vật nắm quyền lực thì thừa thãi, nhưng nói về cái dở cụ thể của tính cách người, như thơ Phạm Đình Ân lại còn quá hiếm.

Ông Vũ Khoan: Tôi làm thương mại nên từng rất khổ vì điều này. Những doanh nghiệp Việt Nam chuyên môn đi "đánh" nhau, không có sự liên kết với nhau. Du lịch, văn hóa, kinh tế,... đều đánh nhau; ít nhất là thiếu gắn kết, ngành nào chỉ biết riêng lợi ích của ngành đó. Chẳng hạn du lịch Thailand gặp thời kinh

(Xem tiếp trang 4)

HỘI NHẬP TRÊN NỀN TẢNG VĂN HÓA

(Tiếp theo trang 3)

tế khủng hoảng, họ bán vé máy bay dưới giá thành để được bù lại bằng tiền phòng, ăn uống, tham quan thắng cảnh...Ra nước ngoài, ta thấy cộng đồng người Hoa, hay cộng đồng người Hàn Quốc, Israel liên kết với nhau ghềnh trong khi người Việt mình lại toàn đánh nhau thôi. Chỉ có tính "địa phương chủ nghĩa", chứ tính dân tộc bị xem nhẹ. Ví dụ như người Nghệ An co cụm lại với nhau, người Thanh Hóa đoàn kết lại với nhau, người Hải Phòng với nhau...chứ để có hình ảnh người Việt Nam với nhau như thế thì chưa thấy. Chỉ đoàn kết khi có thứ thách thức rất lớn trong lòng, không ai chịu ai cả, ai cũng là "tướng" cả. Tôi ví dụ như việc làm nhà của tôi, có người phụ trách nước, người phụ trách điện, người phụ trách máy xà hơi,... mà có mỗi cái cầu dao hỏng, ba ông đều không chịu nhau. Cứ ông này bảo ông kia phải lo. Tôi thấy sốt ruột bảo để tôi đi mua về cho lắp 5 phút là xong, họ bảo đây là nguyên tắc rồi lại người này bảo người kia phải đi mua, cứ đánh nhau như thế nửa tháng mà không ai chịu ai.

Lại có một câu chuyện với ông Phó thủ tướng của Nhật, ông Abe Shinzo (trùng tên với đường kim Thủ tướng Nhật. PV) Lúc tôi gặp thì ông Abe còn làm Thượng nghị sĩ, ông ấy là người tiên phong trong quan hệ với Việt Nam. Lúc ta trong giai đoạn sắp đổi mới, tôi là thứ trưởng ngoại giao có mở tiệc tiếp ông ấy. Trong câu chuyện vui ông ấy đã hỏi tôi rằng có biết vì sao mà nghèo không? Tôi trả lời là do kháng chiến, nông nghiệp lạc hậu,... Ông Abe bảo đúng đúng cả nhưng chưa hết. Tôi hỏi là còn gì nữa. Ông trả lời rằng sở dĩ Nhật giàu là do dân họ "ngu", bảo gì làm nấy, làm y si lệnh, làm cho bằng được, bằng xong thì thôi; còn người Việt Nam nghèo vì họ thông minh quá, cứ đưa ra chuyện gì là bắt đầu tranh luận, cứ phải cãi nhau trước đã, (rồi khi làm thì mỗi người làm theo cách mà anh ta thấy cần chứ không hẳn là vì thấy hay thấy đúng. PV). Đây là cái đặc thù của mình đấy. Bây giờ đang nhận nhận đây này, kinh tế đất nước đang cải tiến hết cả, không biết đường nào mà lẩn. Ai cũng bình luận, bình luận và nhận xét cái hồng, cái đỏ thì ai cũng giỏi; nhưng làm cái gì và theo cách nào thì không ai hiểu hết cả. Nông nghiệp đấy, ai cũng chê, cũng "ca" bài ca được mùa thì tốt giá, nhưng không ai nói "theo tôi, muốn được mùa mà không tốt giá thì phải làm thế này..."

* Vâng, thưa ông, thực tế là mùa vải thiếu chín rộ, giá bán có khi còn dưới giá thuê người hái; đó là lỗi người ăn có hạn độ, chứ đâu phải lỗi của người làm nông nghiệp? Nhưng nhân đây, nhân câu chuyện cắt khúc, mạnh ai nấy lo mà ông vừa nói, tôi thấy sáng kiến của Thủ tướng Thailand, bà Yingluck Shinawatra là hạn chế xuất khẩu gạo để bảo vệ nông dân và đất đai là một kỹ thuật thương mại rất đáng để mang ra bàn thảo. Vì gạo Thái mà không xuất khẩu thì một phần lớn nhân loại lao đao. Nhưng ví dụ Thủ tướng mình có vận dụng, thì các nhà buôn gạo của ta, vẫn xuất khẩu chui vì quyền lợi của riêng mình, bất chấp cộng đồng. Nhưng, để câu chuyện về bản sắc văn hóa của chúng ta có "hậu", xin ông nói về niềm mong muốn của riêng ông cho một tương lai cần có của người Việt?

Ông Vũ Khoan: Khi tôi đến thăm nhà máy Canon của Nhật Bản tại Bắc Ninh tôi đã rất ngạc nhiên là vì sao mấy trăm



Ông Vũ Khoan - Ngoại giao của Việt Nam cũng là một điểm sáng trong lịch sử cũng như văn hóa. Anh ông Vũ Khoan (bìa phải, hàng ngồi) và nhóm tác giả Chuyện nghệ, chuyện nghiệp ngoại giao.

cái xe máy xếp hàng thẳng tắp, không ai nhích hơn ai tí nào. Tôi đã được giải thích là ai mà vượt lên trên một chút sẽ bị phạt 200.000 đồng. Đó là sự huấn luyện dần dần người công nhân trong nhà máy Nhật. Đó chính là bản sắc đấy. Tôi mong muốn rằng, người Việt mình cần gia cố tính kỷ luật và cố kết cộng đồng trong thời bình cũng y hệt trong thời chiến tranh.

* Bây giờ xin chuyển câu chuyện sang Ngoại giao. Tôi nghe nói ông đang viết hồi ký ngoại giao, ông viết gì trong hồi ký của mình, những nét chính?

Ông Vũ Khoan: Ngoại giao của Việt Nam cũng là một điểm sáng trong lịch sử cũng như văn hóa. Bây giờ ta kiểm lại xem có nước nào mà ngoại giao có vai trò trong dựng nước không. Không có một nước nào. Ở nước ta, ngoại giao đóng vai trò rất quan trọng. Như Bác Hồ nói chương có to thì tiếng nó mới kêu. Nghệ thuật ngoại giao, văn hóa ngoại giao đóng vai trò vô cùng quan trọng. Tôi thấy trong văn hóa ngoại giao của Việt Nam có một số điểm đặc sắc như sau:

Thứ nhất là chúng ta kiên trì về nguyên tắc nhưng rất uyển chuyển về phương pháp, sách lược. Ví dụ, trong đàm phán về Hiệp định sơ bộ với Pháp sẽ ký vào ngày mừng 6 tháng 3 năm 1946, họ không chấp nhận gọi Việt Nam là một nước độc lập, bàn cãi mãi, sau đó Bác chấp nhận gọi là một nước Việt Nam tự do, bản chất thì cũng không khác gì nhau. Và họ đã đồng ý. Trong hiệp định Paris, ta cứ chấp nhận để cho "Mỹ cút" trước đã, còn ngày thì chấp nhận cho ở đó. Rồi lúc thực hiện trao đổi để phá bỏ bao vây cấm vận đối với nước ta. Nếu đọc những thư ngoại giao của Bác trước đây, ta sẽ thấy không bao giờ bị lẫn lộn giữa dân tộc ấy với những kẻ xâm lược, thực dân Pháp và nhân dân Pháp là hai chuyện khác nhau, để quốc Mỹ và nhân dân Mỹ là hai chuyện khác nhau, giới thực quyền Trung Quốc và nhân dân Trung Quốc cũng khác nhau,... Không có nước nào sau khi đánh nhau với đủ các nước lớn xong rồi quay lại chơi cùng. Tôi từng được ông George H.W. Bush (Bush cha) mời về ăn cơm tại nhà riêng ở

Texas. Tôi ấn tượng ông ấy hỏi tôi hai chuyện. Thứ nhất là về Bác Hồ. Biết tôi từng là phiên dịch của Bác, ông hỏi cụ Hồ Chí Minh là người như thế nào? Tôi trả lời cụ là người rất kiên định trong việc thống nhất đất nước, rất con người, cụ không những không bao giờ nói hoặc để cho cấp dưới nói căm thù nhân dân Mỹ và nhân dân Pháp, mà còn rất tôn trọng họ, cụ Hồ chúng tôi là điểm sáng trên con đường ngoại giao nhân văn của Việt Nam... Chuyện thứ hai ông hỏi rằng tôi sang đây có muốn nói gì với Bush "con" không? Tôi chỉ muốn nói rằng ông ấy nên vượt qua quá khứ đi, bây giờ hãy dành cho Việt Nam chế độ thương mại tối huệ quốc (MFN) và mời đương kim Tổng thống Mỹ sang dự Hội nghị APEC 14 (2006). Cựu Tổng thống G. Bush đã kể về chuyến thăm Việt Nam năm 1995, trước khi sang ông ấy rất sợ vì Mỹ gây ra biết bao chuyện với dân tộc Việt Nam như vậy, không biết sang họ sẽ đối xử với mình như thế nào. Ông bảo ông đã rất ngạc nhiên vì người Việt Nam rất thân mật và cởi mở, không ai nhắc đến quá khứ hay tỏ ra căm thù, họ còn ôm, chuyện trò và rất vui vẻ hòa nhã khi chiêu đãi ăn uống, ông ấy thấy rất lạ. Tôi nói rằng đó chính là bản sắc của người Việt, người Việt Nam luôn muốn rộng mở lòng mến khách với mọi người. Minh thấy điều đó bình thường nhưng họ thấy lạ lắm. Như tôi sống ở Nga thấy họ ghét người Đức nhiều lắm. Đến bây giờ cũng chưa xóa nhòa được đâu. Nhưng Việt Nam thì không. Đó là cái đặc sắc thứ hai.

* Hình ảnh Tổng thống Mỹ G. Bush (Bush con) đi lễ ở nhà thờ Cửa Bắc và Thủ tướng Úc John Howard chạy thể dục buổi sáng quanh Hồ Gươm dịp Hội nghị APEC 14 năm 2006 đã trở thành ấn tượng về một Việt Nam thân thiện. Nhưng cũng hình ảnh ấy tạo nên vị thế mới cho Việt Nam. Tiếc rằng nó đã nhanh chóng bị lãng quên, trong khi ngôn ngữ hàng ngày của chúng ta lại cứ hay nói về diễn biến hòa bình và nhìn đâu cũng thấy kẻ thù khi mà Việt Nam đã làm bạn với cả thế giới.

Ông Vũ Khoan: Thứ ba là người Việt Nam luôn luôn biết mình biết người. Biết mình ở vị trí nào, người khác ra làm sao.

Không chỉ tính đến lợi ích của mình mà còn tính đến lợi ích của người.

Thứ tư là tình nghĩa của người Việt Nam đối với những người từng ủng hộ mình. Đó cũng chính là cái nét mà ta tranh thủ được lòng người. Hồi người nước ngoài vì sao thích Việt Nam, câu trả lời đầu tiên chính là sự cởi mở, không có gì gọi là xã giao cả.

* Xin hỏi ông câu chuyện cuối cùng. Ông hình dung như thế nào về một Việt Nam sau khi đã công nghiệp hóa?

Ông Vũ Khoan: Tôi có một lần trở lại rất lâu rồi, đó là nông nghiệp đóng vai trò gì, vị trí gì trong quá trình công nghiệp hóa. Tất nhiên bất kì quốc gia nào đi lên công nghiệp hóa nghĩa là rời bỏ cái thang bậc nông nghiệp, xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp nhưng trong hành trang đi lên công nghiệp đó thì anh vác hành trang nông nghiệp như thế nào? Nó chỉ là ăn theo thôi hay đó chính là nền tảng hay nó là một cái gì đấy, tôi chưa thấy rõ. Bây giờ chỉ thấy nói là nó bảo đảm an ninh lương thực rồi thừa thì xuất khẩu thôi. Còn hình thù nó như thế nào thì không rõ. Không rõ cái này vì vậy cứ loay hoay cãi nhau suốt. Vừa rồi Thủ tướng có nói là lực lượng sản xuất đã phát triển rồi thì quan hệ sản xuất phải thay đổi. Tôi nghĩ điều đó đúng nhưng chỉ là một vẻ thôi. Cơ cấu nông nghiệp thế nào là một điều rất quan trọng. Nghĩa là bản thân lực lượng sản xuất nông nghiệp ấy hình thù thế nào, dựa trên cái gì, phát triển theo cách nào... rồi hình thức quan hệ sản xuất phải đi theo cái đó. Bây giờ chủ yếu mới là lượng thời, chất còn đang rất kém. Quan trọng là phải thay đổi chất lượng của nông nghiệp đó, nếu không thì đi lên bằng cách nào? Tôi cảm giác bây giờ các anh xử lí theo cái kiểu ngựa đầu gãi đấy, theo tình thế... Tiếp theo là vị trí của người nông dân. Vị trí người nông dân như thế nào? Ta bán cùng hóa người nông dân để đi lên công nghiệp hóa hay là cái gì? Anh không nói ra nhưng tôi hiểu là theo cách bán cùng hóa người nông dân. Ruộng, đất anh lấy của người ta, làm ra cái gì thì rẻ như bèo, toàn các doanh nghiệp họ ăn, còn phần rơi rụng ra bà con nông dân rất ít. Bà con nông dân không có công ăn việc làm phải đi tha phương cầu thực ở ngoài thành phố, thậm chí phải đi làm đầu Đái Loan, Hàn Quốc... Tôi thì không được sâu sát nhưng ví dụ ngay như các cô giúp việc nhà tôi, sao họ khổ quá. Có một cô người Thanh Hóa bị ứ ở ngực nên bỏ nhà chúng tôi rồi, lại một cô ở Phú Thọ làm được hơn tuần thì bỏ về vì em bị tai nạn trong Nam chết. Cô Thanh Hóa có một đứa con định xin vào trường quân đội anh có biết cần bao nhiêu tiền không? Mất khoảng 100 triệu. Còn con cô ở Phú Thọ học xong trung cấp hay cao đẳng y gì đó. Bây giờ muốn xin việc người ta đòi 60 triệu. Cô bảo rằng chúng cháu lấy đâu ra, cả nhà có 34 m² đất...Câu chuyện buồn này khiến cả nước đau đầu. Nhưng tôi thấy chẳng hạn ở Úc người ta xác định là công nghiệp hóa dựa trên nông nghiệp (industrialization based on the agriculture) Có thể có tên gọi khác phù hợp hơn với điều kiện Việt Nam, nhưng cái nông nghiệp làm nên bản sắc của chúng ta. Buồng nó tức là buồng bản sắc đấy.

* Xin trân trọng cảm ơn ông về cuộc trò chuyện bổ ích này. Kính chúc ông mạnh khỏe, hạnh phúc. ■

VĂN CHÍNH thực hiện

BÚT KÝ - PHÒNG SỰ

THẢO NGUYÊN MÙA KẾT BẠN

Bút ký của NGUYỄN QUANG

HÒA vào dòng người cuốn cuộn từ khắp các nẻo đường đổ về trung tâm thị trấn Mộc Châu để hưởng không khí của một cái tết Độc Lập trên Thảo nguyên xanh, tận hưởng "trần mắt" một sắc màu dân tộc.

Cứ thế đi trong muôn mướt váy áo Mông, váy áo Thái, Tày, Nùng... trên vùng Tây Bắc Tổ quốc. Có lẽ chẳng ở vùng đất nào, vùng dân cư nào có được một cái tết Độc Lập vui đến thế, rộn ràng đến thế và ngàn ngạt người đến thế. Thảo nguyên Mộc Châu vào thu mới mướt mà, nào nức làm sao, để cho lá cây rừng Mộc Châu, cỏ thảo nguyên Mộc Châu không vàng, không thay lá như những mùa thu nơi khác, mà lại xanh, xanh đến gọn chân trời trong cái nắng thu vàng như mật ong sánh lại dưới chân đồi. Tôi xách máy ảnh theo đoàn người để qua trại bò sữa nơi đầu thị trấn Nông trường Cờ Đỏ rồi được đi trong cái màu cỏ voi, cỏ Goạ tê ma la trải dài mà cảm nhận. Được ngắm những "vòng sóng xanh" của chè Ô long sẫm sẫm sườn đồi, như có sức mạnh vô hình dồn đá vào chân mây để mà xanh, mà hướng về ánh mặt trời. Cả một rừng nón trắng nhấp nhô như đàn cò trắng hướng về nơi tổ ấm. Đôi tay những cô gái nông trường cứ múa lên, múa lên trong màu xanh đến nao lòng ấy, những búp chè mập mạp, non tơ làm say ánh mắt, làm ngọt giọng khách về dự tết Độc Lập ở nơi này. Rồi cứ thế theo đoàn người vào trung tâm xã Tân Lập mà ngắm nhìn khu tái định cư, nơi vàng đối với những đàn bò Bờ ra xin, ngô bắp cũng vàng găm sần, vàng vào ngô xóm.

Sáng nay gặp chị Giảng Khánh Ly, Phó Chủ tịch huyện Mộc Châu, phụ trách khối văn hóa. Chị cười: "Ngày mai anh ra đường mà "chen", tha hồ "chen" khó mà đi được, nếu anh không vững bước, mà cứ nhìn, cứ ngắm thì thế nào anh cũng rơi vào "vòng xoáy" sóng người. Cứ thế họ kéo anh đi mà không cần bước...". Trong miềm vui ấy, tôi tìm vào đôi thông bản Áng, nơi những cây thông cổ thụ gói đầu trên bãi đá cổ, xôn xao tiếng nói cười để được gặp Giảng Thị Máy, Giảng Thị Mỹ ở mãi Cao nguyên đá Đồng Văn, qua ba ngày đi xe sang đây dự tết Độc Lập, tìm bạn bè xưa cũ. Theo Giảng Thị Mỹ đây là cái tết bắt nguồn từ tết Kết Bạn của người Mông được bắt đầu từ những năm năm mươi của thế kỷ trước. Đã hơn sáu mươi năm cứ bấm đốt ngón tay, theo hội mà về, khi nào ngô trên nương đã vàng, chảo rượu đã ngấu, cây đào, cây mận đã trút lá để chuẩn bị đón một mùa búp non, một mùa hoa mới. Và đặc biệt là thảo nguyên Mộc Châu treo cờ đón Quốc khánh thì cũng là những ngày tết Độc Lập diễn ra.

Theo cụ Giảng Seo Páo, năm nay đã trên tám mươi tuổi ở bản Lũng Luông, chống gậy tìm xuống hội thì tết Độc Lập, tết Kết Bạn luôn là điểm thu hút của người dân tộc Mông trên mọi miền Tổ quốc. Người Mông từ Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Hà Giang xuống. Người Mông ở Hòa Bình, Hà Nội, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Nghệ An... lên, thậm chí có cả người Mông từ bên nước bạn Lào, nước bạn Trung Quốc sang. Cứ thế, họ đi trong rừng cỏ đỏ của một thảo nguyên ngàn ngát xanh để tận hưởng cái tình, cái nghĩa của dân tộc, của vòng tay bè bạn, ánh mắt anh em thân thiện.

"Tan chợ, hết tết, không say, không phải là người tốt", cái lý người Mông là thế, để tôi cứ sải bước đi trong đêm ba mươi mốt tháng tám mà tận hưởng đêm chợ tình trải dài khắp đường phố Mộc Châu, suốt từ trung tâm thị trấn Mộc Châu vào chợ trung tâm thị trấn Nông trường mà đón nhận những ánh mắt long lanh tìm bạn, mà lắng nghe tiếng khèn Mông trầm bổng gọi nhau, tiếng dài quay bằng hát những bài dân ca Mông, để thấy thấp thoáng đâu đó một tình yêu đôi lứa.

Đêm ba mươi mốt tháng tám như ngăn lại, từng đôi trai gái Mông họ dắt nhau đi, họ kéo nhau lại rồi họ lại dắt nhau đi, họ lại kéo nhau lại... làm cả khúc đường cứ dửng dưng, dửng dưng như dòng chảy một con sông, để suốt đêm biến người ấy cũng không đi mà cũng chưa một lần quay lại. Họ kéo cái tình yêu của họ, giấu cái tình yêu của họ vào gốc thông ven đường, vào mỏ đá trên nương, vào cái chân cột đèn đường, đèn phố, cái nơi gần đèn nhất mà chẳng bị chiếu chút ánh sáng nào vào vòng tay yêu của họ bao giờ.

Cô gái Mông xứ Mường Lò Vút lên câu ca dao:

"Ngày vui uống rượu, bắn cung
Xin đừng tùm váy áo em giữa đường
Nếu chẳng thật sự yêu thương
Đi cùng em hết con đường đêm nay..."

Chàng trai Mông Điện Biên cũng chẳng vừa:
"Bắn cung anh đã bắn rồi"

Tại mũi tên chẳng trúng nơi anh cần
Rượu làm say cả đôi chân
Tay anh say mới bám nắm áo em..."

Chàng trai người Mông có tên là Thảo A Giá, quê ở mại Thượng Lào ngồi gác trên bức "rào chống nạn" cạnh đường dịch cho tôi nghe như thế. Anh bảo chẳng biết tiếng đa số của Việt Nam thì có đúng không, nhưng tiếng người Mông ở bên nước Lào của anh thì như thế. Anh cũng bảo, theo tục lệ người Mông, tết Kết Bạn, hay tết Độc Lập của người Mông ở Mộc Châu này thì người Mông ở đâu cũng trang trí lại bàn thờ, sắm bánh trái hoa quả, rượu thịt, cũng mời gọi ông bà tổ tiên về cùng gia đình người Mông, dòng tộc người Mông ăn tết. Rồi người Mông cũng may cái áo mới, cái váy mới cho trẻ con, đứa đàn bà Mông cũng chuẩn bị bộ áo váy đẹp nhất, thằng đàn ông Mông thì chuẩn bị cây khèn có tiếng hay nhất, cái chảo rượu ngon nhất để xuống chợ tình, để đi tìm cái thích, cái yêu, cái làm dịu đi "cái không chịu được" của mình.

Thảo A Giá cũng bảo: "Năm ngoái thằng bạn của mình sang dự tết Độc Lập, tết Kết Bạn ở Mộc Châu này, nó kéo được đứa con gái người Mông ở Mường Lay về làm vợ xinh đẹp đấy. Thế nên năm nay mình cũng sang, rủ thêm mấy đứa bạn đến tuổi "thèm lấy vợ" cùng sang chơi tết, rồi xem để cùng kéo vợ...". Thế là tôi cứ như bị Thảo A Giá thôi miên, hết đi lên con Đường Số 6 cũ hướng về thị trấn Nông Trường vào chợ trung tâm, rồi lại ra con Đường Số 6 mới để xuôi về thị trấn Mộc Châu. Gần sáng, có lẽ con gà trống bản đã gáy ba bốn lần, tôi với Thảo A Giá mới thoát ra khỏi dòng người, đi vào sâu trong cầu chợ của thị trấn Nông Trường. Từng đôi một, từng đôi một, họ ngồi bên nhau, cúi đầu áp mặt vào vai nhau thủ thủ và cũng nhiều đôi họ cứ im lặng chẳng nói gì. Mà biết nói gì, hãy để cho tình yêu, cho sự cảm nhận không gian, thời gian, bầu trời và mặt đất thảo nguyên đêm nay tiếp nhận tình yêu của họ là đủ.

Sáng Mông một tháng chín, chen nhau qua vũng bùn mưa ướt đêm qua, chen nhau qua rừng người, ngàn vạn lời yêu, lời nhớ để vào sân vận động Mộc Châu mà xem cuộc thi kéo co, đẩy gậy, bắn nỏ, ném pao, nhảy xap, múa xoe... Những chàng trai Mông vạm vỡ, những cô gái Mông khỏe khoắn mang cái sức vóc của rừng, của núi vào ngày hội. ánh mắt cứ long lanh, cái miệng cứ tùm tùm cười, đôi má đỏ dần lên khi chàng trai đứng bên cạnh ghé sát vào tai cô gái thì thầm. Tôi không biết họ nói gì, nhưng tôi dám chắc một điều, câu nói ấy phải là: "Nếu em chưa có chồng, sau tết Độc Lập này, anh xin được kéo em về làm con ma nhà anh nhé..."

Không thể không qua chợ thổ cẩm với đủ sắc màu, những chiếc váy lanh dệt thủ công đủ màu sắc, những chiếc khăn piêu, những chiếc áo Thái cứ rung rinh mời gọi. Hàng trang sức với những vòng bạc, dây bạc lạnh lạnh, tiền bạc Hoa Xòe, tiền bạc Nữ thần tự do, tiền bạc

Cánh đại bàng... làm long lanh những đôi mắt trẻ.

Anh Lò Văn Sâm đi xe máy lại cả vợ con, vượt hơn 120 ki lô mét từ Hòa Bình lên đây dự tết Độc Lập bảo tôi: "Chưa năm nào mình bỏ cái tết Độc Lập này. Cũng tại nó, tại cái thảo nguyên và cái tết Độc Lập nó là duyên nợ, là kỷ niệm của vợ chồng mình. Vợ chồng mình gặp nhau ở đây, cướp nhau ở đây, kéo nhau ở đây, có cái gốc cột điện chứng kiến. Nhưng chỉ tiếc một điều, khi cái thị trấn Mộc Châu này nó làm đường mới, nó nhổ mất cái cột điện của vợ chồng mình vút đầu không biết. Nhưng thế nào thì vợ chồng mình hàng năm vẫn đưa hai đứa con lên đây, để vợ chồng mình yêu nhau hơn, để chúng nó biết vợ chồng mình "cướp" nhau ở đây.

Theo vợ chồng anh Sâm vào khu ẩm thực khi trời đã quá trưa, mùi thơm của thắng cố ngựa, thắng cố dê bay lên ngào ngạt. Mùi chấm chéo, một loại nước chấm của người Thái làm tôi cồn cào. Đây là mèn mèn vùng Tây Bắc, đây là xôi xanh, xôi đỏ, xôi tím Mường Lò, miếng khoai tím chiên giòn, thêm mấy chiếc lá tím rau chua đưa vào bát, vài lát rau đắng sậu, chan muối nước thắng cố sôi sùng sục vào... đủ cho ta chìm vào cách ăn uống không cần cầu kỳ, dân dã mà ngon đến lạ thường. Quả trứng nướng, chiếc bánh bao khoai, bánh lá tẻ nhân đỗ vàng, tấm khúc cắt làm đôi, gấp lại... Cứ thế Sâm kéo tôi đi thử rượu, thử cái chất say của núi, của rừng để tôi say, nhưng không say rượu mà say men rừng, men núi.

Bà Nhâm Thị Phương, Bí thư Huyện ủy, huyện Mộc Châu nói với chúng tôi: "Đêm nay, đêm Mông một tháng chín này mới là chính hội, các anh thấy đồng bào các dân tộc sẽ "chen" nhau chật đường. Nhất là những đôi trai gái Mông, họ cứ đưa nhau đi, rồi đưa nhau đến, đi mãi, đi mãi hướng về nơi có ánh sáng mặt trời sau một đêm thủ thủ mà chờ đợi một tết Độc Lập năm sau..."

Tết Độc Lập, tết Kết Bạn trên Thảo nguyên xanh đã có tuổi trên sáu mươi năm, đã biết bao nhiêu đôi nam nữ người Mông lên vợ, nên chồng và cũng biết bao nhiêu con cháu của họ đã và đang quay lại nơi ông bà, cha mẹ gặp nhau để đi tìm hạnh phúc. Năm nay tết Độc Lập truyền thống của đồng bào Mông được huyện Mộc Châu tổ chức kéo dài bốn ngày. Sáng ba mươi, tháng tám, tết Độc Lập được khai mạc trang trọng tại sân vận động trung tâm cũng là ngày đầu tiên cho lễ hội thể thao các dân tộc trên thảo nguyên đầy nắng gió. Thị trấn như nhỏ lại, con đường như hẹp đi, người cứ kéo về trung tâm thảo nguyên nườm nượp, rực rỡ cờ hoa, đủ màu sắc, nhưng đồng nhất vẫn là dân tộc Mông. Một dân tộc ít người nằm trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, một dân tộc luôn chinh phục những đỉnh núi cao và luôn có những ngày lễ hội đầy độc đáo. Tết Độc Lập, tết Kết Bạn, lễ hội tình yêu, tìm nhau kéo vợ đã trở thành bản sắc người Mông trên Thảo nguyên Mộc Châu, một mùa thu xanh mướt mắt.



TÔI nguyên rửa hần, tên khốn xấu xa ấy. Sao hần có thể hét vào mặt tôi, người yêu hần, rằng: "Em không thể dựa dẫm vào ai khác ngoài bản thân mình!", khi tôi đã vất vả suốt hai tháng trời chăm sóc cho hần. Ấu cũng là cái số khốn khổ của tôi, vì tôi đã móc cả trái tim mình ra mà đặt vào bàn tay của cái tên khốn lạnh lùng, tàn nhẫn ấy rồi.

Tôi gặp hần lần đầu tiên vào buổi tiệc sinh nhật của cô bạn mới quen và bị hần hạ gục ngay lập tức từ cái nhìn đầu tiên. Ông trời quá ác, chỉ cho tôi cái nhan sắc trung bình nhưng lại nhét vào tôi cái tính mê trai đẹp. Mà hần thì cool(*) quá trời. Khốn khổ thân tôi!

Hần chẳng thêm để ý đến tôi, dù chỉ một lần, mặc kệ tôi tìm mọi cách tiếp cận với hần. Cái bản mặt kiêu ngạo của hần nhìn phát ghét, thế mà tôi lại không thể ngủ yên nổi vì cái vẻ hờ hững của hần. Suốt hai mươi ba năm cuộc đời, tôi chưa hề yêu ai, không thấy ai xứng đáng để được mình yêu và rồi chết đuối vì một tên không chút tình cảm gì với mình. Tôi vẫn tự nhủ, con gái độc lập là nhất. Dù tôi không xinh đẹp nhưng trời bù cho tôi cái đầu óc thông minh, nhanh nhạy. Nhờ bộ óc đó, tôi có thể tồn tại một cách kiêu hãnh không kém gì ai. Thế nhưng, cái bộ óc ấy chẳng có tác dụng gì khi đứng trước hần. Tôi thậm chí chẳng nói được một câu chào cho đàng hoàng. Hần liếc mắt, nhìn phớt qua tôi như nhìn vào không khí rồi đi tiếp tục công việc của hần. Còn tôi đắm ngực tự nguyện rửa cái sự vô dụng của mình. Tôi thua ánh mắt của hần ngay cả khi tôi có cái đầu thông minh nhất.

Muốn tấn công đối tượng trước hết phải hiểu về người ta cái đã. Tôi thường được điều đó trong một cuốn sách dạy yêu. Dĩ nhiên, cô bạn mới sẽ là đối tượng đầu tiên tôi nhắm đến. Xui cho tôi, cô bạn đó chẳng biết gì về hần hết. Nhưng, trời vẫn chưa nỡ bỏ tôi, vì hần là bạn của ông anh cô bạn tôi. Dù xấu hổ đến muốn chui luôn xuống đất, tôi vẫn phải thu hết can đảm để hỏi chuyện ông anh ấy. Cuối cùng thì tôi cũng thu được chút kết quả. Hần với anh trai cô bạn tôi không thân thiết cho lắm, chỉ là bạn bình thường thôi, nhưng anh ta có biết một chút về hần. Hần mố còi cha mẹ từ nhỏ, được một đôi vợ chồng già nhận làm con nuôi sau khi từ trại giáo dưỡng thanh thiếu niên ra. Nghe xong câu chuyện của hần, tôi về nhà trăn trở hết một đêm. Theo lý thuyết thì những người như thế thường có tính đề phòng rất cao, cũng mất luôn lòng tin yêu đối với người khác. Tôi coi như là vô phương trong việc đến gần hần rồi. Dù vậy, tôi vẫn không muốn bỏ cuộc. Hay là cứ nói thẳng, sau đó bị hần đá thê thảm và rồi tôi sẽ vì cái đau thất tình ấy mà quên đi hần? Dẫu sao tôi cũng thuộc kiểu người thực tế, tôi sẽ không lãng phí thời gian vì những thứ không bao giờ là của mình.

Khốn nạn cho thân tôi! Khi tôi quyết định sẽ lao vào lửa cho chết cháy rồi sẽ tự mình chữa thương thì hần trả lời cái

câu "Em yêu anh!" của tôi bằng cái câu "Tôi biết!" lạt nhách. Ánh mắt hần nhìn tôi thần nhiên, chẳng tỏ ra bất ngờ, cũng không khó chịu. Tôi giống như người vừa bước hụt xuống hố sâu. Ngơ ngác. Ngớ ngẩn. Chẳng biết phải làm gì sau đó. Và hần quay mặt bước đi, để mặc tôi thần thờ như con ngốc giữa công viên đầy nắng với đầy nỗi hoang mang trong lòng. Vậy là hần từ chối hay chấp nhận tôi đây? Có vẻ như câu trả lời của hần không cho tôi biết mình nên tiếp tục hay dừng lại. Tôi thất thế chân nam đá chân chiêu về nhà. Lòng tôi ngổn ngang đủ câu hỏi mà tôi không thể nào trả lời được. Càng nghĩ, tôi lại càng thấy tức

giận. Đồ khốn! Có hay không thì nói đại một từ đi, để tôi còn biết đường mà lẩn. Cái câu "Tôi biết!" là sao chứ? Hần đúng là đồ mâu lạnh mà. Tại sao hần có thể ném vào mặt tôi cái câu trả lời vô nghĩa như thế chứ? Tôi đâu phải đứa biết che giấu tình cảm của mình. Có mù mới không biết là tôi yêu hần. Cái số con rệp của tôi!

Cuối cùng thì con tim non dại của tôi cũng chiến thắng cái tự ái to đùng. Tôi không thể chịu đựng nổi với nỗi nhớ cứ giãy vò từng giây từng phút, có làm gì cũng không nguôi quên đi được. Để hần nhìn thấy tôi lúc này, chắc tôi chỉ còn nước tự tử cho hết chuyện thôi. Tôi lấy kính mắt, áo gió trùm kín người. Thế này thì đến mẹ tôi còn chẳng nhận ra tôi chứ nữa là. Tôi mò đến quán cà phê mà hần vẫn hay ngồi mỗi chiều, chọn một góc kín, ngồi đợi hần đến. Tôi sẽ chỉ ngồi trong góc đó mà nhìn hần thôi. Chỉ cần nhìn thấy hần là được. Có đẹp đến đâu thì nhìn mãi cũng chán. Có cool đến đâu thì ngày nào cũng thấy cũng sẽ thành ra bình thường. Đói thì phải ăn. Ăn no rồi thì sẽ hết đói thôi. Thì cứ tạm giải quyết cái khó khăn trước mắt đi đã. Tôi vừa nhắm ly cà phê đắng ngắt vừa tự lải nhải với mình. Mà cái tên khốn ấy, bao nhiêu quán cà phê bình dân không uống, cứ nhất định là phải cái quán nổi tiếng nhất mới chịu là sao? Tội cho cái hẩu bao có hạn của tôi. Ông trời đúng là bất công, đã cho hần cái vẻ ngoài hết sảy, còn cho luôn một công việc tốt và một túi tiền đầy

tràn. Dù có nhìn ở góc độ nào thì hần vẫn là nhất. Hỡi sao tôi không chết mê chết mệt cho được.

Mặc dù tự nói với mình, ăn đủ rồi thì sẽ no, vậy mà không hiểu sao càng nhìn hần, tôi càng thêm... đói. Nhìn hần một lần rồi, tôi muốn nhìn thêm lần hai, rồi lần ba, lần bốn,... chẳng làm sao mà ngăn cản nổi. Đúng là cái số của con thiêu thân mà! Tôi oán giận hần. Hần làm tôi muốn chết quách đi cho rồi vì cái sự bất lực của mình. Vậy mà trước đây tôi còn tưởng tôi lý trí lắm, có thể điều khiển trái tim theo ý muốn. Giờ mới biết, khi đã đắm đuối một ai đó thì lý trí chỉ bé bằng con tép, ngay cả tự ái cũng ném

Truyện ngắn của THÁI THIÊN

vào hố rác từ đời nào đời nào rồi. Nhưng dù vậy thì tôi cũng chỉ dám ở xa mà nhìn hần thôi. Không phải vì tôi còn chút sĩ diện nào đó mà là vì tôi không đủ can đảm. Tôi âm thầm nhìn hần, âm thầm khát khao, âm thầm lo sợ, âm thầm đau khổ. Càng lúc tôi lại càng thấy giận bản thân mình, giận luôn cả ông trời, vì đã không cho tôi một nhan sắc cỡ chim sa cá lặn. Phải có cái gì đó để tự tin thì mới có thể đương đầu được chứ! Chưa đến gần hần mà tôi đã bị hào quang từ hần làm cho lóa mắt đến muốn mù rồi thì tôi còn làm được gì hơn.

- Cô còn định đến đây nhìn tôi đến khi nào nữa?

Cứ mãi mê theo những suy nghĩ miên man của mình, tôi không hề biết là hần đã đến gần. Cặp kính đen của tôi như muốn rớt xuống đất. Hần nhếch mép cười, còn tôi quỳnh quáng đến làm đổ cả ly cà phê đen của mình. Chuyện thế này tôi chưa từng nghĩ đến. Hần kéo ghế, ngồi chống cằm, nhìn chăm chăm vào mặt tôi. Ngay cả việc tìm đại một lý do nào đó để nói dối rằng tôi không đến đây vì hần, tôi cũng không nghĩ được. Ôi cái đầu mà tôi tự hào suốt hai mươi năm là thông minh lắm! Tôi chẳng cả dám ngẩng mặt lên. Ước gì có một phép màu nào đó khiến tôi biến mất ngay tức khắc. Nhưng mà phép màu chỉ có trong cổ tích, còn tôi cứ phải ngồi đó mà chịu đựng ánh mắt chế giễu của hần. Khốn nạn! Sao tôi lại rơi vào cái hoàn cảnh khốn khổ như thế này kia chứ? Vừa xấu hổ, vừa giận

dữ lại vừa cảm nhận rõ ràng sự bất lực của bản thân, nước mắt tôi cứ thế rơi xuống, không sao ngăn lại được. Tôi cắn môi, cố nuốt những tiếng nghẹn ngào vào trong bụng nhưng, ngay cả chuyện đó cũng nằm ngoài khả năng của tôi. Con tim tôi vỡ ra, tan thành nước, ào ạt dồn lên đôi mắt. Hần quỳnh quáng lòi tôi ra khỏi quán trong sự ngỡ ngàng của mọi người, quăng tôi lên cái xe của hần, chạy một mạch tới công viên, ấn tôi vào một chiếc ghế rồi đứng đốt thuốc, chờ tôi khóc cho xong.

Mà, kể cũng lạ, khóc đã đời rồi, tôi thấy tâm trạng mình nhẹ tênh, như chưa hề có những đám mây u uất cứ lần quẩn trong đó. Hần chia chiếc khăn tay ra trước mặt tôi. Tôi đón lấy, nhiệt tình hỷ mũi vào, như một cách để trả thù. Hần nhìn mặt, nhưng không câu gắt câu nào. Chỉ nói "Cô giữ luôn đi!" khi tôi trả chiếc khăn lại cho hần. Thì tôi giữ. Cũng chẳng sao. Tôi gấp gọn nó lại, cho vào trong túi xách rồi hất mặt đứng lên,

- Cô định làm gì?

- Đi về! Không được sao?

Tôi lườm hần một cái thật sắc. Dù gì tôi cũng đã khóc đủ rồi, đâu còn lý do gì mà ở lại nữa. Ở lại cho hần cười vào mũi tôi chắc. Hôm nay đúng là ngày nhục nhã nhất trong đời mình, tôi tự kiểm điểm. Sẽ không bao giờ có một lần thứ hai như thế này nữa. Cũng vì tôi chưa bao giờ yêu nên mới yếu đuối thế thôi. Đó là chuyện bình thường. Sau ngày hôm nay, tôi sẽ quên hần. Nhất định, tôi sẽ quên được hần.

- Muốn uống cà phê cùng tôi thì cứ ăn mặc như bình thường rồi đến ngồi cùng bàn là được.

Hần nói với theo khi tôi vừa đi được vài bước chân. Cứ như là vụn sắt bị hút về phía thanh nam châm vậy, tôi dừng lại ngay tức khắc, quay mặt lại nhìn hần. Hần đá lòng nheo một cái, nhếch miệng cười rồi rồ máy xe chạy mất. Tôi nhận ra rằng, lại thêm một lần tôi bị bỏ rơi giữa đường. Bộ hần nói tôi đến uống cà phê với hần thì tôi đến ngay chắc. Đồ kiêu ngạo. Đây không thêm. Uống một mình cho đến chết luôn đi.

- Trẻ con đừng có uống cà phê, ăn kem ấy!

Hần đẩy ly kem cao ngát về phía tôi và đổi ly cà phê đen về phía hần. Tôi cúi đầu, chẳng dám cãi lại lấy một câu. Thật quá mất mặt. Tôi tự nguyện rửa mình. Thà là đi chết quách đi cho rồi. Đã tự mình lầm bầm chửi rửa hần hết cả hai ngày, vậy mà ngày thứ ba tôi lại ngồi ở đây, trước mặt hần. Tôi ghét chính mình quá đi mất thôi! Thế đấy, cuối cùng thì dù hần có lạnh lùng, khó ưa đến mấy đi chăng nữa, tôi vẫn không thể nào thôi yêu thích hần. Kiếp trước tôi mắc nợ tên này cả tiền tỷ cũng nên. Nếu không thì cũng nợ hần cái mạng quên của tôi. Tôi chắc chắn thế!

Hần không có vẻ gì là thích tôi nhưng ít nhất thì hần cũng đã cho tôi đến gần, thỉnh thoảng cũng kể cho tôi nghe về vài chuyện của hần, dẫn tôi đi chơi chỗ này chỗ kia. Sự thay đổi còn con ấy của hần

làm tôi mừng vui đến mất ngủ. Thật kỳ lạ! Tôi biết hẳn không yêu tôi, nhưng tôi vẫn rất vui. Chỉ cần được ở gần hẳn, thấy hẳn cười với tôi, nghe được giọng hẳn nói là tôi đã thấy mãn nguyện lắm rồi. So với cái khoảng thời gian tôi chỉ dám đứng xa mà chiêm ngưỡng hẳn, đây có lẽ đã là một bước lớn. Tôi hài lòng vì điều đó. Tôi bằng lòng với những gì mình đang có. Tôi ước gì thời gian dừng lại vào lúc này, để tôi mãi được ngắm nhìn hẳn. Cho dù, chỉ mình tôi đơn phương thôi cũng không sao. Thế nhưng, chuyện đời đã bao giờ được như mong ước?

Nhận thông báo đi du học xong, tôi như người đi trên mây. Ngày trước, tôi mơ ước có được cái vé du học này bao nhiêu thì bây giờ nó làm tôi hoang mang bấy nhiêu. Tôi không muốn phải xa hẳn. Nếu tôi xa hẳn, dù chỉ ba ngày thôi, hẳn cũng sẽ quên tôi ngay chứ nói gì đến cả ba năm. Nhưng, đâu tôi có ở lại, cũng đâu chắc gì hẳn đã bên tôi mãi mãi. Tại sao ông trời cứ trêu đùa tôi hoài, lúc nào cũng đặt tôi trong cái thế chỉ được chọn một mà thôi? Tôi không thể tham lam một chút sao? Tôi có nên nói với hẳn rằng, tôi đã nắm được cơ hội đi du học như tôi mong ước? Hẳn sẽ phản ứng thế nào nhỉ? Tôi đột nhiên thắc mắc. Thế nào hẳn cũng bảo mình phải đi ngay thôi, tôi thờ dài. Hẳn luôn nói với tôi rằng, không bao giờ được để cơ hội tuột khỏi tầm tay, vì cơ hội chỉ đến có một lần. Từ bỏ cơ hội chẳng khác nào từ bỏ bản thân. Hẳn sẽ chẳng bao giờ chấp nhận cho việc tôi chần chừ chỉ vì hẳn. Tôi nên làm gì, phải làm gì thì mới đúng đây?

Tôi đã chẳng có nhiều thời gian để suy nghĩ và quyết định chuyện du học hay ở lại của mình. Chính cái lúc tôi đang đau đầu vì không biết nên làm gì thì tôi nhận được điện thoại của hẳn, nhưng lại do một người khác gọi, nói với tôi là hẳn

bị tai nạn xe. Tôi không nhớ là mình đã chạy đến bệnh viện hẳn nằm như thế nào nữa. Tôi chỉ nhớ cái cảm giác lo lắng đến nghẹt thở và tim tôi đau như vừa bị bắn vỡ ra thành từng mảnh. Sau nửa ngày phẫu thuật, người ta đưa hẳn ra ngoài, với băng gạc đầy người. Ca mổ rất thành công, nhưng hẳn chưa thể tỉnh lại ngay được. Ôn trời, vì hẳn còn sống. Tôi gục xuống, ôm mặt khóc nức lên thành tiếng. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy ông trời thật sự rất đáng yêu.

Những ngày sau đó, sức khỏe của hẳn đã khá hơn, nhưng, hẳn vẫn nhìn tôi bằng cái ánh mắt lạnh lùng, xa cách. Tôi không thể nào lý giải nổi thái độ ấy của hẳn. Chẳng phải chúng tôi đã từng thân thiết đó sao? Tuy không phải là tình nhân nhưng ít nhất cũng đã là tình bạn. Sao hẳn phải tỏ ra lãnh đạm như thế với tôi? Tôi chỉ là lo lắng cho hẳn, muốn chăm sóc cho hẳn thôi mà. Tôi có đơn phương cũng được. Tôi đâu có ép hẳn phải có cùng cảm giác với tôi. Tại sao hẳn phải để phòng tôi, phải đẩy tôi ra bằng cái thái độ khó chấp nhận nổi ấy? Tôi đau khổ. Tôi biết tôi không thể nào thôi yêu thương hẳn. Dù hẳn có lạnh nhạt với tôi, có đối xử tối tệ với tôi, tôi cũng không thể từ bỏ nổi hẳn. Tại sao tôi yêu hẳn? Chính tôi cũng không biết nữa. Giá mà tôi có thể lý giải được tình cảm của mình, ít ra, tôi cũng tìm được phương pháp để chống đối với con tim ngu ngốc ấy. Sao tôi lại yêu hẳn nhỉ? Tại sao cứ phải là hẳn?

Bỏ qua thái độ khó ưa của hẳn, tôi vẫn đến thăm và ở lại chăm sóc cho hẳn khi hai ông bà già đã mệt. Hẳn cáu gắt, khó chịu với tôi, và không tiếc lời cay độc. Càng lúc, hẳn càng khiến cho tôi đau khổ và mệt mỏi. Tôi tự nhủ với mình rằng, người bệnh thất thường là thế, nhưng tôi vẫn không thể không đau đớn. Cuối cùng, với hẳn, tôi cũng chỉ là một

thứ bỏ đi. Hẳn không cần tôi. Hẳn không muốn có tôi ở bên cạnh hẳn. Càng ngày, hẳn càng xa đuổi tôi dữ hơn, cứ như đuổi tà. Vậy mà tôi lại không thể để mặc hẳn. Tôi cần môi, nuốt những uất ức, tui hờn vào trong lòng, và nặng lời với hẳn.

- Anh vừa phải thôi. Anh muốn hai người già sắp xuống lỗ rồi chăm sóc anh đến không thể ngủ được lấy một giấc chắc? Tôi không đòi hỏi điều gì ở anh hết. Chỉ cần anh khỏe lại, có thể tự lo cho mình được, tôi sẽ đi. Vậy đã được chưa?

Hẳn nhìn bố nuôi, hỏi với giọng quan tâm, lo lắng. Ông già lắc đầu, bảo không sao hết, ông vẫn còn đủ sức. Hẳn quay mặt đi. Hình như hẳn đang cố giấu nước mắt. Tôi biết, với hẳn, gặp được ông ấy là sự an ủi của thiên đường. Hẳn sẽ ra sao nếu không có đôi bàn tay ấm áp ấy ôm lấy hẳn, bao dung cho hẳn. Ông già kéo tôi ra ngoài, bảo để cho hẳn ngủ. Ông dắt tôi ra ngồi ngoài ghế đá bệnh viện, ngáp ngừng một chút rồi bảo tôi,

- Bác mong cháu đừng vì nó nói khó nghe mà bỏ mặc nó.

Tôi cười buồn, nắm lấy tay ông già. Tôi đã nói là sẽ chăm sóc hẳn đến khi hẳn khỏe lại. Tôi không quên điều đó. Tôi muốn ông già hãy an tâm, cứ việc nghỉ ngơi, để hẳn cho tôi. Sau khi nghe tôi nói xong, ông ấy cười, cái cười hiền hậu và cảm kích.

- Cháu biết không, thằng bé không phải mồ côi cả cha lẫn mẹ đâu. Cha nó đã bỏ đi, hứa là sẽ kiếm thật nhiều tiền rồi về với mẹ con nó. Thế nhưng, ông ấy đã không bao giờ trở lại. Mẹ nó yếu ớt và bệnh tật, nên đã chờ đợi mòn mỏi cho đến chết. Thế nhưng, bà ấy vẫn yêu người chồng đã phụ bạc cho đến phút cuối cùng. Cháu hiểu ta muốn nói gì không?

Ông già ngược nhìn tôi. Ánh mắt ông

ấy đầy yêu thương, tin tưởng. Tôi chớp mắt, để rơi một giọt nước nóng hổi trên má. Ra là thế sao? Đồ ngốc! Không phải hẳn ghét bỏ tôi. Hẳn vẫn còn là một đứa trẻ luôn sống trong nỗi bất an và sợ hãi. Ngay cả việc có tình cảm với một ai đó cũng khiến cho hẳn lo sợ. Khác với hẳn, tôi không bao giờ để nỗi bất an xâm chiếm trái tim mình. Thứ mà tôi muốn có, tôi không bao giờ từ bỏ. Và, giờ thì tôi biết rằng, hẳn đã không thể thoát khỏi lưới tình mà tôi đã giăng ra. Yêu thương cũng giống như thuốc độc. Giờ thì anh cũng thử nếm nó đi!

- Cháu sẽ không để anh ta thoát khỏi cháu đâu. Bác cứ yên tâm!

Ông già cười,

- Cháu đúng là không tệ. Giờ thì bác thực sự nghỉ ngơi được rồi!

Hẳn vẫn tiếp tục cáu gắt, bắt tôi làm đủ việc suốt cả ngày, không lúc nào để tôi được ngủ ngon một giấc.

- Anh đã nói em là phải mua cà phê ở quán AB cho anh kia mà! Đổi lại đi!

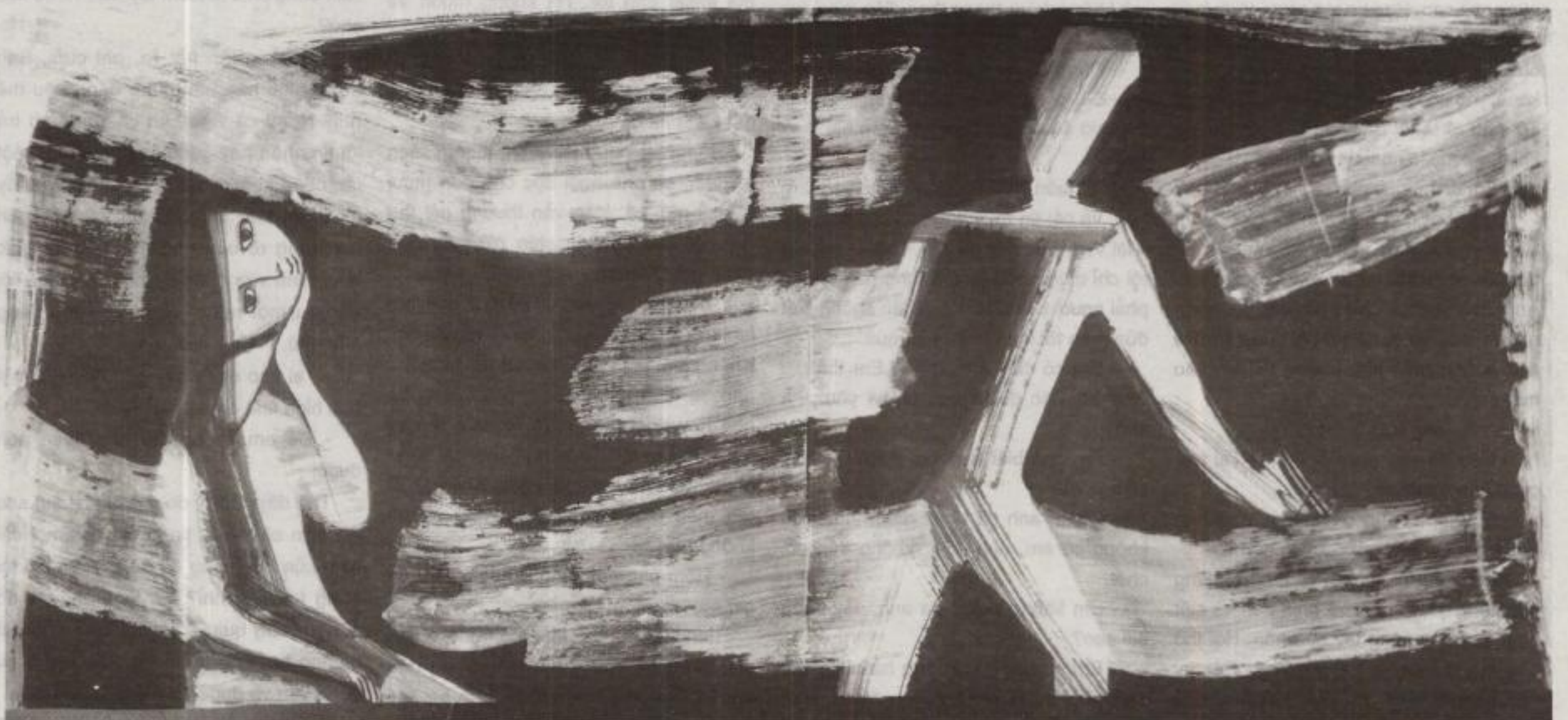
Hẳn quay mặt vào tường, không thèm nhìn đến ly cà phê mà tôi vừa mua về cho hẳn.

- Làm ơn đi, ông tướng! Bây giờ đã là 10 giờ đêm rồi, quán đó 11 giờ đóng cửa, làm sao em đi kịp. Mà đêm rồi, anh còn muốn uống cà phê để thức trắng à?

- Anh không biết! Đi đổi cho anh, ngay lập tức!

Hẳn hét vào mặt tôi. Thật là hết nói nổi mà, tôi cần môi, cố nén cái cục tức đang nghẹn ở họng xuống. Đi! Tôi đi là được chứ gì? Không biết hẳn còn muốn tiếp tục cái màn con nít đòi quà này đến lúc nào nữa. Tôi bực bội lôi cái xe ra khỏi cổng nhà hẳn. Hẳn đã được xuất viện, và tôi đang tạm trú tại nhà hẳn để tiện chăm sóc cho hẳn. Đúng là chiều một đứa trẻ

(Xem tiếp trang 8)



Minh họa của THÀNH CHƯƠNG

SỔ TAY THƠ

Mũ sắt mờ trong sương phủ
Anh nằm yên như ngủ say
Máu thấm đầy manh áo cũ
Nửa đường anh ngã xuống đây

Để anh trên sườn núi vắng
Không biết có bao giờ trở lại
Một ngày về tìm anh ở đâu
Giữa rừng nghìn lối cổ lau

Nắm súng chào anh lần cuối
Chúng tôi lại đi mê mãi
Nâng lên nhuộm đỏ hàng cây
Véo von những tiếng chim rừng.

NGUYỄN ĐÌNH THI

Lời bình của HÁN TRUNG CHÂU

G IỐNG như phần lớn thơ ông, *Người tử sĩ* là một bài thơ ngắn gọn, giản dị, kiệm lời. Người chiến sỹ hi sinh trên đường đi chiến đấu thành liệt sỹ là tiêu điểm ẩn tượng nhất của bài

thơ. Anh ngã xuống lặng lẽ bình thản. Hình như trong giây phút cuối cùng đó, không ai hay: *Mũ sắt mờ trong sương phủ/ Anh nằm yên như ngủ say*. Những thanh bằng liên tiếp trong câu thơ như một dòng nhạc trầm buồn, man mác, xa vắng. Chỉ hình ảnh *máu thấm đầy manh áo cũ* là nói lên tất cả. Anh đã hi sinh thân mình, hi sinh đến giọt máu cuối cùng rất oanh liệt và cũng rất bình thường giản dị. Anh đã đi vào cõi vĩnh hằng càng giản dị bao nhiêu, chúng ta càng xót thương và cảm phục bấy nhiêu.

Còn những người ra đi – những người đồng đội? – Họ cũng lặng lẽ buồn và... buồn lặng lẽ. Người đọc không nghe thấy một tiếng thở, lời than nào. Bao nhiêu cử chỉ, bao nhiêu việc làm của cả một số đồng đội vào hai tiếng “*Để anh*” - *Để anh trên sườn núi vắng...* Nhưng trong lòng mọi người đều cuộn lên một câu hỏi: “*Bao giờ trở lại?*” – Một sự trở lại rất mong manh bất định – *không biết có bao giờ...*! Đây là nỗi day dứt băn khoăn, trăn trở có ngay trong thời khắc đó. Tác giả kín đáo và sâu sắc như vừa nói với mình lại vừa giải bày, chia sẻ với người nằm lại cô đơn.

Để anh trên sườn núi vắng
Không biết có ngày trở lại
Một ngày về tìm anh ở đâu
Giữa rừng nghìn lối cổ lau

Dù vậy chúng tôi lại đi mê mãi. Trong giây phút tiễn biệt, người đọc thấy có cả lời chào trang nghiêm và lời hứa sắt son bằng một cử chỉ nhỏ nhưng quyết liệt: *Nắm súng chào anh lần cuối*. Đến tận hai câu trong khổ thơ cuối ta mới nhìn thấy ánh sáng của nắng trời nhuộm đỏ hàng cây, mới nghe tiếng hót véo von những chú chim rừng. Những ánh nắng ban mai và màu đỏ hàng cây, những tiếng chim rừng vừa làm cho người ở lại ấm lòng vừa cho người đi tiếp trên con đường chắc chắn còn nhiều gian khổ bớt phần bi lụy, vũng chí, rần rở hướng tới một ngày mai chiến thắng.

Bài thơ có kết cấu chặt chẽ mạch lạc. Những nghỉ suy, tâm trạng, tình cảm hoặc các chi tiết sống động tự nó gắn bó với nhau thành một mạch cảm xúc không thể khác. Nó như một lời thủ thủ tâm sự của người đồng đội với người đã hy sinh nằm trong lòng đất mẹ và hẹn một ngày trở lại tìm anh.■

THẾ LÀ QUÁ ĐỦ

(Tiếp theo trang 7)

không phải là chuyện đơn giản. Hần có thể nghĩ ra cả trăm việc một ngày, đủ để xoay tôi như xoay chong chóng. Giờ thì tôi tin rằng, cả khối óc lẫn cơ thể tôi đều được làm từ thép. Tôi còn phải tự nể phục sức chịu đựng của tôi nữa là. Tối quán AB, tôi vô tình gặp lại cô bạn. Nó kéo tôi về nhà, tán chuyện chán mới thôi. Tôi nhìn vào ly cà phê của hắn, chặc lưỡi. Dù gì hắn cũng chỉ kiếm việc cho tôi làm thôi chứ đâu có thực sự muốn uống. Chắc cũng chả sao. Hơn ba giờ sáng, tôi mới từ nhà cô bạn về nhà hắn. Đèn đóm tắt hết, chắc là hắn đang ngủ rồi. Tôi lục tìm chìa khóa, mở cổng. Không hề khóa. Lại thật! Tôi nhớ rõ là tôi đã khóa cẩn thận trước khi đi rồi mà. Không lẽ có trộm.

- Em đi mua cà phê tận Châu Phi hả?
Tiếng hét của hắn làm tôi giật mình. Hắn đứng chống nạng, thở như muốn đứt hơi, nhìn như muốn xé tôi ra làm hai. Ánh đèn đường chiếu xuống bộ dạng nhếch nhác và mướt mồ hôi của hắn. Tôi ngỡ ngàng nhìn như không thể tin vào mắt mình.

- Anh đang làm gì thế?
- Câu đó anh hỏi mới đúng? Tại sao giờ này em mới về?

- Em gặp con Ly ở ngoài, nên tới nhà nó chơi chút. Mà nói chuyện nên...

Không để tôi nói hết câu, hắn quăng cây nạng gỗ, kéo tôi về phía hắn và siết chặt tôi trong vòng tay của hắn. Hơi thở của hắn phả lên tai tôi, nóng rực. Đôi tay hắn hình như hơi run. Cơ thể hắn như đang nói với tôi rằng, hắn đã lo lắng đến phát điên lên được.

- Anh đã đi tìm em hả?

Hắn buông tay, đẩy tôi ra. Tôi cười buồn.

- Em đã nói là có đơn phương yêu anh cũng không sao? Nhưng em không muốn một cuộc tình mà em không rõ ràng.

Hắn cau mày nhìn tôi rồi đột ngột gắt lên.

- Phải, anh đã lo lắng, anh sợ là em xảy ra chuyện gì, anh đã tìm kiếm muốn điên lên được. Tại sao em có thể ra ngoài mà không thèm mang theo điện thoại kia chứ?

- Đúng là anh đã lo lắng cho em rồi!

- Đúng, anh rất lo lắng! Anh sẽ không bao giờ để em rời khỏi anh, em hài lòng chưa?

Một tuần sau đó, bạn tôi đến thăm hắn, và cái tin tôi lưỡng lự đi du học hay ở lại Việt Nam đến tai hắn. Thật ra thì bạn tôi chỉ muốn đùa thôi, nhưng hắn không phải người biết đùa. Và vì hắn không biết đùa, nên tôi lãnh nhận hậu quả.

- Em có điên không hả? Em thật sự định bỏ việc đi du học chỉ vì yêu anh sao?

- Em còn biết làm sao được? Anh bị tai nạn mà!

- Đúng, anh đã bị tai nạn, nhưng dù không có em, anh cũng không đến nỗi chết.

- Em không muốn xa anh, vậy cũng sai sao?

- Em có bị ngốc không hả? Bây giờ anh cũng đang yêu em, yêu đến chết đi được, nhưng không có nghĩa là anh sẽ mãi yêu em. Trong cuộc sống này, em

không thể dựa dẫm vào bất cứ ai ngoài bản thân mình. Em chọn đi, đi học để có tương lai tốt hơn hay ở lại và bị anh bỏ rơi?

Thế đấy! Đổ khốn! Hắn cứ luôn miệng nói yêu tôi nhưng lại tống cổ tôi đi ngay lập tức khi biết tin tôi được đi du học.

Mỗi ngày, tôi đều đặn đến trường, đi thư viện, cầm cùi bài vở và đêm về trông chờ email của hắn. Nước Pháp lạnh thật, lạnh đến đóng băng. Chỉ có những bức hình của hắn là giúp tôi có được chút ấm áp khi đêm về. Dẫu sao thì tôi vẫn trông chờ email hình của hắn từng ngày. Tôi bắt đầu có cái thói quen lang thang bên ngoài hay chết đi ở thư viện trước giờ hắn gửi email cho tôi. Tôi không muốn về phòng khi thư của hắn chưa tới. Tôi cần có một cái gì đó để mong đợi, để tin tưởng rằng, tôi không cô đơn trên vùng đất xa lạ này.

Hôm nay, như thói quen, tôi ôm sách ra quán cà phê ngồi đọc cho đến mười giờ tối mới về. Hắn vẫn thường gửi thư cho tôi vào khoảng chín giờ rưỡi đến mười giờ. Xếp sách vở vào túi sách, tôi xoa hai tay vào nhau, hà hơi cho bớt lạnh rồi một mình chậm rãi đi về nhà trọ. Không biết hôm nay hắn sẽ gửi hình thế nào, là hình hắn đang ăn tối, uống cà phê hay đọc sách nhỉ? Tôi vừa đi vừa nghĩ. Thế ra tôi vẫn còn có một cái hạnh phúc nho nhỏ lúc cuối ngày. Không biết tên máu lạnh ấy có thêm nhớ tới tôi không nữa.

- Hôm nào em cũng ở ngoài đến tận giờ này sao?

Tiếng hắn như một cơn lốc, cuốn phăng tất cả những lan man trong đầu tôi. Tôi ngược mắt lên nhìn. Hắn tựa tay vào ban công, quần áo ẩm, khăn mũ len trùm kín người. Bước chân tôi chới với

trên bậc thang cuối cùng. Hắn kéo tay tôi, nhếch mép cười, cái cười ngạo mạn và kiêu căng bẩm sinh. Tim tôi như muốn vọt ra khỏi lồng ngực sau vài giây quên phải đập. Tôi lắp bắp không nói ra thành lời. Hắn cười,

- Muốn hỏi tại sao anh lại ở đây chứ gì? Phải có lý do mới được sao?

- Nhưng... nhưng... điện thoại...

- Anh không gọi điện hay nhắn tin chứ gì? Anh không muốn bị phản tâm.

- Phản tâm?

- Em tưởng là anh ngồi chơi trong suốt nửa năm qua chắc? Hắn vầy vầy tờ giấy gọi nhập học trên tay, cười đắc thắng. Anh cũng phải tự kiểm lấy một vé du học chứ?

Tôi bồng thờ hást ra, phì cười. Sao bất cứ lúc nào hắn cũng đáng yêu thế nhỉ? Ngay cả việc hắn chẳng thèm trả lời tin nhắn hay gọi điện cho tôi lấy một lần cũng không còn khiến tôi cảm thấy tủi thân, khó chịu gì nữa. Nhìn khuôn mặt rạng rỡ của hắn, tôi có cảm giác như mình vừa được đền bù. Ra thế! Tôi đã yêu một người vô cùng xứng đáng đấy chứ.

- Tại sao mỗi ngày anh đều gửi một bức hình cho em vậy?

- Để em không thể nào quên anh được!

Thế đấy! Cái lý do rõ trời ơi. Làm sao mà hắn có thể tự tin là chỉ cần một cái hình của hắn cũng đủ để giữ trái tim tôi trong tay hắn nhỉ? Mà thôi, chuyện đó cũng chẳng quan trọng gì lắm. Hắn bắt thường từ trong trứng rồi. Tôi biết là tôi đang yêu và được yêu. Thế là quá đủ!■

T.T

(*) Đáng yêu, tươi mát...

THANH QUẾ

Người gặp trên đường

Anh ấy không mắng tôi
Cũng không đánh tôi
Như nhiều người khác
Khi tôi đi trái đường
Đâm vào xe anh ấy

Anh đặt xe bên đường
Chạy đến đỡ tôi dậy:
- Anh có sao không? Xe có sao không?
- Không, không sao, tôi biết lỗi cuống quýt trả lời.

- Thế thì tôi đi nhé – anh chào
(Không giống nhiều kẻ trong đời)
Bình tĩnh
Nhường nhịn mọi người
Sao tôi bật khóc.



Gởi con gái

Sài Gòn chắc đang ầm ập
Còn ngoài này gió lạnh và mưa
Ba ho nhiều
Lạnh, khó thở
Và buồn nữa
Ba nhớ con và bé Cỏ
Chắc bây giờ mẹ con con
Đang ôm nhau ngủ

Con à, con gái của ba
Nhiều lần ba mắng oan con
Có lúc giận đánh con
Nhưng con là đứa con gái ba yêu quý nhất

Ba và mẹ tính nết khác nhau
Ý thích khác nhau
Nên hay xảy ra cãi vã
Nếu có con sẽ dần hòa rất dễ
Nhưng con lại ở xa
Ba buồn quá

Ba mong
Sức khỏe con luôn luôn tốt
Ba mong
Con có nhiều niềm vui
Ba mong
Con hạnh phúc

Con gái ba
Chỉ nghĩ đến con
Là ba còn niềm vui sống
Niềm vui sáng tác...

Rồi một ngày ba ra đi mãi mãi
Chắc ở thế giới bên kia
Ba cũng nhớ con quận thất
Cũng phù hộ cho con
Con là đứa con gái ba yêu quý nhất trên đời!



Loài có cánh

Tôi cấm con châu chấu định bẻ cánh cho chim ăn
Con trai tôi nói: Ba ơi, châu chấu có cánh bay
sao ba lại bẻ?

Nhìn vào đôi mắt rưng rưng của nó
Tôi vội thả cho châu chấu bay đi

Rồi không hiểu nghĩ sao tôi lại mở lồng
Thả cho chim bay nốt
Con chim lượn một vòng từ biệt
Đôi cánh chấp chới mất hút giữa trời xanh

Từ đó tôi có thêm một thú vui mới nữa:
Thích ngắm nhìn những loài có cánh bay...

VƯƠNG ĐÌNH TRÂM

Qua một khu rừng cháy

Tro theo lũ trôi rồi
Phơi lưng núi như lưng người chịu bỏng
Những cành cây cháy sém giờ lên
Bấu víu vào khoảng không vô vọng
Thân cháy rụng hàng hàng cọc đồng
Lời cây trắng trôi với đất đai.

Cúi xuống gặp trụi trần bóng tôi
Tôi ngỡ mình là gốc cây sót lại
Áo bảo hộ sạm màu gỗ cháy
Hai tay tôi mang dáng cành cây
Mười ngón chân - mười rễ cây cháy cụt
Sao gió rừng còn xuống đất mà quay?

Chẳng thể nào tìm được nơi đây
Vân gỗ lát hoa, màu hồng chò chỉ
Trong gió khét không thể nào nhận thấy
Mùi thơm ảm ập của đe hương
Thành than rồi sến, tấu, trai, lim
Nát vụn dưới chân tôi bước khê.

Hồi que diêm sinh ra từ thân gỗ
Sao về đây lại hoá lửa đốt rừng?
Ai nâng niu từng luống cây trồng
Vườn ươm cây sum vầy vườn trẻ
Ra với rừng, cây xếp hàng thẳng thế
Giống như người, cây cũng biết buồn vui
Sẽ hiểu tình rừng, sẽ hiểu lòng tôi
Trước rừng cháy mất nhòa đi không rõ.
Nuôi mười năm, đất chưa thành rừng gỗ
Một giờ thôi, rừng gỗ hoá đất cần!

Tôi bước đi giữa cảnh cội màu than
Mà tưởng gặp cánh tay rừng chời với
Cùng đất nóng truyền một lời kêu gọi:
Hãy thương cây, đừng để lửa cháy rừng!

Lời ru

Ngọt ngon ru cháu ngủ rồi
Là khi cay đắng ông ngồi ru ông.

Biết bao câu chuyện não lòng
Dậy từ ký ức một vùng xóm thôn
Cái thời người ốm thêm cơn
Một nhà rán mỡ mùi thơm khắp làng
Cái thời ăn lộc là hoang
Thay lớp xe đạp cả làng hay tin
Nửa tre và vôi làm phen
Một nhà có khách ba bên ghé nhìn
Cái thời đêm đến tối đen
Hết dầu, nhựa trám làm đèn, cũng không
Chiến trường hút hết dân ông
Đường làng đội trường ung dung đi về
Cái thời nghĩ lại mà ghê
Một căn cá ướp đem chia mười nhà
Bã khô dầu để làm quà
Vỏ bao phân đạm rọc ra may quần...

Cái thời bao chuyện lạ lùng
Ông ru để nhớ, cháu đừng có nghe
Kẻo rồi giật thót cơn mê
Cánh cô chẳng dám bay về nữa đâu

Ngủ đi, cháu ngủ cho lâu
Để ông còn gọi nỗi đau ru mình.



Viếng bạn

Hắn đây là lần cuối
Tao đến viếng mộ mày
Trời đang xuân ảm ập
Sao lòng trở heo may?

Rời quê hương năm đó
Hai chúng mình lên đây
Giữa rừng xanh nước độc
Chưa no đủ một ngày.

Mày vào tổ khai thác
Tao đi điều tra rừng
Nắm cơm độn bên hông
Theo bước ta mỗi sáng.

Mảnh chân bông năm lạng
Trụ đêm rét rừng già
Nhút, măng rồi quả cọ
Đáp đối tháng ngày qua.

Rồi một ngày tháng ba
Mày đi không về nữa
Vợ con thì chưa có
Cha mẹ mất lâu rồi
Mộ mày, một nắm đất
Giữa rừng già đơn côi.

Ngẫm nghĩ về cuộc đời
Càng thương mày thêm nữa
Có chăng kiếp luân hồi
Để cho mày đỡ khổ.

Lác đác bóng chiếu rơi
Trên lối mòn xa cũ
Bàn tay già run run
Tao cầm hương lên mộ
Vĩnh biệt mày, Mai đi
Chiều nay rừng trở gió...

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

ĐÔI ĐIỀU VỀ HUYỀN THOẠI

MARINA WARNER (Úc)

CÁC nhà văn không trang điểm hay nâng cấp huyền thoại, họ tiếp nhận chúng rồi viết lại chúng. Thậm chí Homer ngày xưa còn suốt đời lang thang đi kể những câu chuyện mà hầu như công chúng ai cũng biết. Nếu giả sử ai đó còn chưa quen với những chuyến đi choáng váng của Odysseus, hay những sự kiện kỳ lạ của cuộc chiến thành Troy, mà chỉ nghe Homer lần đầu (kiểu như mỗi chúng ta khi còn bé nghe chuyện cổ tích), thì họ vẫn có thể cảm nhận được rằng, những câu chuyện đó có một bầu không khí thuộc về di sản tinh thần chung của mọi người. Tác giả hiện hữu của chúng- ví dụ nếu Homer đúng là như thế- thực ra chỉ hành động như một ống dẫn, truyền đạt tri thức tập thể, bằng cách nhặt lên một đầu mối rồi trình diễn nó dưới dạng mới mẻ.

Trong một bài luận lấy cảm hứng từ "Những người dịch Nghìn lẻ một đêm", nhà văn Jorge Luis Borges đã ca ngợi "những thay đổi thì thầm" của các cây bút xuyên thời gian và xuyên không gian văn hóa. Ông chỉ ra rằng, càng nhiều những sự tương tác giữa các nền văn học, tấm thảm hình ảnh càng được dệt đi dệt lại nhiều lần, thì những câu chuyện hiện ra trước công chúng càng giàu có về mặt ngôn ngữ, về cách biểu hiện, và về những ẩn dụ nhân văn. Borges không hề quá tin vào mọi điều, thậm chí cả những phép màu, nhưng ông phủ nhận sự thành công của văn học nếu thiếu sức hư cấu và những huyền thoại. Ông biên

soạn một tập truyện ngụ ngôn lộng lẫy và rất có ích, cuốn **Sách về những Hình ảnh**, trong đó bao gồm toàn bộ các quần thể hình ảnh của thế giới văn học cổ kim, từ quái vật đuôi rắn mình dê đầu sư tử, đến những con rồng các dạng, rồi họ hàng những nàng tiên cá, quái vật mình trâu đầu lợn luôn cúi mặt, nhìn đầu chết đấy, hơi thở lan truyền dịch bệnh... Nhưng Borges cũng chép vào đấy những tưởng tượng của chính ông, ví dụ loài vật chỉ sống trong gương, một hình ảnh méo mó hắc ám, biểu trưng cho sự phân thân ma quái trong thế giới con người.

Borges thích huyền thoại bởi ông tin vào nguyên tắc "hình ảnh không bỗng dưng mà có". Ông bảo, biết truyện cổ, hoài niệm và tái hiện lại chúng, những việc đó giúp cho sự nhận thức của chúng ta được toàn diện hơn dưới đêm hội hoa đăng. Những huyền thoại thì không bao giờ nói dối hay ảo tưởng đơn thuần, như Nữ hoàng Amazon Hippolyta trả lời Theseus khi hắn bôi nhọ những bữa-mê của nàng: "Mọi câu chuyện trong đêm đều được kể tới cùng/ Mọi ý nghĩ đều cùng nhau chuyển hóa/ Mỗi hình ảnh là cả chòm ý thức/ để biến thành niềm kiên định lớn lao" (Giấc mộng đêm hè). Một trong những tác phẩm nổi tiếng của Borges, truyện ngắn **Khán đài đồ nát**, hé lộ một truyền thuyết bí ẩn nhưng hoàn hảo của thế kỷ XX: Một thầy phù thủy mơ thấy mình trở lại là một đứa trẻ. Nhưng sau đó lão phát hiện ra rằng, chính lão đang mơ, bởi lão đi qua lửa mà



vẫn không sao.

Ở đây, Borges đã khảo sát và thêm vào những yếu tố chuyển hóa pháp thuật giấu kỹ dưới lớp băng tuyết dày của đại nguyên Siberi hoang vu và được các nhà dân tộc học trường phái thần thánh Paris như Georges Dumézil, Marcel Mauss, Marcel Granet khai quật. Borges đã hư cấu lại bối cảnh chính thành một di tích đồ nát ở một khu rừng Nam Mỹ, ghép hình tượng pháp sư Siberi vào bối cảnh Anđiêng Nam Mỹ gần gũi hơn, thành những đàn ông và đàn bà có thể biến hóa trong giấc ngủ, linh hồn ra khỏi cơ thể và ra khỏi thời đại mình. Huyền thoại không chỉ được lưu giữ trong cộng đồng, chúng còn kết nối những thế giới xa xôi qua những năng lực tinh thần ngụ ngôn chung của loài người- cái mà Henri Bergson gọi là "ngụ ngôn chức năng",

tức khả năng sáng tạo huyền thoại không dân tộc nào không có.

Chữ "huyền thoại" thường được dùng để gọi lên một tôn giáo đã chết (ví dụ Các vị thần núi Olympus ở Hy Lạp, các vị thần Na Uy...), nhưng nó cũng được áp dụng một cách khá lạ đẽnh cho những câu chuyện linh thiêng của dân gian, nơi con người vẫn được xem một cách vô thức là hồn nhiên, mộc mạc, do vậy dường như chưa trưởng thành (những sử thi Sanskrit của người Hindus, những truyền thuyết của thổ dân Australia, hay những truyện kỳ của người Anđiêng ở Brazil...). Cả Jung lẫn Freud đều dùng quan niệm này để chẩn bệnh, rồi nâng cao lên, thành một đề xướng, xem những khuynh hướng bản nguyên từ thời tiền sử của con người, những nhu cầu và nỗi sợ của họ, đều có thể dò tìm qua huyền thoại. Với Freud, câu chuyện đã man kể rằng thần Zeus thiến rồi dựng Kronos thành kẻ cai quản núi Olympus, đã minh họa cho cuộc xung đột xảy ra giữa người cha và những đứa con trai trong các bộ lạc thời tiền sử. Cái cách Freud kể đi kể lại câu chuyện này đã trở nên ấn tượng đến nỗi, một số người vẫn tưởng rằng một huyền thoại tương tự cũng liên quan đến cách mà cha của Kronos, thần Ouranos, bị phế truất một cách êm thấm - ông ta trở nên rầu rĩ, rồi bị con trai ném khỏi bầu trời như một hình phạt vì đã lạm quá quyền hạn của mình. Mấy năm trước khi ông Brown trở thành Thủ tướng Anh sau sự ra đi khá lúng túng của ông Blair,

XẤU ĐẸP TRONG MẮT AI?

UMBERTO ECO (Italia)

Mọi thế kỷ, các nhà triết học và các nghệ sĩ đều vẫn luôn tranh cãi về cái đẹp, và nhờ có họ, loài người có thể hình dung được một con đường của mỹ học, vượt thời gian. Nhưng điều này không xảy ra với... cái xấu! Hình như thời nào cũng vậy, cái xấu luôn đồng nghĩa với sự tương phản của cái đẹp, và vì vậy, chẳng ai thêm để ý tới nó, chứ đừng nói dành lời cho nó.

Một lịch sử của cái xấu, nếu có, chắc hẳn, theo ý tôi, cũng chia sẻ đôi điều cùng lịch sử cái đẹp. Thứ nhất, chúng ta chỉ có thể giả định rằng, khẩu vị của mọi người bình thường, hay của thời đại, thì cũng tương hợp với của các nghệ sĩ trong thời đại đó. Nếu một vị khách đến từ vũ trụ bên ngoài, ghé thăm một phòng tranh của các nghệ sĩ đương đại, nhìn thấy khuôn mặt của các phụ nữ trong tranh Picasso, rồi nghe các "họa bình gia" tán tụng chúng là đẹp, thì hẳn anh/chị ta sẽ phải hiểu một cách nhầm lẫn rằng, đàn ông Trái Đất thích những khuôn mặt phụ nữ theo kiểu như vậy đấy!

Nhưng các vị khách vũ trụ của chúng ta cũng có thể hiểu chính lại nhận thức nếu được xem tiếp một cuộc thi hoa hậu, ví dụ Hoa hậu Hoàn vũ, trong đó ban giám khảo tranh cãi kịch liệt về các khuôn mặt, để sớm tìm ra được ai là người đẹp nhất.

Thật không may, nếu anh/chị ta đến sớm hơn, vào thời ngày xưa, anh/chị ta sẽ không thể biết loài người trên Trái Đất thích một vẻ kiểu dáng như thế nào, vì chẳng có cuộc thi hay triển lãm nào cả, ngoài mấy vị nghệ sĩ lừng lẫy tô điểm các dung nhan trong phòng vẽ. Chúng ta trước kia không hề có những bài giảng lý thuyết, rằng tại sao những bức họa kia lại nhằm tôn vinh vẻ đẹp duy mỹ, niềm sợ hãi, hay chỉ vui vẻ đơn thuần.

Với một người phương Tây, một cái mặt nạ tôn giáo Châu Phi dường như có vẻ... hơi nhiều lông. Nhưng với những người Châu Phi bản địa, cũng chính cái mặt nạ ấy lại đại diện cho một vị thần nhân từ, rộng lượng. Ngược lại, những con chiến của các nền tôn giáo phi-Châu-Âu thậm chí có thể phần nộ trước hình ảnh Chúa Jesus bị hành quyết, máu me đầm đìa, tui nhục khờn cùng. Họ biết đầu sự xấu xí, bám dính về thể lực, bấy nạt về tinh thần chính là cái có thể gọi là sự cảm thương, hô ứng trong lòng các chiến ngoan phương Tây.

Trong thời Trung Cổ, nhà mỹ học Jacques de Vitry (1180-1240) thuộc Đại học Paris, trong khi ca ngợi vẻ đẹp của các bức tranh thần thánh, đã phải thừa nhận: "Có lẽ những người Cyclopes một mắt, làm choáng váng những khán giả hai mắt xem tranh, cũng kinh ngạc không kém rằng tại sao lại có những loại người hai hay ba mắt". Nhiều thế kỷ sau, điều này lại được Voltaire nhắc lại trong **Từ điển Triết học**: "Hãy hỏi những con cóc, về đẹp là gì, về đẹp đích thực ấy... Chúng sẽ nói rằng, đó là lũ cóc cái, hai mắt lồi ra từ cái đầu nhọn hoắt sắc sù, cổ to bành, bụng vàng ệch, và lưng thì ngăm ngăm... Hãy hỏi bọn quỳ sa tăng, chúng sẽ bảo đẹp nghĩa là phải có hai sừng, bốn chân móng nhọn, và đương nhiên, một cái đuôi".

Thế nào là xấu, cũng như thế nào là đẹp, vậy là không thuộc phạm trù Mỹ học, mà thuộc phạm trù Triết học. Có một lối ra, trong đó Karl Marx chỉ rõ rằng tiền bạc có thể bồi thường cho cái xấu: "Đồng tiền có thuộc tính là mua được mọi thứ, giúp cho sự sở hữu mọi điều, do vậy, nó là vật ưu việt xứng đáng... Quyền lực của tôi sẽ vượt tới đâu, tùy thuộc tôi có bao nhiêu tiền... Tôi là ai, hay tôi có thể làm gì, do vậy, là chuyện ít tùy thuộc vào tính chất riêng của tôi nhất. Tôi xấu ư? Nhưng tôi có thể mua người con gái đẹp nhất cho tôi. Nghĩa là tôi không xấu. Nghĩa là hiệu ứng của cái xấu, cái thứ đáng buồn nản nhất của tôi, đã bị triệt tiêu bởi đồng tiền".

Cái xấu có còn tiếp tục đơn giản bị xác định như là vật đối chọi của cái đẹp không? Hay một lịch sử của cái xấu, giả sử có như vậy, có còn tiếp tục bị coi là ảnh đối xứng của lịch sử cái đẹp?

Chúng ta, có lẽ, sẽ phải chú ý đến quá trình xem xét câu chuyện này. Chúng ta phải xem kỹ những ngụ ý phù thủy từng tồn tại trong lịch sử, xem bọn chúng có đáng sợ, nếu chúng được tuyên truyền như vậy. Trong màn đầu tiên của vở **Macbeth**, bọn chúng đã rú lên: "Đẹp tức là ngu ngốc, và ngu ngốc là đẹp".

Hay chúng ta đầu hàng lũ chúng, bởi bản thân cái sự đẹp nhiều khi cũng đồng đánh lăm, chứ chẳng chịu yên ổn một bề như chúng ta tưởng?

MINH THÔNG
(Dịch từ Newsweek.com)

*Umberto Eco, nhà văn, nhà ký hiệu học nổi tiếng người Ý.



Người đàn bà khóc, Picasso, 1937, Phòng tranh Tate, London.



Nhà văn Max Herrmann-Neisse, tranh của George Grosz, vẽ năm 1925.

ĐỌC RỒI THÌ PHẢI... XEM?

RANDY MALAMUD* (Mỹ)

câu chuyện Hy Lạp này lại được dân chúng rộ lên kể như là biểu hiện của quyền năng soi rọi không bao giờ tắt của thế giới huyền thoại. Như một nhà thơ La Mã, thi nhân Sallust, từng viết về những huyền thoại như vậy: "Những điều này không bao giờ có, nhưng lại luôn luôn xảy ra". Vấn đề chỉ là ở chỗ, chúng ta học được điều gì?

"Huyền thoại hoàn toàn không phải hàng rào bảo vệ dựng lên ở mỗi khúc cua nguy hiểm dọc đường tàu, nhằm bảo vệ cá nhân la đếnh nào", nhà phê bình Roger Caillois, đồng thời là bạn thân của Borges, viết. Phải, thật hiếm khi có được một nhà văn như Mary Shelley: chộp lấy một câu chuyện và một ấn phẩm để cảnh báo rằng, sự phát tán tư tưởng từ các trang viết ra đời thực thì xảy ra ngay lập tức. Nhân vật bác sĩ Frankenstein của bà hình thành từ huyền thoại Faust, tự ông ta là một hình ảnh kiêu căng của loài người, thừa hưởng những đặc tính của Prometheus, Lucifer và những chiến binh nổi loạn chống lại Chúa Trời cùng những giới hạn họ tưởng tượng ra. Nhưng trong một sự cách tân chói sáng của lòng trắc ẩn, Shelley đã tập trung sức để thay thế bằng Sáng tạo, và bằng Sáng tạo của bà- đặc biệt qua sự thể hiện bi thiết của diễn viên điện ảnh Boris Karloffs- đã đi trú ẩn không biết bao nhiêu lễ hội và các nghi thức thần thánh (những bữa tiệc hóa trang, những cảnh tượng rừng rợn mất ngủ, những đêm hội Halloween), kể cả hàng tá những cơn ác mộng về công nghệ biến đổi gen. Nhưng nếu Hiện thân của Frankenstein tiêu biểu cho nỗi ám ảnh của người La Mã thời Trung cổ, những nạn nhân của kiểu khoa học duy lý rời rạc, thì thử hỏi ngày nay, loại huyền thoại nào có thể được thức tỉnh và tái tạo để cảnh báo về nguy cơ lý trí hóa các hình ảnh?

Tôi thấy dường như Erichsychthon đã làm một bản cáo trạng mạnh mẽ trước thế giới về thảm họa môi sinh: ông tái hiện hình ảnh già bạo chúa trong thơ của nhà thơ La Mã Ovid, người đã chặt hạ cả cánh rừng, mặc dù đã được cảnh báo về tai họa không thể tránh khỏi, và khi các vị nữ thần thiên nhiên nổi giận trừng phạt bằng nạn đói, ông ta đã bán cả con gái để đổi lấy thức ăn, và khi không còn gì để bán, ông ta đã phải tự ăn thịt mình, từng miếng từng miếng một.

Những huyền thoại khác của thời đại chúng ta có thể là chính những kỳ quan hay những hiện tượng thiên nhiên- lo tìm hết nước này qua nước khác; Leto bị cấm nằm nghỉ ở bất cứ đâu khi sinh hạ những đứa con; Aeneas công cha trên lưng, rời thành Troy khỏi lửa, giống như Dido rời thành Tyre, cả hai đều trốn chạy về phía Tây.

Năm 2003, hành tinh mới nhất được phát hiện mang mã số 2003-UB313, đã được đặt tên là Eris để tưởng nhớ Nữ thần Tranh luận, người mà những lời lẽ của bà đã là nguyên nhân của cuộc chiến thành Troy. Vấn đề về cuộc chiến tranh này thì chưa từng bao giờ lắng dịu. Tuy nhiên, hóa ra các nhà thiên văn không hề lấy hứng khởi từ tình trạng của thế giới quanh mình, họ chỉ phần chần từ chính nghề nghiệp của họ. Trong một tinh thần chống lại sức hút của hành tinh Eris, tôi hy vọng sẽ có người tìm ra một thiên thể khác, hoàn thành giấc mơ của các nhà ngụ ngôn, mang nó ra với thế giới như là một sáng tạo mới của tấm gương huyền thoại. ■

PHÚC TỰ THANH
(Dịch từ Theliberall.co.uk)

* Marina Warner là Nhà Huyền thoại học, đồng thời là Nữ gia Văn hóa. Tác phẩm mới nhất của bà là cuốn *Áo ảnh: Hình ảnh Tinh thần, ẩn dụ, và Những hoàn cảnh* - Nhà Xuất bản Đại học Oxford ấn hành.

NHIỀU năm trước đây, khi đến London lần đầu, dù còn rất mệt mỏi sau chuyến bay dài, tôi vẫn vội vã đến thẳng cây cầu cổ kính huyền thoại của thành phố này. Ở đó, tôi được chìm vào dòng người đi bộ buổi sáng, để nhớ lại câu thơ bất hủ của một thi nhân chân nản: "Ồi, sao nhiều thế/ Không ngờ thần chết đã tha được cho nhiều người đến thế". Cũng ở London, tôi đã dân mắt từ xa vào cái nơi mà "lên đối cao rồi xuống phố Vua/ tới nơi thánh Mary bảo quản thời khắc/ bằng cái âm thanh chết chóc lúc 9 giờ khuya". Tôi lại được lần theo những bậc cầu thang thê thảm, nơi T.S. Eliot nặng nhọc thực hiện công việc tẻ ngắt của mình ở Ngân hàng Lloyds. Cái lối đi đã trở thành kỷ ức lừng danh trong tiểu thuyết *Miền đất hoang phí*, để rồi từ đó, tôi đã chết mê chết mệt với những chuyến đi khám phá mà ngày nay người ta bắt đầu đặt tên là Du lịch Văn chương.

Chuyến thăm đó của tôi giống như lời kể của Anna Quindien trong cuốn sách *London ấn tượng: Chuyến du lịch tới Thành phố Hư cấu Lớn nhất thế giới* (Nhà sách Địa lý Quốc gia, 2004), trong đó bà thốt lên kinh ngạc trước một loạt những địa chỉ văn học thế này: "Tôi đã đọc và đã tưởng tượng được hầu hết về chúng trước khi quyết định đặt chân tới Anh. Do vậy khi có mặt để chiêm ngưỡng London lần đầu, tôi có cảm giác không cần phải ai giới thiệu, hướng dẫn. Tôi đã ở nhà mình rồi".

Trong cuốn sách *Du lịch Văn chương* (Nhà xuất bản Palgrave Macmillan, Mỹ, 2007), tác giả Nicola J. Watson, một nữ giáo sư Đại học Mở chính quê Anh quốc, đã gọi những hoạt động kiểu này là "biến thể thế tục của những chuyến hành hương tôn giáo". Giáo sư Lawrence Buell thuộc Đại học Harvard thì đã không ngần ngại dán cho loại hình du lịch đó nhãn mác "thiên liêng". Ông kể ra chuyện nhà tự nhiên học John Muir năm 1893 tới thăm Concord, với những cảnh quan tươi đẹp như thể một cung điện của "chốn tĩnh lặng thánh thần". Theo Buell, "*Concord chuyển tải được ý nghĩa đặc biệt, khiến các du khách có cảm giác như được đắm lên đầu chân của những người vĩ đại*", rồi thì "Muir đã chăm chú chiêm ngưỡng, đắm chìm trong suy tưởng trước làng mộ của những người khổng lồ". Buell so sánh sự kính cẩn này với sự hành xác mà chúa Jesus phải gánh chịu.

Trong thế kỷ XVIII, những người lữ hành đã bắt đầu biết thăm mộ phần, nơi sinh hạ, và ngôi nhà thuở sinh thời của những danh nhân văn hóa. Đó là nhận xét của Watson, để rồi bà có thể kết luận: "*Tái phát hiện mọi vùng trên bản đồ quốc gia bằng những cái tên mới, ví dụ Quận Shakespeare, Quận Hồ Wordsworth, London của Dickens, Wessex của Hardy... là những việc làm khôn ngoan của các nhà chức trách*".

Watson cho rằng du lịch văn chương "đối nghịch một cách sâu sắc về mặt trực giác, so với việc đọc rồi tưởng tượng". Bà mô tả sự lúng túng thấy rõ khi các học giả chuyên ngành văn học phải thực hành những chuyến hành hương văn chương, bởi vì trong thời của Barthes và Foucault, "*chỉ những kẻ nghiệp dư, những độc giả ngây thơ mới tin rằng vẫn còn có cái gì đó để phát hiện tại những địa chỉ được đánh dấu*". Mượn câu nói của Jacques Derrida, bà cho rằng khung cảnh các du khách văn chương tìm thấy chính là "phần phụ thêm vào nguy hiểm".

Các viện sĩ khác, cũng vậy, thay nhau gièm pha hiện tượng này. Họ kể với nhau, rồi bật mũi cười câu chuyện sau: Trong một trang tham khảo mang tên "Kỳ án: Hai hình ảnh Wordsworth", giáo sư Frank Duba thuộc Đại học Millersville, bang Pennsylvania (Mỹ), đã xem băng video do một du khách quay được. Giáo sư đã tìm thấy "*hình ảnh một ca sĩ hát rong mặc áo lông đỏ, đang hát vang lời ca của Wordsworth*".

Giáo sư Duba này mô tả: "*MC Nuts đi tha thẩn qua Quận Hồ, ngắm rừng cây, chiêm ngưỡng những khu vườn được xén tỉa công phu, và tất nhiên trầm trồ những cây hoa thủy tiên màu vàng tuyệt đẹp. Ông biết rất rõ chỉ có một gã bồi bàn đang mở sâm banh. Rồi bỗng xuất hiện ca sĩ hát rong với lời ca là lời của bài thơ Hoa Thủy tiên vàng, trong vở nhạc kịch *Tôi lang thang như mây* của Wordsworth. Các bạn trẻ ơi, đã 200 năm rồi mà những câu thơ còn sống mãi, tươi ròn. Còn thế hệ YouTube của các bạn thì có gì?*" (có thể vào Google, gõ "MC Nuts" để xem)

Thực ra, quyền sở hữu của di sản văn chương ở đây mới chính là thứ gây được chú ý. Các du khách văn chương cũng chẳng qua muốn được thưởng thức với giá rẻ sự dịch chuyển của văn bản vào đời sống. Họ muốn tự mình khám phá một niềm tin mỹ học kiểu a-ma-tơ, rồi tự mình phán truyền một tôn giáo cho mình. Ai chịu trách nhiệm về danh tiếng các văn nhân? Ai là cử tọa, độc giả lý tưởng - các thế hệ sinh viên,

hay những người vô gia cư lang thang khắp các địa chỉ văn hóa? Du lịch văn chương, một viễn cảnh để đưa văn bản ra ngoài thực địa, thoát khỏi vùng đặc quyền của các viện sĩ, có thể sẽ đe dọa giới chuyên nghiệp, giống như cơ chế thị trường đe dọa các hệ thống quy chuẩn khắt khe của giới phê bình.



Những phiên bản du lịch của văn chương trở thành dạng sách rút gọn dành cho giới bình dân. Chúng ta có thể tin tưởng rằng, "cộng đồng diễn dịch" hàn lâm (khái niệm của Stanley Fish) sẽ phần nào bị các đầu nậu du lịch văn hóa xúc phạm.

Có một vấn đề gây đau đầu: sự chân thực của lịch sử. Trong khi các học giả muốn bảo tồn các kho báu một cách kỹ lưỡng, thì giới kinh doanh du lịch lại ít đắn đo hơn nhiều. Ví dụ, "Nhà Dante" ở Florence (Italia) nổi tiếng hồi đầu thế kỷ XX thực ra chỉ là mô hình lắp dựng gần nơi Thi nhân từng sống. Hay toàn bộ phố Baker, bắt đầu từ số 221B, đã được "bảo tàng hóa", để có chút dính dáng đến Sherlock Holmes, hấp dẫn khách du lịch. Thậm chí nơi sinh Shakespeare ở Stratford, thánh đường của ngành du lịch văn chương, cũng không còn giống với những gì nó vốn là trước kia, mà hao hao "nhà của một thi sĩ ham hố của thế kỷ XIX, thời Victoria".

Các doanh nhân du lịch đôi khi làm công luận lo sợ. Trong cuốn *Du lịch văn chương và Joyce của Dublin*, Giáo sư Victor Luftig, Đại học Virginia đã than phiền rằng, "*tên của Joyce được dùng để kêu gọi các nhà đầu tư đến xây dựng Dublin theo mô hình trước đây văn nhân không hề hình dung*".

Sự xúc phạm cuối cùng, như nữ học giả Samantha Matthews thuộc Đại học Sheffield giải thích trong một tác phẩm, chính là sự báng bổ tâm linh: Những khách du lịch thế kỷ XIX ăn trộm đồ thờ nơi mộ nữ sĩ Elizabeth Barret Browning, rồi viết tên mình lên tường và cửa sổ nhà lưu niệm nơi sinh Shakespeare. Bà mượn lời Mark Twain trong cuốn *Lũ ngẩn ngơ ngoại quốc* khi gọi đám du khách bậy bạ đó là "*bọn xâm lăng điên cuồng, xúc phạm di tích và di vật... hủy hoại các công trình văn hóa và tôn giáo đáng phải là bất tử*".

Với những ý nghĩ đó trong đầu, tôi ngược lên miền Bắc nước Anh thử xem chương trình Văn bản và Du ngoạn của Trung tâm Du lịch văn hóa Đại học Quốc tế Leeds có gì hay. Trong khi đưa cả "học bổng" vào các chương trình du lịch, thì họ cũng thiết lập các tổ tập văn học, xã hội học, bảo tàng học, kế hoạch hóa, chính sách công trong các nội dung tham quan. Thật là một Liên hợp toàn cầu.

Tôi phát hiện ra rằng, đúng như các giáo sư lo ngại, loại hình du lịch văn học có thể làm xộc xệch những cảm nhận văn chương. Những người khởi xướng có thể thúc đẩy lượng khách tham quan, khuấy động công chúng, nâng cao doanh thu và lợi nhuận, điều chỉnh khuynh hướng các nhà xuất bản và các nhà văn, khiến văn chương tràn ngập hơn.

Nhưng tôi không cảm thấy vui. Thay vào đó, tôi thấy các tác giả sáng tạo đang bị bình dân hóa. Có thể ai đó cho rằng tôi hơi hèn nhát (Một nhà tổ chức các tua du lịch văn chương kiểu này quảng cáo như sau: "Bạn đã đọc sách, giờ hãy xem cảnh!"). Nhưng khi sự việc bị đẩy đi quá xa, các nhà xuất bản có thể tự biến mình thành một dạng công ty giáo vụ. Tôi không cố thần thánh hóa các nhà văn, nhưng tôi thấy bản thân họ không thuộc phạm vi các thần tượng để dãi.

Có thể cũng tốt, nếu được sống trong cả hai thế giới, văn chương và du lịch, một cách rẻ, dễ, và tốt. Nhưng tôi luôn tự dặn mình rằng, sẽ là khôn ngoan hơn nếu tự mình đọc kỹ các tác phẩm, rồi đi du ngoạn với hành trang là một hiểu biết đầy đặn, thay vì chỉ đi xem các địa chỉ văn học để không phải mất công đọc từng trang sách. ■

ĐÀM NGỌC XUYẾN
(Theo Chronicle.com)

* Giáo sư Đại học Quốc gia Georgia, tác giả cuốn *Ngôn ngữ của Chủ nghĩa hiện đại*, (Nxb Nghiên cứu UMI, 1989) và *Nơi chữ nghĩa có giá* (Nxb Thông tấn Greenwood, 1994).

CHUYỆN VĂN CHUYỆN ĐỜI

Nhà văn Nguyễn Ngọc Thiện. Sinh năm 1947. Quê quán: Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội.
Tác phẩm đã xuất bản: *Văn chương và tác giả* (tiểu luận, phê bình, 1995); *Tài năng và bản lĩnh nghệ sĩ* (nghiên cứu, phê bình, 2000); *Lý luận, phê bình và đời sống văn chương* (tiểu luận, phê bình, 2010); *Tuyển tập phê bình, nghiên cứu văn học Việt Nam 1900-1945* (chủ biên, 5 tập, 1997); *Hoài Thanh - Bình luận văn chương* (chủ biên, 1998); *Nguyễn Đình Chiểu - Về tác giả tác phẩm* (biên soạn, 1998); *Vũ Trọng Phụng - Về tác giả, tác phẩm* (biên soạn, 2000); *Văn Lý luận - Phê bình nửa đầu thế kỷ XX* (chủ biên, 5 tập, 2005); *Văn lý luận phê bình 1945-1975* (chủ biên, 5 tập 2008-2010)... cùng nhiều tác phẩm lý luận, phê bình văn học khác.

NGƯỜI BƠI GIỮA HAI DÒNG CHẢY

HỒ SĨ VỊNH

ẤY là tôi muốn nói đến PGS. TS. Nguyễn Ngọc Thiện, hiện là Tổng biên tập Tạp chí *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, Ủy viên Hội đồng lý luận - phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương. Tôi biết và là đồng nghiệp của ông ở Viện Văn học từ năm 1967, năm ông được nhận công tác ở Viện trên sau khi tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội khóa VIII, cũng là những năm tháng cuộc chiến tranh bằng không quân của đế quốc Mỹ đã lan ra khắp miền Bắc, trong đó có Thủ đô Hà Nội. Còn nhớ, năm 1965 trở đi, Viện đã bắt đầu "chiến dịch" sơ tán về một vùng quê cách thị trấn Thăng (Bắc Giang) vài cây số, thế mà chính ở trụ sở 21 Lý Thái Tổ (Hà Nội) đã diễn ra hai sự kiện đáng nhớ mang tầm cỡ quốc gia: Đó là cuộc hội thảo khoa học về "Giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt" do Viện trưởng, giáo sư Đặng Thai Mai chủ trì, với sự có mặt của Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng; sau đó là sự thành lập lớp Đại học Hán - Nôm nhờ quyết định sáng suốt của Chính phủ và sự thiết kế chương trình giảng dạy của các giáo sư: Đặng Thai Mai, Cao Xuân Huy, Phan Thiệu, Phan Phú Thiết, Nam Trân, Hồ Tôn Trình và nhiều chuyên gia nổi tiếng khác. Bấy giờ, ngay cả người trong cuộc cũng lấy làm lạ về hai sự kiện trên, tưởng như nghịch cảnh, nghịch lý. Còn những người làm văn hóa, nghiên cứu văn học thì coi đó là tầm nhìn xa, tư duy biện chứng của các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Trong bối cảnh nước sôi lửa bỏng đó của cả dân tộc, ở tuổi hai mươi làm việc ở Viện chưa đầy, Nguyễn Ngọc Thiện đứng, ngồi sao yên, anh dứt khoát tình nguyện gia nhập quân đội, "ra đi đầu không ngoảnh lại" với tư thế và truyền thống của người chiến binh Hà Thành thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp, còn thời gian sau đó, anh được cấp trên điều động tăng cường cán bộ cho miền núi.

Là đồng nghiệp, đồng sự, đồng chí, đồng tâm, mặc dù giữa tôi và Nguyễn Ngọc Thiện cách nhau một thế hệ. Tuổi tác cách nhau là vậy, thế mà bao giờ chúng tôi cũng kính trọng nhau, ông thường để sách tặng tôi bằng đại từ "đồng nghiệp đàn anh quý mến". Về sau, có lần ông nói đùa với tôi: Thiên phú cho mình con số 7 (bảy): sinh năm 1947; về Viện Văn học năm 1967; tốt nghiệp tiến sĩ (A) ở Cộng hòa dân chủ Đức năm 1987; vào Đảng năm 1997; là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ 1997; nhận chức Tổng biên tập tạp chí *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam* 2007, nhà ở quê xóm 7, xã Ninh Hiệp v.v...

Nguyễn Ngọc Thiện bước vào nghề trước hết bằng những bài viết trên một số báo chí ở Trung ương và tham luận ở các cuộc hội thảo khoa học, đến 1995 thì được Nhà xuất bản Thanh niên in thành tập tiểu luận, phê bình: *Văn chương và tác giả*. Sau khi hoàn thành khóa nghiên cứu sinh 4 năm, nhận bằng tiến sĩ (A) tại Cộng hòa dân chủ Đức, Nguyễn Ngọc Thiện trở lại Viện Văn học trong vai trò Trưởng Ban lý luận với một đội ngũ cộng sự phần lớn là tiến sĩ, thạc sĩ, có người về sau trở thành Viện trưởng như Nguyễn Đăng Điệp. Làm lý luận văn học, nghệ thuật nhất là chủ biên công trình đối với ông không phải dùng danh xưng của mình, tập hợp một số tư liệu, bài viết, thành con số cộng có khi có tài liệu "tam sao thất bản", vẫn được sự hỗ trợ kinh phí nhà nước, in thành những tập sách dày cộp nhưng thiếu ý tưởng...; mà là lối bơi ngược dòng, tìm tòi, khảo sát, chính lý mới tìm ra được văn bản gốc, tương đối chính xác, tổ chức thành hệ thống với cách nhìn khả biến, với quan điểm biện chứng... Công trình tổng kết sáu cuộc tranh luận văn nghệ ở đầu thế kỷ XX, được giới khoa học đánh giá cao năng lực khái quát, phương pháp tổ chức tư liệu học nhờ sự chỉ đạo của phương pháp luận mácxít... là một ví dụ. Với Nguyễn Ngọc Thiện, chủ biên trong vai trò người chủ xướng một đề tài lớn thực sự là người lao động có trí tuệ năng động, có phương pháp tư duy thực chứng, lại tập hợp được đội ngũ nghiên cứu tâm huyết đáp ứng được xã hội có nhu cầu, đòi hỏi của xã hội.... Điều này từ thế kỷ XVII, R. Descartes gọi là *duy lý thực tiễn*, tức là muốn làm một công trình khoa học, thì phải có tầm nhìn khái quát qua ba công đoạn: *nhu cầu* (besoin), *năng lực* (capacité), và *hành động*

(action). Về mặt này tôi coi ông là nhà tư liệu học đáng tin cậy, khả kính.

Hai 30 mười năm làm công tác nghiên cứu văn học chuyên nghiệp ở Viện Văn học, nhất là vào những năm 90 và thập niên đầu thế kỷ XXI với trọng trách trưởng Ban lý luận vừa là chủ biên, nhờ sự cộng tác hào hiệp của các Nhà xuất bản lớn, Nguyễn Ngọc Thiện đã chủ biên 20 công trình với hàng mấy vạn trang tác phẩm, trong đó đáng chú ý là: *Nhìn lại các cuộc tranh luận nghệ thuật 1935 - 1939* (1996); *Tuyển tập phê bình, nghiên cứu văn học Việt Nam 1900 - 1945, 5 tập* (1998); *Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX, 2 tập* (2003); *Đề cương văn hóa Việt Nam (1943) - chặng đường 60 năm Lý luận, phê bình văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945* (Chuyên luận, 2005) và đến năm 2004 trở đi là bộ từng thư: *Văn học Việt Nam thế kỷ XX* - Quyển năm, tuyển chọn các tác giả, tác phẩm lý luận, phê bình văn học Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX; 1945 - 1975 và 1975 - 2000 do Nxb. Văn học công bố 13 tập khổ lớn hơn 15.000 trang và đang tiếp tục hoàn tất việc tinh tuyển. Qua hàng chục công trình mang tính chất tư liệu học và ý kiến của lý luận phê bình văn học nói trên, tôi có mấy nhận xét sau:

Các cuộc tranh luận đầu thế kỷ XX đã khép lại, tính đến nay vừa tròn 70 năm, nhưng triết lý văn hóa của chúng thật sâu sắc, hữu ích cho xã hội và tiến trình văn hóa dân tộc. Sức sống và mục đích của các cuộc tranh luận nổi lên vì một nền văn hóa dân tộc, vì "quốc hồn", "quốc túy", quốc học, quốc ngữ của dân tộc. Các quan điểm, các luận thuyết của các bên tranh luận dù đúng, dù sai đều lùi lại phía sau, nhường chỗ cho ý thức dân tộc, độc lập dân tộc. Bằng văn hóa tranh luận tiến bộ, các khuynh hướng tranh luận nói trên dù Tây học hay Hán học, dù thế hệ cao niên hay trí thức trẻ đã gặp nhau, gần bó, cảm hóa được các tầng lớp trí thức, công chúng tiến bộ vào "đêm hôm trước" của *Đề cương văn hóa 1943 của Đảng cộng sản Đông Dương*, buổi bình minh của khuynh hướng lý luận mácxít mà nhà cách mạng, nhà văn hóa Hải Triều là chủ soái.

Đặc điểm nổi trội của lý luận phê bình vào 20 năm (1954 - 1975) phản ánh một phần lịch sử của đất nước vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh, vừa mở cửa vừa cảnh giác trước những thử "văn hóa thứ cấp" từ bên ngoài tràn vào. Văn nghệ phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân được tôn vinh, những phương châm xây dựng nền văn nghệ có tính dân tộc - khoa học - đại chúng kế thừa từ *Đề cương văn hóa 1943* được đông đảo văn nghệ sĩ, học giả đón nhận với động cơ trong sáng vì một nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa. Cũng từ đây, ở miền Nam dưới sự chiếm đóng tạm thời của chủ nghĩa thực dân mới và chính quyền ngụy, nổi lên một dòng văn hóa tiến bộ, ra đời trong các đô thị với mục đích bảo vệ văn hóa dân tộc song song với phong trào văn nghệ cách mạng và đội ngũ văn nghệ sĩ cách mạng ở các vùng giải phóng v.v... là phần tinh túy, thuần thực trong nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật được nhóm biên soạn Nguyễn Ngọc Thiện trân trọng ghi công.

Những công trình sưu tầm, biên soạn, chỉnh lý, chuyên khảo của nhóm Nguyễn Ngọc Thiện với khối tư liệu "cao như núi" là loại sách công cụ hỗ trợ về phương pháp luận, về chất lượng khảo cứu, về cứ liệu phê bình giúp ích nhiều học giả, nhà phê bình hiện đại. Tôi được biết, nhiều nhà lý luận, phê bình khi tiếp nhận tư liệu của nhóm Nguyễn Ngọc Thiện đã vận dụng khéo léo "kinh nghiệm phủ định" của Lênin để nói mặt hạn chế, nhưng tôn trọng mặt còn lại của nhiều văn nhân thời trước có thể giới quan phức tạp trong đời người và đời văn; tức là phê phán không phải là mục đích, mà là phương tiện để đạt được mục đích khác cao hơn (lợi ích dân tộc). Ở những bài: *Lời đầu sách*, Nguyễn Ngọc Thiện tỏ rõ vai trò chủ kiến trong tư duy, công phu trong thao tác khoa học, vận dụng kỹ lưỡng tư liệu, sử liệu trung thực, với phong thái điềm tĩnh, chín chắn, nhất là ở những sự kiện văn học phức tạp.

Nhờ phương pháp luận khảo cứu biện chứng với vốn



Nhà văn Nguyễn Ngọc Thiện bên tượng học giả Đào Duy Anh.

"ngân hàng tư liệu" quý giá nói trên, Nguyễn Ngọc Thiện đã thành công ở 5 tập tiểu luận phê bình, chuyên luận. Có thể kể *Văn chương và tác giả* (1995), *Tài năng và bản lĩnh nghệ sĩ* (2000); *Phong cách và đời văn* (2005); *Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh* (2004); *Lý luận phê bình và Đời sống văn chương* (2010). Cuốn sau cùng được tặng thưởng của Hội đồng lý luận - phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương năm 2013. Qua gần 2000 trang viết nghiên cứu lý luận, phê bình văn học Việt Nam, hiện đại và đương đại, ở trang viết nào của Nguyễn Ngọc Thiện cũng hiện rõ sự nhận thức đúng mực, không ồn ào, không cực đoan phía tả hoặc phía hữu, ôn tồn ngay cả khi đấu tranh để bảo vệ chân lý trước những hiện tượng tư duy nông nổi, nhân cách suy thoái của một vài người trẻ mắc bệnh vĩ cuồng như bài: *Từ một công trình ngụy khoa học; lệch lạc về tư tưởng học thuật* (Tạp chí *Lý luận phê bình VHNT* số 12/2013). Sức thuyết phục hàng nghìn người đọc của bài viết chính là ở "nhân tâm thế đạo", trị bệnh cứu người.

Nhờ sở trường vận dụng sáng tạo tư liệu tham khảo của mình và của đồng nghiệp, Nguyễn Ngọc Thiện không mấy khó khăn khi tham gia giảng dạy chuyên đề và công tác đào tạo trên đại học. Ông là người hướng dẫn khoa học một số nghiên cứu sinh và học viên cao học ở các trường Đại học lớn và không quên mời tôi nhiều lần hợp tác tham gia các Hội đồng chấm thi. Ông thường tâm sự với tôi về trách nhiệm khoa học của người thầy hướng dẫn như: trình độ tri thức, phương pháp luận để thiết kế một luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, thì tư liệu tham khảo có ảnh hưởng tiên quyết đến luận án của nghiên cứu sinh. Ông dễ dàng đồng tình với tôi, khi tôi dẫn những thông tin về chất lượng đào tạo bậc trên đại học ở các nước tiên tiến. Tại các trường Đại học danh tiếng ở Mỹ như Đại học Harvard, Đại học Cornell quy chế đào tạo nghiên cứu sinh rất nghiêm ngặt: giáo sư giỏi nhất cũng chỉ hướng dẫn tối đa từ 5 đến 6 nghiên cứu sinh làm luận án tiến sĩ. Ở Nga, Trung Quốc đều vậy. Còn ở nước ta thì sao? Thật hài hước khi có một vài giáo sư (chưa bao giờ tốt nghiệp Tiến sĩ bậc 1), do hư danh hay chạy theo thành tích đã tự mình nhận đào tạo mấy chục nghiên cứu sinh bảo vệ "thành công" luận án tiến sĩ. Thật tội nghiệp, "điếc không sợ súng" (!)

Là nhà nghiên cứu, văn học chuyên nghiệp năng động, ham viết, ham đọc, có điều kiện đi diễn dă, Nguyễn Ngọc Thiện như người "dư sức" để làm nhiều việc có ích. Và trên thực tế vào tám năm gần đây ông chuyển sang làm báo ở tạp chí *Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*. Tiến thân của tạp chí này là cơ quan ngôn luận của Hội Văn nghệ Việt Nam - Tạp chí văn nghệ - được thành lập từ năm 1948 ở Chiến khu Việt Bắc. Qua bao nhiêu thăng trầm về "thương hiệu", về trụ sở, về thể loại, về tổ chức v.v... nên trong nhiều năm tạp chí *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam* dường như vẫn "dậm chân tại chỗ", ít gây ấn tượng trong tâm trí bạn đọc. Liên hiệp các hội văn học; nghệ thuật hôm nay cần có tiếng nói cởi mở hơn trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng. Tinh thần đó đòi hỏi tạp chí *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam* cần có người chủ trì. Chúc danh Tổng biên tập được lãnh đạo Liên hiệp tin cậy và giao cho Nguyễn Ngọc Thiện. Tạp chí từ ngày có ông chủ trì cùng với nhiều đồng sự cần mẫn đã khởi sắc, bước sang trang mới. Thật đáng nói những lời cảm kích tri ân ông và tòa soạn của những bạn viết như chúng tôi. Đến với *Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, chúng tôi bắt gặp những tiếng nói đồng thuận, đồng tình, vừa cởi mở, vừa tháo gỡ nhiều điều cần tranh luận. Thật khó nói hết những điều hay, lẽ phải, và cả những điều bất tri ở một con người. Đối với tôi Nguyễn Ngọc Thiện là một đồng nghiệp có nhân cách văn hóa, trung thực, không đố kỵ tài năng, ưu ái với mọi người, thật xứng đáng với câu nói của nhà khoa học cơ bản nổi tiếng người Mỹ: J. Robert Oppenheimer: "Giá trị chân chính của một con người là tổng hòa sự tôn trọng của những đồng nghiệp đối với người đó". ■

TRẦN QUANG QUÝ

Hoàng lan

Đêm hoàng lan lán hương phiêu xa
nức phố
mùa đi ngẹn gió
nâng những gò khuya chờ em
chờ từ mùa hoàng lan trước, những mùa xa xa trước

Tôi thao thức với một làn hương tỏa
một mùa hoa ướp hương kỷ ức
đất tôi thơm một dải đêm buồn
còn thơm mãi ngày sau
để tôi lại đi qua con phố vắng vắng tiếng cười

Không phải cái gì mất cũng tìm được
có cái tìm được thì đã mất
chỉ hoàng lan vẫn thơm
không cần biết một tóc dài ngang phố
một mất buồn khép mở mí đêm.

Những kỷ ức tháng Ba

Cây gạo bước theo tôi trên con đường làng gầy
vết sẹo cổ tích
qua khép mở cổng làng, qua những chiều tóc bạc
còn tiếng bầy chim non trong hốc cây
ngước lên bầu trời khát vọng bay chưa vỗ cánh

Những chiếc gai xù xì cào rách vòm xanh
ưa ra màu hoa như máu đỏ đầy kỷ ức tháng ba
những tháng ba đáng cổ
những tháng ba lốm gầy vai mẹ
thúng mưng đưng khan tâm thức quê nghèo
rưng rức hồn niều đất

Tôi đã đi như thế qua những mùa hoa gạo
xước những thân gai canh giữ bóng quê làng
bông gạo bay bay như những thiên thần gió
sợ giạt mình cả những nồn cỏ hoa

Tôi chạm vào phong sương trên gốc gạo già cổ tích kia
chạm quê làng bằng những chiếc gai đã cửa vào trời
cửa rách tháng Ba cho một màu hoa đỏ
đợi một ngày những sợi bông vô gió
bay trắng trời, bay trắng tự do!

Sông Đà

Chảy vào tôi những con sông vang lời dòng sông
những bước chân dọc ngang tâm sự cát
bóng con đò nằm lẹp ngực đêm
tiếng đục tiếng trong bối rối hoang liêu chưa chịu

nín dòng

Đâu bến Trung Hà ngày em thiếu nữ
neo mắt thuyền đêm
mỗi cuộc đời gột lờ lờ sông
em còn đứng đợi dò tận phía ngày xưa?

Sông Đà chảy vào tôi tiếng vỗ cánh bầy sếu

mùa đông

những đàn chim di trú bỏ cái rét Nàng Bân ở lại
bỏ sương khói mùa đông lớt rạ gầy
tôi từng bay trên đôi cánh lãng mạn về phương Nam
cùng bầy sếu
phương Nam phương Nam, lòng ta những chân trời!

Thùng mủng dần sáng, yếm sồi bao lưng lụa
mắt liếc dao cau mà nhớ cay trầu
mà nhớ ngô làng mùa rê thóc
mẹ đội lễ sang nhà bà ngoại ngày giỗ chạp
lâu lắm rồi không còn nghe tiếng sếu
tiếng vỗ cánh loài chim đã vĩnh viễn chôn vào
bầu trời?

Sông Đà dâng lên những quả đồi đất đỏ trung du
tôi ôm dòng sông nghe giai điệu bè trầm ngàn xưa

kể chuyện

gác lên sông những lườn cong nhớ
môi phù sa khép bóng hoàng hôn
mãi khuấy trong tôi nhịp những con thuyền.

Có gì lạ phía sau Ấn Độ?

Những ngôi nhà lụp xụp ngái ngủ sau một ngày cực nhọc
đọc những con phố nhỏ hay những ngôi làng
người Ấn thân nhiên trong vẻ lam lũ
thân nhiên như chẳng có gì phải vương bận

Những người thợ xây đội từng bao xi măng đứng
đỉnh lên tầng

cánh đồng lúa mì rủ rí lên xanh
ánh chiếu đỏ rực liệng cánh chim
nghe xuống sông Hằng bài hát trầm hùng thiên nhiên

những chiếc xe lỏi lăm lúi trong khuya đang
trò chuyện với con đường về tốc độ
bầy quạ tự do bay trong vương quốc tự do những đôi
cánh và tình yêu muông thú
đường phố của phân bò, phân chó, phân dê, phân
ngựa, nước tiểu và rác thải
thì cũng chẳng có gì phải vương bận
cuộc sống đều đặn hàng ngày như mặt trời lên
đều đặn như khi những chiếc xe lờ va nhau nhưng tất
cả cùng cười
gương mặt giữ nhau đẩy an lành

Dường như phía sau những gương mặt cần lao kia
phía sau những ngôi nhà lụp xụp, tự do bỏ rống và lợn chạy
có một Ấn Độ khác, một tinh thần khác
một tinh thần văn minh lạ kỳ trong trầm tích đất đai
tinh thần mà phương Tây dường không chạm được
China town có khắp thế giới nhưng không có ở nơi này
mênh mông những cánh đồng phủ sa châu thổ
trên lau cỏ mùa xuân hải âu xóa cánh cùng dòng sông
và đường phố những con bò nằm ngủ trong giấc
phỉ nhiêu đồng cỏ tinh thần

Tôi bỗng hiểu vì sao những ẩn hiện huyền vi trên
gương mặt các vị thần

hiếu vì sao nơi này Phật ngộ
nơi có một bình minh Ấn Độ
những cơn gió thổi về huyền diệu phương Đông
và những chú bò nằm xoài nhai phở
như tất cả nơi đây là một cánh đồng.

MỘT CÂY BÚT PHÊ BÌNH ĐÍCH THỰC

PHẠM ĐÌNH AN

R A đi từ xứ Thanh thuộc Bắc miền Trung, dừng chân ở Nghĩa Lộ thuộc Khu tự trị Tây Bắc mười lăm năm, anh vào Cần Thơ và đậu lại ở vùng đất "gạo trắng nước trong" này đã hơn ba mươi năm. Ngoài quê cha đất tổ là Thanh Hóa, anh luôn luôn coi Nghĩa Lộ (nay là tỉnh Yên Bái) là quê hương thứ hai, và Cần Thơ là quê hương thứ ba. Tất cả đều như máu thịt của mình.

Anh là Lê Xuân (tên khai sinh là Lê Xuân Bội) - một cây bút phê bình văn học quen thuộc ở ĐBSCL. Buổi đầu, từ những năm 70, 80 của thế kỷ XX, khi còn dạy văn ở trường Sư phạm Nghĩa Lộ hay sau này ở trường THPT chuyên TP Cần Thơ, nhiều độc giả và bạn đồng nghiệp đã lưu ý đến tác giả này. Đến nay, Lê Xuân đã trở thành một tác giả nghiên cứu, phê bình văn hóa, văn học, văn chương. Ở ĐBSCL có một số cây bút phê bình. Nhưng nếu xét về mặt chuyên nghiệp thì có thể nói Lê Xuân là tác giả duy nhất của vùng này.

Về sách đã in, đáng chú ý nhất là 2 cuốn: *Lời đồng vọng* (Nxb Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 2005) gồm 30 bài bình thơ. Cuốn sách đã được nhiều độc giả yêu thơ, sáng tác thơ hồi tìm làm tài liệu tham khảo cần thiết. Cuốn *Tiếng nói tri âm* (Nxb Hội Nhà văn, 2011) gồm 32 tiểu luận, phê bình. Sách được bố cục làm 4 phần. Phần 1 - "Con nghe Bác tưởng nghe lời non nước" có 5 bài viết về Bác. Phần 2 - "Ở tiếng của cha ông thuở trước" có 4 bài viết về Nguyễn Trãi, Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu. Phần 3 - "Đất nước của nhân dân, đất nước của ca dao, thần thoại" có 5 bài viết về ca dao - dân ca. Phần 4 - "Tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau" gồm 18 tiểu luận về thi pháp thơ và truyện. Đây là một

cuốn sách nghiên cứu và phê bình văn học có nhiều cái mới, viết khá công phu...

Là một thầy giáo dạy văn, suốt một đời đứng lớp, đồng thời là hội viên Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Lê Xuân rất quan tâm đến ngôn ngữ văn chương. Ngòi bút nghiên cứu, phê bình của anh luôn luôn thiên về phương diện ngôn ngữ. Khi đọc thơ để bình, anh chú ý nhiều đến cách sử dụng hình ảnh thơ, ngôn ngữ thơ của tác giả. Lê Xuân say mê tìm ra cái hay của chữ và nghĩa. Viết về các vấn đề: *Yếu tố trào phúng trong thơ Bắc*; *Chất dân gian trong "Quốc âm thi tập" của Nguyễn Trãi*; *Tiếng cười trào phúng trong thơ Phan Văn Trị*; *Ca dao về tình yêu đúng từ Hán bộ*; *Phương ngữ Nam bộ*; *Những con số thực và ảo trong văn chương v.v.* cũng là viết về ngôn ngữ văn học đó thôi. Anh còn có riêng một bài *Bàn thêm về sự thần diệu của ngôn ngữ thơ*. Đây là những dòng viết tâm đắc của Lê Xuân: "Tinh biểu cảm của ngôn ngữ thơ trước hết phải xuất phát từ xúc cảm chân tình, dào dạt của nhà thơ. Việc lựa chọn từ ngữ, hình ảnh để biểu đạt chỉ là phương tiện, là chất liệu. Nếu cố tạo ra niềm vui hay nỗi buồn giả tạo thì chỉ đánh lừa được những người không có năng lực thẩm định văn chương". Không dừng ở lý thuyết, anh đã đưa ra nhiều dẫn chứng khá tiêu biểu và thú vị để phân tích và bình giá nhằm chứng minh cho luận điểm của mình. Nhắc đến bài "Hỏi" của Xuân Diệu với 16 câu hỏi tu từ là một thí dụ dễ gây ấn tượng đối với độc giả.

Đối với Lê Xuân, hai yếu tố dân gian và ngôn ngữ hầu như luôn luôn được anh quan tâm đồng thời. Chính vì thế, viết về dân gian thì không bỏ qua ngôn ngữ, viết về ngôn ngữ thì hay hướng tới dân gian. Ngôn ngữ của dân gian, dân gian trong



Lê Xuân Bội

ngôn ngữ, hai nội dung - yếu tố ấy, thường lồng ghép vào nhau, bổ sung cho nhau, nói thay cho nhau trong những tiểu luận của anh.

Sẽ là thiếu hụt nếu không nhắc đến hai tiểu luận: *Tiếng chim - tín hiệu thẩm mỹ trong truyện ngắn Mạnh trăn cuối rừng của Nguyễn Minh Châu* và *Hồn thi nhân - niềm vui và nỗi đau*. Đây là một phát hiện về Nguyễn Minh Châu khi nhà phê bình lắng nghe được tiếng chim, thấy được hình ảnh chim trong tác phẩm xuất sắc của nhà văn tài danh này: "Mở đầu truyện là tiếng 'đôi chim kêu rụt rụt ở góc rừng' và kết thúc truyện thì 'đã im tiếng, có lẽ chúng đã tìm thấy nhau'. Liên tưởng

ấy tạo được dư ba trong lòng người đọc, và có 'ý ở ngoài lời'. Sáu lần tiếng chim và hình ảnh chim xuất hiện, với bốn loài chim (chim trống mái, chim non, chim vạc, chim công)... là những chi tiết nghệ thuật độc đáo, giàu giá trị biểu cảm, góp phần bộc lộ tâm lý, tính cách nhân vật, làm sáng tỏ chủ đề của truyện". Đó là những trang viết mới mẻ, lý thú của một nhà phê bình chuyên nghiệp có năng lực cảm thụ văn chương nhạy cảm, tinh tế.

Ở tiểu luận thứ hai, Lê Xuân đã đưa ra một nhận xét về thơ tuy không thực sự mới mẻ nhưng chân thành, ríe róng, xuất phát từ một tấm lòng yêu đam say văn chương nghệ thuật, rộng hơn là cái đẹp. Đây là nhận xét của một cây bút trải nghiệm túc, lạc quan: "Chúng ta mừng vì hiện nay đã có một lực lượng đông đảo người yêu thơ, sáng tác thơ. Họ không quay lưng lại với thơ. Cái còn lại - thơ đích thực, thời gian sẽ sàng lọc, bình giá. Thời gian chính là trọng tài vô tư, công minh nhất. Chỉ khi nào hồn bạn đọc bắt gặp và cộng hưởng cùng Hồn thi nhân qua mỗi vần thơ thì lúc đó cái hay, cái đẹp của thơ mới có thể loé lên và bùng cháy. Trí có sáng, lòng có trong thì thơ mới động lại".

Lê Xuân quá quen thuộc với con người, cảnh sắc, phong tục tập quán vùng ĐBSCL như chính nơi đây nhào nặn nên hồn cốt của anh vậy. Lê Xuân còn có những bài báo, tiểu luận đề cập những vấn đề về hiện tượng văn học mang tính thời sự, dạng "tranh luận văn học" khá thẳng thắn, có sức thuyết phục, chứng tỏ bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và ý thức trách nhiệm của một cây bút nghiên cứu - phê bình đích thực. ■

GIẤC MƠ

Truyện ngắn của ĐẶNG TOÁN

MÌNH mà là nghệ sỹ nửa mùa ư? Hẳn dừng cuộc, về trầm tư. Thừa ruộng hẳn vừa vác bờ bóng lộn không hề có một vết cước, tưởng có thể soi gương được. Rõ ràng, nếu không phải một nông dân thực thụ, khó mà vác được cái bờ phẳng lì, vuông thành sắc cạnh như thế! Hẳn tự nhủ. Mình học hành cũng chẳng đến nỗi nào song chắc tại cái số lận đận, rớt cuộc vẫn chỉ là một anh phó thường dân không hơn không kém!.. Vừa suy nghĩ, hẳn vừa khe khẽ thở dài... Tiếng sáo diều xa xa như làm lòng hẳn nhẹ nhõm trở lại, hướng mắt về phía cuối làng. Một con diều no gió đang nhả từng tiếng vi vu, trầm bổng. Hẳn chống cước từ bao giờ, say sưa thả hồn theo tiếng sáo...

Vốn có chút năng khiếu văn nghệ, hẳn cũng từng tham gia trong đội chèo của thôn. Môn sở trường của hẳn là kèn và sáo. Vợ hẳn là cô thợ may làng. Ấy, cũng bởi mê tiếng sáo réo rất, tiếng kèn nỉ non của hẳn mà nhất quyết từ chối vài ba đám kha khá để cùng hẳn se tơ kết tóc.

Của đáng tội. Cái thú văn nghệ, văn giềng ở quê hẳn có lẽ chỉ phù hợp với bọn trẻ ăn chưa no, lo chưa tới. Mỗi năm vài dịp hội làng, mấy kỳ đại hội bầu bán, đội văn nghệ mới được quan tâm, đầu tư tí chút. Xong hội hè, họp hành lại quay về bàn lưng cho giới, bàn mặt cho đất! Hỏi ai còn tâm trí đâu để đeo đuổi đam mê? Và lại, quê hẳn bây giờ chẳng mấy người còn ưa chuộng cái món í a í ới nữa. Đội văn nghệ bởi thế mà cũng giải tán sớm. Mặt khác, phong trào đô thị hóa đã bắt đầu len lỏi về quê hẳn. Bọn trẻ giờ chúng chỉ thích "rốc ráp, hí hóp" chứ bấu gì cái thứ văn nghệ kiểu "cây nhà lá hàng xóm" của bọn hẳn nữa! Cơ sự đó, sau này hẳn cũng đã đưa vào thơ của mình: *"Hoàng hôn vừa buông xuống / Quán cà phê xập xình / Cầu chèo đành im lặng / Nép vào bên hiên đình"* (Nhưng thôi, chuyện thơ phú hẳn sẽ kể sau...)

Vợ hẳn, thời gian đầu, thì thoảng cũng tham gia với đội văn nghệ (Chắc tại hồi đó đang còn say hẳn?). Từ dạo lấy nhau, nhất là khi con "vịt con" ra đời, nàng chẳng còn tâm trí để mà vác vơ nữa. Còn hẳn nhiều lúc "ngửa nghệ", đêm đêm đem sáo, đem kèn ra than thở. Hẳn chỉ dám thối khe khẽ thôi. Thế mà vợ hẳn gắt: "Ông có để yên cho tôi may không. Nào cả ruột!". Hẳn nín bặt. Vợ hẳn thay đổi nhanh quá. Chả bù cho cái hồi còn đang yêu... Đêm khuya, hai đứa ngồi dưới khóm tre trên bờ đê, vợ hẳn ghé sát vào tai hẳn, thì thầm "Anh thổi lại bài *"Nhịp cầu nối những bờ vui"* đi! Đây. Cái đoạn *"Anh ngồi trên cầu thổi sáo đón em"* đấy! Nghe mãi mà em cũng không thấy chán!..."

Nghĩ đến đây, hẳn chợt vỗ đùi đánh "đét" một cái. Ồ! Sao mình lại không nghĩ ra nhỉ? Lên cầu thổi sáo! Khung cảnh thì nên thơ, không gian thì thoáng đãng, lại cách xa làng, thoải mái mà phùng mang, phùng má. Chứ thổi sáo, thổi kèn mà thút tha thút thít, tức cú như bị vợ bịt mũi vậy!

Thế là cứ đêm nào rồi rã, nổi hứng lên, hẳn lại vác kèn, vác sáo ra cây cầu đầu làng ngồi thổi. Đêm nay cũng vậy... Mới hơn chín giờ tối không gian đã vắng lặng, im ắng như thể khuya lắm rồi. Cây

cầu Lan nổi làng hẳn với làng Thương hiện ra đen thẫm như chiếc lược sừng cài lên mái tóc dòng sông nhờ nhờ trắng. Tiếng côn trùng rì rì ca bài ca muôn thuà. Trăng đầu tháng như chiếc lá lúa phớt vàng dính hờ hững trên tấm màn nhung nhấp nháy ngàn vạn hạt sao kim tuyến. Gió nhẹ nhẹ nhưng cũng đủ gợn lên những con sóng vỗ vào chân cầu lép bép. Hẳn từ từ đưa sáo lên miệng... *"Chèo mỗ i i lải sang..."* Những ngón tay quen cày cuốc, cụng quèo, bỗng trở nên mềm mại khi nhắc lên, lúc đặt xuống trên từng lỗ sáo một cách điêu luyện làm ngân nga những giai điệu ngọt ngào, da diết... Mắt hẳn lim dim, cả thân mình lắc lư theo điệu nhạc như người lên đồng. Hẳn cảm thấy mình như đang bổng bồng, bổng bồng trôi trên một tấm thảm vô cùng êm ái... Tiếng côn trùng tưởng chừng im bặt, gió ngừng thổi, những con sóng hình như cũng thôi lép bép dưới chân cầu... Chỉ còn giai điệu mơn man, trải dài lan xa, lan xa tới tận những vì tinh tú đang nhấp nháy, nhấp nháy...Điệu chèo hết đã một lúc, hẳn mới như bừng tỉnh, vợ cây kèn - Hẳn có thói quen cứ thổi một bài bằng sáo lại một bài bằng kèn - "Toe...Toe...Toét..." Hẳn thử kèn vài cái rồi khoanh chân ngồi xếp bằng, hai tay đỡ cây kèn và bắt đầu "phiêu" trong điệu "lời lơ"... *"Ta đi i i đi chợ dốc..."*

Những hạt sương li ti thấm qua áo làm hẳn hơi se lạnh. Đêm về khuya. Mảnh trăng lá lúa đã nhòa vào nền trời mung lung, mờ ảo. Hẳn đứng dậy vươn vai làm động tác xoay trái, xoay phải cho dễ chịu rồi thông thả ra về. Cả đồng lúa đương thì đang ngủ vùi sau một ngày rì rào hát ca cùng nắng gió. Riêng mùi hương của đồng nội thì hình như vẫn thức, thoang thoang quấn quýt theo bước chân. Hẳn hít căng lồng ngực và cảm thấy vô cùng dễ chịu... Gần đến xóm, theo thói quen, hẳn bước thật nhẹ. Mấy con gâu đã quen hơi hẳn chẳng còn ổng ổng sủa như hồi đầu nữa. Nhớ cái lần về qua ngô lão Tích. Cùng với tiếng chó ăng ăng là cái giọng khe khẽ, ngái ngủ của lão "Đúng là đồ nghệ sỹ nửa mùa. Ban ngày làm đồng đã mệt, đêm thì đi ngủ cho béo mắt, còn bày đặt kèn với chả sáo!" Hẳn bỏ ngoài tai hết. Mình chẳng làm ảnh hưởng đến ai cả. Kể nào không thích, cứ việc bịt tai lại! Vợ hẳn lúc đầu có cần nhàn, nhưng sau đó cũng mặc kệ. Vì thực ra hẳn chỉ tập lúc đêm hôm rồi rã, còn công việc gia đình, đồng áng hẳn vẫn hoàn thành chu đáo.

Mới sáng ngày ra mà đã miên man nắng. Ông mặt trời hình như suốt đêm chỉ chờ con trống Cổ nhà hẳn cất tiếng gáy là leo tít ngay lên ngọn tre đầu nhà, cười toé loe. Vợ đi chợ từ sớm. Hẳn ăn sáng qua quýt rồi bê mệt bèo ra ngồi dưới dàn mướp xanh mơn mớn, đã bắt đầu trở vài bông hoa vàng tươi, rung rinh trong nắng sớm. Đang bâm chán chán thì có tiếng xe máy khàn khàn, hẳn quay nhìn ra cổng. Một ông khách đầy đà phồng chiếc 81 màu lá mạ vèo vào sân. Không để hẳn kịp ngỡ ngàng, khách chống xe đánh kịch, xua xua tay ra hiệu cho hẳn cứ tiếp tục công việc:

- Tôi xin tự giới thiệu. Tôi là Trần Uy Nghi, trưởng đội nhạc hiệu làng Bồng.

Mấy lần đi đám về, tôi đã nghe được và rất "kết" món kèn, món sáo của anh! Tính tôi không thích vòng vo. Tôi mời anh vào đội của tôi. Đảm bảo anh sẽ được trả công xứng đáng với tài năng của mình! Khách móc ví lấy tấm "cạc" - Tôi rất vội. Anh cứ suy nghĩ đi. Nếu được, gọi cho tôi theo số này!

Khách đi rồi, hẳn vẫn ngồi ngây ra, con dao nhọn thông xuống cắm mũi vào mẹt bèo bắm dở... Sự việc quá bất ngờ. Cái ông Uy Nghi đó đến và đi cứ như một cơn gió vậy. Nghĩ lại hẳn khe mỉm cười. Rõ vớ vẩn. Ai lại đi thổi kèn đám ma! Thế còn gọi gì là chất nghệ sỹ nữa? Ai đời đang thả hồn trong không gian thoáng đãng với đồng lúa, dòng sông, ánh trăng thơ mộng, lại đi buộc tiếng sáo réo rất của mình vào cái không khí tù túng, chật chội của nhà đám! Hồi còn ra thể thống gì nữa! Mà cả cái thằng cha Uy Nghi đó cũng bày đặt. Đi làm đám ma mà cứ làm như giám đốc công ty! Điện thoại với chả danh thiếp!... Hẳn vợ nổi nham bèo, bâm chán chất...

Tối. Vừa lui cui mặc màn hẳn vừa thuật lại câu chuyện hồi sáng. Vợ hẳn đang nằm quay mặt vào tường, vội lật lại:

- Ừ nhỉ. Thế mà vợ chồng mình không tính đến! Thời buổi bây giờ người ta rất coi trọng việc hiếu. Sáo với kèn thì thổi ở đâu mà chả là thổi. Ông cứ nhận lời đi. Vừa được thổi thoải mái, lại có thêm khoản thu nhập. Con Na nhà mình sang năm đi học rồi, lúc đấy lại chả rồi lên vì tiền đóng học ấy chứ! Nghề may của tôi dạo này cũng ế lắm. Quần áo Trung Quốc ế hế, ai người ta còn cần đến mình nữa!..

- Nhưng mà đi thổi kèn đám ma, tôi thấy nó cứ thế nào ấy...

- Thế nào là thế nào! Ông cứ đi rồi quen tất! Thời không nói nhiều nữa. Đi ngủ đi. Sáng mai tôi còn phải giao hàng sớm!

Hẳn im lặng. Vợ hẳn là thế đấy. Quyết đoán một cách áp đặt. Muốn yên cửa yên nhà thì chớ có đại mà trái ý nàng!

Vậy là thấm thoát, hẳn đã làm nghề được hơn một năm. Kinh tế gia đình khá lên trông thấy. Mà dạo này sao lắm người chết thế không biết? Chết già đã nhiều, chết trẻ cũng lắm! Nào là chết vì ung thư, vì tai nạn giao thông. Lại còn chết vì đánh nhau, vì thất tình nữa!.. Nhiều lúc đội nhạc hiệu của hẳn phải chạy "sở" mà vẫn không hết. Thời buổi kinh tế mở cửa, nhiều gia đình giàu có, lắm nhà con cái chức tước còn tổ chức đám ma rất to, kéo dài cả mấy ngày. Thu nhập của hẳn cũng như đội nhạc hiệu cũng vì thế mà tăng theo cấp số cộng.

Tiếng kèn, tiếng sáo của hẳn giờ đã nức tiếng cả vùng. Đám nào cũng phải yêu cầu mời bằng được hẳn thì mới hài lòng. Ông bầu Uy Nghi nhanh chóng nhận ra vị trí của hẳn trong đội. Tiến công của hẳn vì thế cũng ngày một được nâng lên. Nhưng không hiểu sao, hẳn cứ cảm thấy buồn buồn, thiếu thiếu một cái gì đấy! Trong bữa cơm, vừa dãi bầy. Vợ hẳn ngạc nhiên:

- Ô hay! Buồn thì đừng quá rồi còn gì. Đi đám ma chứ có phải đi hội đâu!

Hẳn im bặt. Một lần nữa vợ hẳn lại có

lý. Vậy còn thiếu là thiếu cái gì nhỉ? Hẳn miên man... Kịch bản một chương trình tang lễ, mười cái như mười. Nhắm mắt vào là có thể đọc vanh vách. Nào là *"Xóm làng đang buổi thanh bình / Tin đến thính linh cụ đã quy tiên..."* Hay *"Quê hương đổi mới từng ngày / Ánh điện sáng tiếng loa đài vang vang..."*. Phải rồi. Sự sáo mòn, nhàm chán, nhàm chán đến vô cảm!...

- Kia! Sao ông không ăn đi mà cứ ngồi ngây ra thế!

Vợ hẳn vừa gấp thức ăn cho hẳn vừa giục. Hẳn lập cập bung bát. Mùi cá dim thơm phức đánh thức khứu giác hẳn. Nàng đúng là một người vợ đảm. Món này là món khoái khẩu của hẳn đấy! Nhưng hôm nay hẳn chẳng cảm thấy ngon lành gì cả. Vợ hẳn thì vẫn vô tư, nàng hỉ hà:

- Minh cứ chịu khó đi làm đều, tôi thì nhận may thêm hàng gia công Chẳng mấy tí mà nhà mình cũng có của ăn, của để.

Hẳn thấy vợ nói cũng phải. Nàng vốn là người phụ nữ của công việc mà! Mọi suy nghĩ của nàng đều thực tế và giản đơn. Song nhất định không được phép làm trái ý nàng. Với hẳn, nặng luôn luôn đúng!

Giá cuộc sống cứ thế trôi đi một cách bình lặng. Giá hẳn chịu an phận thì cũng chẳng có gì đáng nói. Đàng này, đang yên đang lành hẳn lại nảy nòi ra cái tật mới, ấy là thích làm thơ! Đã bảo hẳn vốn có khiếu văn nghệ. Mà thơ với nhạc lại họ hàng gần của nhau mới chết chứ! Từ dạo vào đội nhạc hiệu, đi ra thiên hạ nhiều, đầu óc cũng được mở mang thêm, lắm lúc hẳn tức cảnh sinh thơ. Đôi khi gặp những sự đời trớ trêu cũng làm hẳn nghĩ ngợi, day dứt rồi nảy sinh thơ phú. Lúc đầu chỉ là những bài thơ kiểu "chống, xây", hay kiểu "chuyện to, chuyện nhỏ", phê phán những đứa con bất hiếu. Lúc bố mẹ còn sống thì đối xử chả ra gì, đến khi nằm xuống thì bày ra mâm cao cỗ đầy, đám xá rùm beng để lòi thiên hạ. Rồi cảnh anh em, bố con tranh vườn tranh đất, đánh cãi nhau om xòm cũng được hẳn đưa vào thơ với giọng điệu dí dỏm, hài hước mà khi đọc kỹ lại muốn cười ra nước mắt.

Nhưng bởi năng khiếu trời cho, cộng với tính cẩn mẫn của một anh nông dân, hẳn đã có được những bài thơ về làng quê, về tình cảm gia đình, về nhân tình thế thái có sức lay động tâm hồn người nghe. Và đó xem ra mới là thể mạnh của hẳn chẳng? Hãy nghe hẳn tả đêm ở làng như thế này: *"Đêm ở làng trăng được lau trong vắt / Gió rì rào trò chuyện với vòm cây / Diều sáo vu vu, đàn đé riu riu / Hương ngâu vườn ai len vào cửa sổ..."* Còn đây là cảnh đồng chiêm: *"Bê con tha thẩn gặm chiêm / Đê vườn mình thả cánh diều vào mây / Cánh cỏ trắng mãi miết bay / Đồng sau vụ gặt hương đầy đầu chân..."* Xem ra chất thơ cũng ăm ắp như nước ruộng tháng sáu đấy chứ?

Một lần đi đám ở làng bên, hẳn nghe lỏm được mấy lời than thở của các bà nông dân. Rằng, lúa chín rû ra rồi mà trời thì cứ mưa sầm sập, gặt không gặt được, nghĩ mà rồi cả ruột gan! Thế là đêm ấy, hẳn đã có ngay một bài thơ đồng cảm: *"Mấy ngày sầm sập đổ mưa / Lúa chưa*

kịp gặt, đồng trưạ trắng trời / Trông ra lòng dạ bồi bồi / Thương bông lúa chín khóc vùi trong mưa..."

Thơ của hân lác đác đã được các báo cả địa phương và trung ương đăng tải. Có bài còn được đọc trên Đài TNVN nữa! Bây giờ thì tài thơ của hân có khi còn nổi hơn cả tài thổi kèn đám ma nữa! Ấy vậy mà nghe mọi người gọi hân là nhà thơ, vợ hân bĩu môi: "Thơ với chả thần. Không lo làm ăn, cứ dính vào đấy rồi khéo hăm mất!". Nghĩ đến vợ, hân lại bật cười. Cái đạo hân đang tập tọe làm thơ tình, có hôm đi đám về, hân vẫn chưa chịu ngủ, cứ chong đèn gạch gạch, xóa xóa. Đến lúc bị vợ xách tai lôi dậy hân mới biết là mình đã ngủ gục trên bàn từ bao giờ. Vợ hân dỉ tờ giấy ghi bài thơ vừa làm xong trước mặt hân, nghiêng rằng:

- Cái này là thế nào? Trời đất ơi! Thảo nào cứ lén lén, lút lút. Đêm ngủ rồi còn dậy bật điện lên để viết tặng con nào?...

Hân liếc nhìn, mấy dòng chữ như nhảy múa trước mắt... "Sớm nghe mưa bụi bay bay / Lãng lã em bảo xuân nay về rồi / Ô kìa mưa đậu bờ môi / Mưa tranh mất của tôi rồi nụ hôn". Và đây còn ghê hơn: "Hội tan trời đổ mưa mau / áo anh em trải mái sấu che chung / Quả là mưa đã phải lòng / Nên mưa cứ ngã vào vòng tay đêm..."

Thôi chết rồi. Mấy bài thơ hân vừa làm để dự thi báo tỉnh. Thật đúng là tình ngay lý gian. Giải thích thế nào vợ hân cũng không nghe. Cứ làm toang lên, xé tan cả mấy tờ bản thảo. Lần ấy, hân bị giận để đến nửa tháng. Vợ hân thực hiện "lệnh cấm vận" một cách có bài bản, làm hân điều đứng đến phờ phạc cả người. Nghĩ lại, hân thấy đúng là mình đại thật. Dám trêu người nàg! Đến tận khi, báo Văn nghệ của tỉnh đăng bài thơ của hân trong mục "thơ dự thi", hân cầm tờ báo biểu và phong bì 200.000 nhuận bút đưa cho, vợ hân mới chịu nguýt yêu cho hân một cái, kèm lời cảnh cáo: "Ông cứ liệu liệu đấy! Lén phéng với con nào là không xong với tôi đâu!".

Trời đất ơi! Hân mãi làm ngày làm đêm, còn hơi sức đâu mà tư tưởng đến ai? Mới chỉ đan diu với nàg thơ có một tý mà đã khổ đến nhường này rồi còn gì! Sau sự cố đó, hân nghĩ bụng: Sao mình cứ mãi tìm cảm hứng từ đâu đâu. Thử làm một bài tặng vợ xem sao? Biết đâu nàg hứng khởi, mình lại chả được nhờ?

Nghĩ là làm, hân chỉ suy nghĩ có một lúc thì bài thơ "Cô thợ may đi cấy" đã hoàn thành: "Bàn tay quen cầm kéo / Giờ nàg đóm mạ xanh / đồng làng thành tấm vải / Em dệt tà áo xinh". Vợ đi chợ về, hân hí hửng mang ra đọc. Mặt hân rạng rỡ ngời ngời, hong hồng như đứa học trò chờ lời khen từ bà giáo khó tính. Vợ hân nghe xong bĩu môi: "Thơ với chả thần. Rõ khéo nịnh! Đã phải đi cấy còng cả lưng lại còn làm chuyện!". Hân chợt thấy buồn tẻ tái. Tại sao vợ hân lại tiết kiệm lời khen với hân đến thế? Hình như từ dạo lấy nhau, chưa bao giờ nàg khen hân được một câu, nhất là trước mặt người khác. Hân hiểu rất rõ lòng dạ của vợ. Miệng có khi nói thế, nhưng bụng chẳng nghĩ thế đâu. Nhưng gì thì gì, cũng phải mua mặt cho hân một tí chứ! Các cụ đã chả dạy "xấu chàng hổ ai" đấy thôi. Nàg tuy không thất đấy lưng ong nhưng cũng thuộc dạng chiều chồng, yêu con ra phết. Bằng chứng là nàg biết đảm đang, thu vén công việc gia đình một cách tươm tất. Chăm lo cho chồng con từng bữa ăn, giấc ngủ. Chỉ nhác thấy hân thích món gì là y như rằng nàg sẽ cố làm cho bằng được. Quần áo của hân cũng một tay nàg mua sắm, chọn lựa kiểu dáng, đâu có đắt một tí cũng không sao, miễn là hân thích. Về cái khoản này thì hân luôn tâm phục khẩu phục. Vợ hân là thợ may mà!

Tại sao riêng sở thích thơ phú của hân thì nàg lại không bao giờ ủng hộ? Từ dạo hân làm thơ, đi đám thì thôi, ở nhà lúc nào là lại thấy mấy cụ hưu trong câu

lạc bộ thơ của xã đến đàm đạo, hay nhờ sửa thơ, vợ hân đã có ý không hài lòng. Thấy hân thức khuya làm thơ, nàg luôn cầu nhàu, bảo hân là bị trời đầy, cứ tự mình làm khổ mình. Đi đám về, chưa kịp nghỉ, hân hồi hã giờ tờ báo biểu ra, vừa được mấy dòng, vợ hân đi đến, cầm tờ báo cất đi, bắt đi ngủ. Nàg luôn có câu cửa miệng: "Thôi. Ông đi nghỉ đi cho tôi nhờ! Ông đọc nó có béo lên được không? Cứ chịu khó ngày nào có đám thì đi, ngày nào không thì ở nhà phụ giúp vợ con. Như thế có phải nhàn tằm thân không. Sao ông lại cứ phải đẩy ải mình như thế nhỉ?" Ôi! Phải làm sao để nàg hiểu rằng: với hân, một ngày mà không được cầm đến tờ báo, không được nghe các chương trình yêu thích trên Đài thì hân không chịu nổi! Chồng người ta bỏ bê gia đình, say sưa rượu chè, cờ bạc đã đi một nhẽ. Đàng này, cái thú chơi của hân là thú chơi sang trọng của các tao nhân mặc khách, đâu có phải thường!

Bao nhiêu lần hân được nâng trên tay tờ báo có đăng thơ của mình. Bao nhiêu lần hân được nghe đọc thơ của mình trên

làn sóng đài TNVN, mà cảm giác lần nào cũng cứ như lần đầu vậy. Nó lâng lâng, ngây ngất đến run rẩy. Giá vợ hân có được một chút cảm giác đó hân nàg đã không đến nỗi thờ ơ, ghẻ lạnh những đứa con tinh thần của chồng đến thế?

Hân được kết nạp vào Hội văn học của tỉnh. Ôi! Có thể chứ. Phen này thì nhất định nàg hết chê bôi hân! Vật chứng là đây. Hân luyến quỳnh đến nỗi suýt lấy nhầm phải xe người khác. Từ trụ sở Hội, hân sung sướng phóng xe về nhà. Không phải tự kiêu đâu, nhưng sự kiện này cũng đáng tự hào lắm chứ? Thử hỏi cả cái xã hân, ai có được cái thẻ danh giá đó? Vậy mà...Hân chia cái thẻ hội viên ra trước mặt vợ, cười nhón nhén. Vợ hân ngừng may, từ từ ngẩng lên, khe liếc một cái, bĩu môi "Hội thơ với chả hội thần. Lại chả ba bảy hăm một ngày như cái đội chèo của thôn đạo nọ! Rõ vớ vẩn!" Hân tên tò rụt tay lại, cái thẻ hội viên lảng bóng như nặng trĩu trên tay. Hân cảm thấy như bị dội gáo nước lạnh. ánh mắt cười cười của nàg như ngấm bảo: Ông cứ liệu liệu đấy! Đừng tưởng

bây giờ muốn làm gì thì làm nhé!

Vào Hội, thi thoảng hân cũng được đi đây đi đó hội họp hay dự trại viết. Thú thực, mỗi lần đi trại viết là một lần hân phải đắn đo suy tính. Hân đang có uy tín trong đội nhạc hiệu. Không may (hay là may) trong thời gian đi trại mà có cụ nào nằm xuống thì nhất định lão Uy Nghi sẽ lại "ca" hân tới nơi, tới chốn (ấy, người có tài lắm lúc cũng khổ thế đấy!) Vợ hân thì tất nhiên không bao giờ muốn hân đi rồi. Hân đi, đồng nghĩa với thu nhập của gia đình sẽ kém đi, vợ hân sẽ phải vất vả hơn. Hân biết lắm chứ. Người ta có lương có lậu thì không sao... Nhưng đây là cơ hội cho con đường sáng tác của hân? Nếu bỏ qua thì thật vô cùng uổng phí! Công bằng mà nói, hân là người đàn ông của gia đình. Tuy đam mê, nhưng hân rất hiểu câu "cơm áo không đùa với khách thơ" mà các vị tiền bối trong làng văn đã dạy! Hân luôn cố gắng để đam mê của mình không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình. Mặt khác, hân cũng rất thích một câu nói của nhà thơ nào đó, đại ý: cho dù vô cùng bận mải vì công việc mưu sinh mà anh vẫn sáng tác được thì khi đó anh mới thực sự có tố chất của một nhà văn!

Ồi! Giá vợ hân đọc được điều đó nhỉ? Mà thôi. Lại mơ hão rồi. Đến thơ của hân được đăng báo, có mang về dỉ vào mũi nàg còn chả thèm liếc một chữ nữa là...

Hân đạp xe một mạch. Đến nhà, quẳng vói vào góc sân hân lao đến chiếc bàn con... Quái quỷ, cái bút của mình?... Chắc con bé lại nghịch vút đầu rồi... Hân vô đầu, bứt tóc. Trời đất ơi! Thế này thì cảm hứng bay hết chứ còn gì? Con với chả cái!... Ôi! Đây rồi. Vút mãi găm giường thế này, bố ai mà tìm được! Hân vô lấy cây bút, chép lia lịa...Thằng hoa đến mức, vợ hân đi chợ về lúc nào hân cũng chẳng biết nữa. Tận đến khi nghe tiếng dép lẹp kẹp ngoài cửa, hân mới sực tỉnh. Hoảng hốt, hân cuống cuống thu dọn bản thảo đang bữa bãi trên mặt bàn...

Vợ hân vội chạy lại giữ tay hân:

- Minh cứ để yên đấy, giải lao một tí đã...

Hân khựng lại. Một giọng nói dịu àng đã lâu lắm hân mới lại nghe được.

- ... Em mua cho mình cốc chè sen mà mình vẫn thích đấy. Mịch nghĩ tay ăn cho mát rồi hãy tiếp tục sáng tác...Trước đây, nghe người ta nói ai mà dính vào thơ phú lâu dần sẽ trở nên lẩn thần. Bởi vậy em mới cố ngăn cản mình. Giờ em nghĩ lại rồi... Có cấm mình cũng chẳng được!...

Hân chớp chớp mắt, lắc mạnh đầu mấy cái. Ô. Không phải trong mơ. Rõ ràng tay vợ hân đang cầm cốc chè mát lạnh. Hân cứ đứng như trời trồng, miệng há hốc. Nàg ấn cốc chè vào tay hân, rồi tìm cái quạt mo, đến bên hân phe phẩy:

- Thôi, mình ngồi xuống ăn đi kéo đá tan hết. Khiếp! Nóng gì mà nóng ghê cả người. Minh cứ mãi sáng tác mà không chịu bồi dưỡng, nhớ ồm ra đấy thì khổ!... Để rồi em dần tiến sầm cái "lép tốp", chứ để mình cứ gò lưng viết lách như thế, em thương lắm!

Không hiểu hơi lạnh từ cốc chè, từ những nhát quạt mạnh mẽ, dứt khoát hay từ những lời nói ngọt ngào của nàg phả vào tâm hồn đang ngùn ngụt trào dâng cảm xúc mà hân chợt thấy toàn thân lạnh toát, hai tay run bắn bật. Cốc chè rơi xuống nền nhà đánh "choang"... Hân bật dậy. Mồ hôi vã ra như tắm. Ô, thì ra chỉ là giấc mơ. Chắc tại tối qua mình thức khuya quá đấy mà... Nhìn ra ngoài, trời xanh ngàn ngát, ánh nàg chói gắt đã chấm mép thêm... Thôi chết! Vợ hân đi chợ sắp về. Hân lật đật đi tìm rá vo gạo, miệng ngêu ngao "Nổi lửa lên thôi... Nổi lửa lên thôi..."



Minh họa của THÀNH CHƯƠNG

DIỄN ĐÀN LÝ LUẬN PHÊ BÌNH VĂN HỌC

THƠ Đường được thế giới đánh giá là hiện tượng có một không hai. Chưa từng có một dòng thơ nào hình thành, phát triển suốt hơn 300 năm, với hơn 3000 nhà thơ như thế. Tiên thi Lý Bạch, Thần thi Đỗ Phủ, Thánh thi Bạch Cư Dị, ba nhà thơ tiêu biểu nhất dòng thơ này đã có ảnh hưởng rất lớn đến các thi nhân Việt Nam, trong đó có Hồ Chí Minh. Những bài thơ "vượt thời gian" của những thi nhân nổi tiếng này đã được đưa vào giáo trình giảng dạy bộ môn ngữ văn các cấp học. Chỉ tiếc một số bản dịch đã đánh mất cái thần thái của nguyên tác. Chúng ta thử cùng nhau xem lại.

I. Từ những bài thơ Đường nổi tiếng...

Bài *Vọng Lư Sơn bộc bố* (Xa ngắm thác núi Lư)

Phiên âm:

Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên,

Dao khan bộc bố quải tiền xuyên.

Phí lưu trực hạ tam thiên xích,

Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

(Lý Bạch)

Dịch nghĩa:

Mặt trời chiếu núi Hương Lô, sinh làn khói tía,

Xa nhìn dòng thác treo trên dòng sông phía trước.

Thác chảy như bay đổ thẳng xuống từ ba nghìn thước,

Ngõ là sông Ngân rơi tự chín tầng mây.

Người Trung Quốc khẳng định: trước Lý Bạch đã có nhiều người làm thơ về Lô Sơn, nhưng khi bài thơ của

Ngõ mặt đất phủ sương.

Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,

Cúi đầu nhớ cố hương.

Trong nguyên tác, Tiên thi sử dụng năm động từ: "ngẩng" (ngô là); "cúi" (ngẩng); "vọng" (trông xa); "đề" (cúi); "tư" (nhớ). Tôi không hiểu vì sao trong bản dịch, Tương Như lại "thêm" họ Lý Bạch hai động từ nữa? Đó là các từ "rơi"; "phủ". Như vậy liệu có ổn chăng? Tôi xin mạo muội chỉnh sửa trên bản dịch này để qui vị so sánh.

Đầu giường trăng sáng tỏ,

Ngõ mặt đất phủ sương.

Ngẩng đầu ngắm trăng sáng,

Cúi đầu nhớ cố hương.

Hai từ "ngắm" và "nhìn" có thang bậc cảm xúc khác nhau. Từ "ngắm" gần với từ "vọng" hơn, và như vậy, từ "ngắm" tỏ tâm trạng của Lý Bạch đúng hơn. Còn từ "rơi" trong bản dịch này, tôi nghĩ cũng không ổn, tương tự trường hợp *Vọng Lư Sơn bộc bố*.

II. Đến Hồ Chí Minh với *Ngục trung nhật ký*

Sinh thời, Bác rất thích thơ Đường, và ngay cả trước khi đi vào cũi vịnh hằng Người vẫn còn viện dẫn một câu thơ của thần thi Đỗ Phủ *Nhân sinh thất thập cổ lai hi* để đưa vào di chúc bất hủ gửi lại cho muôn đời sau. Và trong tập *Nhật ký trong tù* nổi tiếng thì cơ bản những bài thơ của Bác đều viết dưới dạng *thất ngôn tứ tuyệt*. Cũng

Bản dịch của Nam Trân theo kiểu lục bát:

Vì không có cảnh đông tàn,

Thì đầu có cảnh huy hoàng ngày xuân;

Nghĩ mình trong bước gian truân,

Tại ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.

Bản dịch của tôi theo nguyên thể:

Không có cảnh mùa đông lạnh giá,

Sao hay xuân ấm áp huy hoàng;

Trong gian khổ tại ương rèn luyện,

Vượt chính mình mới thật vẻ vang.

3. Bài *Chiếu tối*

Phiên âm:

Quyện điếu quy lâm tầm túc thụ,

Có vân mạn mạn độ thiên không.

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,

Bao túc ma hoàn lô dĩ đông.

Dịch nghĩa:

Chim mỏi về rừng tìm cây ngủ,

Chòm mây lẻ loi trôi lững lờ trên tầng không.

Thiếu nữ xóm núi xay ngô,

Ngô xay vừa xong, lò than đã đỏ.

Bản dịch của Nam Trân

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không.

Cô em xóm núi xay ngô tối,

Xay hết, lò than đã rực hồng.

Khi tâm sự với các bạn đồng nghiệp môn ngữ văn thi

TỪ LÝ BẠCH ĐẾN HỒ CHÍ MINH NHỮNG BẢN DỊCH THƠ ĐƯỜNG CẦN CHỈNH LẠI

LÊ TIẾN THỨC

Lý Bạch ra đời thì các bài thơ kia biến mất! Từ khi có bài thơ này những người đến thăm Lô Sơn không ai dám để thơ nữa. Đây là bức tranh được vẽ bằng ngôn từ có tầng có lớp có nền có khung, có tiêu điểm. Tiếc thay, bản dịch của Tương Như (Nam Trân) đã vỡ cánh bay đi, bởi từ thần "quải" dịch nghĩa là "treo". Một vẻ đẹp kì vĩ: Lý Bạch dứt dòng sông ra đem treo trước mặt, hay là thác nước cảm nhận được cái nhìn của Lý Bạch để tự tách mình ra treo trước mặt tiên thi? Xét về thời gian nghệ thuật, Lý Bạch thành vị thần xoay chuyển cần khôn: Câu đầu là ban ngày (nhật) câu cuối là ban đêm (Ngân Hà). Lý Bạch như thoát xác, lên kéo giải Ngân Hà xuống. Tô Thức đời Tống nhận xét: "Chỉ có bút thần mới viết được như vậy!"

Bởi bản dịch không chuẩn, nên trong phần chú thích, các tác giả sách giáo khoa ngữ văn đã phải than thở: "Dù hiểu theo nghĩa nào thì bản dịch cũng đã đánh rơi mất chữ "treo", chữ quan trọng nhất của bài thơ"

Xin trích nguyên văn bản dịch của dịch giả Tương Như:

Nắng rơi Hương Lô khói tía bay.

Xa trông dòng thác trước sông này.

Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước,

Tưởng giải Ngân Hà tuột khỏi mây.

Điều tôi muốn bàn ở đây là: tại sao nhiều học giả biết Tương Như dịch *Vọng Lư Sơn bộc bố* chưa đúng mà vẫn chấp nhận? Tôi xin mạnh dạn đưa ra bản dịch của bản thân. Mong được trao đổi:

Nắng chiếu Hương Lô bừng khói tía,

Thác treo thẳng đứng trước sông này.

Vút bay từ độ ba ngàn thước,

Ngõ giải Ngân Hà tuột khỏi mây.

Theo tôi, động từ "rơi" quá mạnh trong bản dịch của Tương Như không tương thích với không gian nghệ thuật trong nguyên tác. Động từ "chiếu" trong bài thơ này của Lý Bạch đã được Việt hoá, gần gũi, dễ hiểu. Hơn nữa độ sáng của từ "chiếu" là vừa phải, nó không gắt như kiểu "rọi đèn pha". Từ "tưởng" trong bản dịch, dù đồng nghĩa, song không có được sắc thái biểu cảm như từ "nghĩ" trong nguyên tác và cũng không đắt bằng từ "ngỡ" trong cùng trường nghĩa.

Bài *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* (Tĩnh dạ tứ)

Phiên âm:

Sàng tiền minh nguyệt quang,

Nghi thị địa thượng sương.

Cử đầu vọng minh nguyệt,

Đề đầu tư cố hương.

(Lý Bạch)

Dịch nghĩa:

Ánh trăng sáng đầu giường,

Ngỡ là sương trên mặt đất.

Ngẩng đầu ngắm vầng trăng sáng,

Cúi đầu nhớ quê cũ.

Bản dịch của Tương Như:

Đầu giường ánh trăng rọi,

dễ hiểu, vì Bác vốn xuất thân là một nhà nho! Hơn nữa những bài thơ đó là một dạng nhật ký. Chỉ có điều học sinh khi cảm thụ thơ Bác đều thông qua bản dịch. Nếu bản dịch bị "sai sót" thì sẽ rất đáng tiếc như đã từng xảy ra với bài *Xa ngắm thác núi Lư* của tiên thi Lý Bạch.

Bằng tất cả tấm lòng kính yêu vô hạn đối với vị cha già dân tộc, tôi xin được trình bày với các cơ quan chức năng có thẩm quyền và đồng đạo độc giả về ý tưởng dịch lại một số bài thơ sao cho gần gũi với nguyên tác của người.

Trước hết cần khẳng định những bài thơ trong nguyên tác chữ Hán của Bác là mẫu mực của thể loại Thất ngôn tứ tuyệt, tuân thủ theo trình tự: Khai - thừa - chuyển - hợp. Việc một số bài thơ dịch sang thể "lục bát" đã không chuyển tải được ý và nghĩa trong bản gốc. Theo đánh giá của phó giáo sư tiến sĩ Vũ Nho thì "thể thơ lục bát uyển chuyển, mềm mại, trôi chảy làm giảm đi giọng điệu rắn rỏi trong nguyên tác". Đồng quan điểm với nhận định trên, tôi xin phép đưa ra bản dịch của riêng mình.

1. Bài *Đi đường*

A. Câu khai: Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan

Dịch nghĩa: Có đi đường mới biết đường đi khó.

B. Câu thừa: Trùng san chỉ ngoại hựu trùng san

Dịch nghĩa: Hết lớp núi này lại tiếp đến

lớp núi khác.

C. Câu chuyển: Trùng san đằng đèo cao phong hậu

Dịch nghĩa: Lên đến đỉnh cao chót của rặng núi

trùng điệp ấy.

D. Câu hợp: Vạn lý dư đồ cổ miện gian

Dịch nghĩa: Thi muôn vạn non sông đã thu cả

vào tấm mắt.

Bản dịch của dịch giả Nam Trân theo kiểu lục bát:

Đi đường mới biết gian lao,

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;

Núi cao lên đến tận cùng,

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

Bản dịch của tôi theo nguyên thể:

Đi đường mới biết đường đi khó,

Qua dãy núi này còn dãy nọ;

Lên đỉnh non cao chót tận cùng,

Thu vào tầm mắt cả non sông.

2. Bài *Tự khuyên mình*

Phiên âm:

Một hữu đồng hàn tiểu tụy cảnh,

Tương vô xuân noãn đích huy hoàng;

Tại ương bả ngã lại đoàn luyện,

Sử ngã tinh thần cánh kiện cường.

Dịch nghĩa:

Không có cảnh mùa đông tiêu điều rét mướt,

Sẽ không có mùa xuân ấm áp huy hoàng;

Tại ương rèn luyện ta,

Khiến cho tinh thần ta càng thêm vững.

ai cũng cảm nhận được bài thơ của Bác là rất hay, còn bản dịch thì... rất dở. Trên diễn đàn văn học thì nhan nhản lời chỉ trích nhưng tuyệt nhiên tôi chưa thấy có bản dịch mới nào?

Tôi không muốn đi sâu vào nội dung bình giảng mà chỉ muốn trao đổi về dịch thuật. Đã là dân văn thì ai cũng phải hiểu đây là bài thơ tứ tuyệt, luật Đường, nội dung rất hàm súc. Tất cả có 28 chữ. Nếu dịch giả làm hỏng một chữ thôi, thì chẳng khác gì đã giết chết cả bài thơ. Bài *Vọng Lư Sơn bộc bố* là một ví dụ khi dịch giả làm hỏng mất từ "quải" "Còn bài thơ này thì sao? Xin quý vị cùng tôi tìm hiểu.

Câu 1: *Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ*

Xin bài phục từ "chốn" bởi dịch giả vẫn giữ được ý trong nguyên tác, đồng thời làm câu thơ mượt mà hơn về thanh điệu.

Câu 2: *Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không.*

Tôi biết rằng dịch giả Nam Trân thừa hiểu: "Cổ" là lẻ loi một mình. "Mạn mạn" là dài và rộng. Một đám mây lẻ loi trôi trên bầu trời rộng lớn. Nhưng việc dùng từ "chòm" và "nhẹ" trong câu dịch thứ hai đã thực sự làm hỏng ý nghĩa ẩn dụ, so sánh của Bác khi đang một mình cô đơn mắt mờ, chân yếu, thân mang gông cùm, xiềng xích nơi đất khách, quê người.

Câu 3: *Cô em xóm núi xay ngô tối.*

"Thiếu nữ xóm núi xay ngô" là cách dùng từ lịch lãm của người trung tuổi. Tôi đó rằng Nam Trân bị câu thúc bởi niêm luật thơ Đường, nên mới "nhắm mắt" dịch "thiếu nữ" thành "cô em". Dù cách dịch vẫn đúng niêm luật, nhưng câu thơ này thực sự gây phản cảm, gây cảm giác "gai gai, sạn sạn" không thể chấp nhận được vì nó làm hỏng văn phong của Bác.

Câu 4: *Xay hết lò than đã rực hồng.*

Đành rằng từ "xay" dịch theo nguyên tác! Nhưng câu thơ đầu dịch giả Nam Trân đã thay từ "cây" bằng từ "chốn" mà nhờ đó câu thơ dịch trở nên có hồn hơn. Vậy thì tại sao từ "xay" lại không dùng từ "vừa" để thay thế?...

Từ những cảm nhận như trên tôi xin chỉnh dịch như sau:

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,

Quầng mây trôi nhẹ giữa tầng không.

Xay ngô xóm núi kia cô gái,

Vừa hết lò than đã rực hồng.

Trong khi cả nước đang hưởng ứng cuộc vận động lớn: Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thì việc trả lại giá trị nguyên bản của thơ Bác là những việc cần làm ngay. Đáp lại lời kêu gọi của Viện văn học "để trong tương lai bản dịch được bổ sung, chỉnh lý nhiều lần nữa cho tới khi nào có thể gọi là hoàn hảo", tôi xin đề xuất với Viện Văn học và các cơ quan thông tấn báo chí tổ chức cuộc thi dịch thơ Bác để tất cả mọi người có cơ hội được thảo luận tham gia dịch thơ, hoặc là góp ý cho từng câu, từng chữ của bản dịch, và cho tất cả những thi phẩm viết bằng chữ Hán mà người để lại. ■

ĐỌC SÁCH

GỌI THEO CÁCH
CỦA RIÊNG MÌNH

Đọc *Mùa sương muối biển*,
tập thơ của Ngô Thế Trường,
Nxb Hội Nhà văn, 2013

ĐẶNG HUY GIANG



NGÔ Thế Trường có thơ đăng báo từ rất sớm. Trong *Sáng tác Hà Nội* năm 1975 (tiền thân của *Tap chí Người Hà Nội*, báo *Người Hà Nội* sau này) từng đăng một chùm thơ của anh. Hồi ấy, được đăng hẳn một lúc dăm ba bài thơ, không phải là việc dễ dàng gì. Sau đó, vì nhiều lý do, anh gần như bỏ thơ hoặc thơ đã bỏ anh.

Nhưng rồi trong khoảng mười năm gần đây, thơ trở lại với anh một cách quyết liệt hơn, róng rết hơn, thường xuyên hơn. Đọc những bài thơ của anh ở những thời điểm tương đối xa nhau, thấy rõ sự nhất quán một giọng điệu thơ, cá tính thơ. Đó là phẩm chất rất rõ trong *Mùa sương muối biển*.

"Chập choạng bờ lam lữ/ Chủ thạch sùng đớp muối cột điện hoang/ Thoảng tiếng guốc vẹt chơ chiều xoay xở/ Đêm buốt trời thương xót lắm mẹ ơi!" và "Anh gặp củ nâu thương màu áo gụ/ Anh gặp than củi nhớ bánh đa cua/ Anh ngụp lặn với trò chơi chọc sấu/ Trốn tìm với sông, đối mặt tử thần" - đó là những câu thơ từ *Nhớ Hải Phòng*.

"Những cuộc đời bến Nứa/ Những cuộc đời trú ngụ qua đêm/ Những mắt đợi mặt trời xam xỉ/ Gồng gánh, xe thồ.../ Chờ hoa và chờ cả..." - đó là những câu thơ trong *Cho anh ngược nước sông Hồng*.

"Ngọn gió Cát Hải/ Mặn tanh/ Những người đàn bà ngồi và lười/ Và những nỗi đau/ Trẻ con lê la mấy gói bim bim/ Nắng xiên, sông đục xa bờ..." - đó là những câu thơ của *Làng chài cơn bão đi qua*.

"Tít tít đỉnh hang cửa trời/ Sợi yến long lanh sắc trắng/ Sợi yến lấp lánh huyết hồng/ Yến vợ yến chồng chiu chan làm tổ/ Đan mao, sửa bạch/ Vách đá cheo leo/ Vách đá/ Gọi mùa, mùa để tháng năm..." - đó là những câu thơ theo *Chim yến bay về hòn Núi*.

Và còn nhiều nữa...

Giàu hình ảnh và chi tiết thơ, chúng cuộn vào nhau chảy trong mạch thơ dồn dập và hanh thông; chúng rất gợi và tạo được ấn tượng; chúng đã "tải" được một phần nào tâm trạng, thái độ người viết trong sự bộn bề của cảm xúc.

Để nhận thấy đằng sau những câu thơ ấy một sự xa xôi ngấm ngấm cho những thân phận, đặc biệt như: "Đêm buốt trời thương xót lắm mẹ ơi"; "Những người đàn bà ngồi và lười/ Và những nỗi đau"; "Những cuộc đời bến Nứa/ Những cuộc đời trú ngụ qua đêm/ Những mắt đợi mặt trời xam xỉ"...

Trong *Mùa sương muối biển*, có lúc Ngô Thế Trường khác người, tỏ ra vạm vỡ ở cách cảm, cách nghĩ: "Ồ Loan chọt thương cảm/ Đã lìm vào tóc mây/ Núi như người tình lớn/ Đề nghiêng chiếu Quy Nhơn" (*Quy Nhơn*);

Không chỉ vạm vỡ, trong *Vũng Áng*, Ngô Thế Trường còn có những câu thơ dư dội như tính cách của anh:

Những sợi thép nặng

Xiết vách núi

Xiết sườn rú

Những người thợ mặt xạm khét

Mồ hôi đầm đĩa ri mặn

Chảy từ hốc mắt

Chảy từ hốc mũi

Những dòng máu trắng...

Cũng có lúc những sự kiện lịch sử, những dấu vết của quá khứ như va đập vào Ngô Thế Trường, truyền cảm hứng cho nỗi dằn vặt, cho nỗi ấy bật thành thơ: "Những thành quách thâm trầm bóng xác/ Hồn xưa còn thâm đập vết tường loang" (*Cánh đồng mưa xứ Huế*); "Sông Gianh đau thâm mất/ Mỏ côi bờ phương Nam/ Máu xưa đất thấm lạnh/ Hồn phách còn lang thang" (*Sông Gianh*).

Nhưng *Mùa sương muối biển* không chỉ có thế. Ít nhất, Ngô Thế Trường còn gây ấn tượng ở hai câu thơ nữa. Câu thứ nhất: "Để lại miền Trung gầy như que củi" trong *Phủ Quốc*. Câu thứ hai: "Những thùng mắm hồng tươi màu bể" cũng trong *Phủ Quốc*. Đây là hai phát hiện của Ngô Thế Trường. Không phải ai cũng nhìn và viết ra được như vậy.

Ở một chừng mực đáng kể, nhà thơ không chỉ gọi sự vật đúng với tên gọi của nó, mà còn gọi theo cách của riêng mình. ■

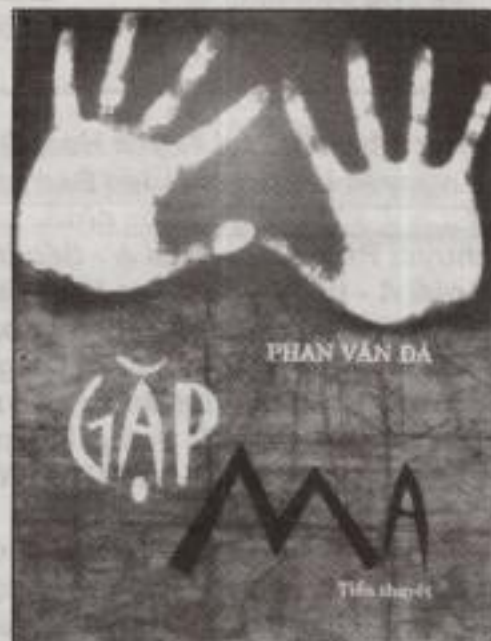
CHÚNG TA
TỪNG GẶP MA
HAY GẶP NGƯỜI?

Đọc *Gặp ma*,

tiểu thuyết của Phan Văn Đà,

Nxb Hội Nhà văn, 2013

BÙI VIỆT THẮNG



TIỂU thuyết *Gặp ma* của Phan Văn Đà có cái ý nghĩa rất thời sự ở phương diện đề tài: gặp "ma" ở chốn thị thành, thời mở cửa "kinh tế thị trường"; "Kinh tế thị trường" tấn công vào các "tế bào xã hội" - gia đình. Gia đình tưởng chừng là "gia đình hạt nhân", không thể nào bấn phá nữa. Nhưng cái "nguyên tử" ấy đang bị phân rã trong một cơ chế đặc thù của thời đại.

Tác giả Phan Văn Đà chú tâm nghiên cứu hai mô hình gia đình hiện nay: gia đình ông Giang (diễn hình cho gia đình truyền thống) như là một nạn nhân, và gia đình cô Phường (diễn hình cho gia đình thời hiện đại bị tan rã) như một tội nhân.

Vì cảnh nhà cửa chật chội (8 người thuộc ba thế hệ ở chung trong một căn nhà đi thuê), ông Giang cùng với vợ con họp bàn kế sách giải thoát. Gia đình ông Giang tần tiện tích góp, gom góp gần cả đời người được số tiền đi mua đất, mua nhà, để thay đổi cuộc sống.

Kể gieo đau khổ cho gia đình ông Giang là Phường - một "phụ nữ sốn sồn", sống buông thả, quen lừa lọc. Cô ta nhận của gia đình ông Giang một số tiền lớn nhưng tìm cách trì hoãn giao giấy tờ sở hữu nhà.

Cuộc chiến đòi công lí khiến cả nhà ông Giang như ngồi trên đống lửa, ăn không ngon ngủ không yên, tâm thế hoang mang bất ổn, đôi khi như mù mịt lú lẫn; ông Giang còn bị xuất huyết não phải cấp cứu.

Ông Giang quyết khởi kiện cô Phường. Cả nhà ông, không trừ ai, phải hao tâm tổn sức để "chiến đấu" đòi công

bằng. Một con đường đau khổ, đầy chông gai, cạm bẫy, giữa thanh thiên bạch nhật. Quá trình đi đòi lại công bằng khiến ông Giang gặp biết bao là "ma" và "người" mọi lúc, mọi nơi, mọi hạng. Trên cái nền câu chuyện, ở đâu cũng lấp ló bóng đồng tiền, cũng thấy ngang nhiên người tốt sợ kẻ xấu,...

Nhưng Phan Văn Đà từng trải và bình tĩnh giải quyết vấn đề: cái tốt, cái đẹp liệu có sức mạnh chiến thắng? Ta thấy tiếng nói trần trụi và quyết tâm của người bị hại trừng trị kẻ phạm tội có lúc tưởng như bị chìm khuất, tưởng như vô phương. Ông Giang và ông Căn - cũng là cựu chiến binh và là người bị lừa thứ hai trong cùng vụ án với ông Giang - như tự thấy xấu hổ và tự đặt câu hỏi: Trước đây bom đạn ác liệt mình đã không sợ, đã chiến thắng, nay lại chịu thua những con người "ma quỷ" này sao?

Sự lý giải tình huống trên nói lên một logic "con giun xéo lắm cũng quằn" và "cổ áp bức, cổ kẻ ác, sẽ có đầu tranh"; chỉ có điều là đầu tranh vào lúc nào và bằng cách nào. Thành công ở đây không chỉ bằng ý chí mà còn nhờ có chỗ dựa vững chắc - có sự giúp đỡ của ông Tâm, trung tướng công an về hưu và bà Vụ, một luật sư có tâm, có tài.

Bằng cái nhìn chân thực, tác giả đã cho ta thấy một không khí vừa vui vừa buồn. Vui vì bọn tội phạm và những quan chức bênh che bọn lừa đảo đã bị trừng trị, nhưng buồn vì tội phạm những chưa được phanh phui, đơn giản chỉ vì không có chứng cứ. Muốn thắng được tham nhũng không chỉ cần quyết tâm mà phải có biện pháp đủ mạnh...

Tôi nghĩ một kết thúc "có hậu" như thế phù hợp với "tạng văn" Phan Văn Đà, và cũng có thể hợp với tâm lí chung "bĩ cực thái lai".

Có người bảo, với cái chất liệu ngôn ngữ này, vào tay một "thợ tiểu thuyết" có hạng, có thể sẽ làm ra được vài ba cuốn tiểu thuyết ngắn.

Gặp ma còn có những hạn chế về bút pháp của một người viết tiểu thuyết lần đầu. Song đó là một thành công đáng khích lệ của tác giả. ■

HƯƠNG BÙN QUÊ
ĐÃ LÀM TA TỒN TẠI

Đọc *Mắt cỏ*,

tập thơ của Nguyễn Đình Minh,

Nxb Văn học, 2013

NGỌC BÁI

NĂNG lòng với quê là đặc điểm nổi bật của thơ Nguyễn Đình Minh. Hình ảnh đồng quê đau đáu tràn trở, có lúc không thể kìm nén:

*Thú nhận điều này có kẻ chẳng tin đâu
rằng một chút hương bùn quê đã
làm ta tồn tại*

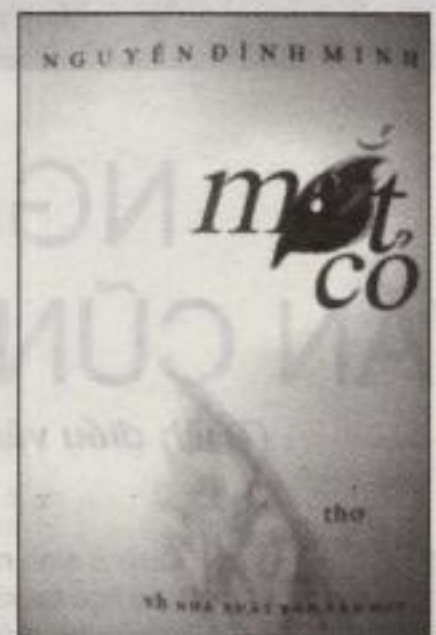
Sự thấu hiểu, sự từng trải, sự cảm thông, sự chiêm ngẫm đã trở thành điểm tựa cho Nguyễn Đình Minh khi khai thác những đề tài gần với đời sống. Cùng với việc biến động không ngừng của xã hội, cảnh quan nông thôn ngày một khác. Những biến cải về kinh tế, những quấy đạp của kim tiền, sự đua tranh không khoan nhượng của cơ chế thị trường có làm cho gương mặt nông thôn mới lên, nhưng cũng đã ít nhiều để lại hệ lụy cho nhiều vùng quê vốn phẳng lặng thanh bình. Thơ đã không né tránh những gì đặt ra trong cuộc sống. Không sa đà vào lý giải, tác giả đã tạo một hình ảnh rất tiêu biểu:

*Giật mình! Tre trống trong chậu
rẽ siêng chẳng đủ đất bòn
(Tre trong phố)*

Một chút hoài niệm day dứt. Đó là sự nhất quán của tâm tưởng, tác giả khó thoát ly khỏi những cảnh sắc thân thuộc và ám gợi.

Tác giả thơ không chỉ dừng lại ở việc quan sát. Từ những gì thấy, đến những gì để nghĩ, để tạo nên thơ, là một quá trình lao động ngôn ngữ. Không dừng ở việc miêu tả thuần túy, thơ định vị bằng rung cảm của tâm thức.

Đã nguyên bước vào đường thơ không mấy ai thoát khỏi sự phiêu lưu. Nhiều khi phải đánh đổi, phải trả giá về



sự mộng mơ mây gió. Đối với người thực dụng, thơ có thể là món hàng xa xỉ. Nhưng thơ đầy tự trọng. Người làm thơ cũng vậy. Phải thực lòng kiên nhẫn kiên tâm và tự ý thức về bốn phận. Thơ đứng về phía nước mắt, thơ đứng về phía nhân ái. Thơ dẫn thân, "ta lang thang như hạt bụi dưới chiếu/ không tìm nổi nắm mớ chôn nước mắt/ nổi gió sương cào môn sương cốt/ ế ẩm tiếng thời phiêu dạt nổi nhen". Dù thế nào thì thơ cũng giữ tâm thế, người làm thơ ý thức được điều đó. Nguyễn Đình Minh đã suy ngẫm. Thế giới không còn xa lạ. Mọi điều trở nên giản dị trước cái nhìn bình tĩnh chân thực.

*Đi qua biển rồi hiểu biển mênh mênh
đi qua mênh mênh lại gặp làng ở đó
(Làng)*

Cảm thông với người nông dân trước hết là thấu hiểu nỗi cực nhọc của những người thân yêu ruột thịt. Những cảnh tượng cực nhọc nhà nông được tái hiện bằng những câu thơ se sắt "mẹ bạc muối áo nâu... giữa chang chang lửa/ chân cắm dưới bùn/ lòng ngóng trời cao". Người quê vẫn tràn đầy hi vọng, dù nhiều khi vẫn phải "ngóng trời cao" để mà hi vọng.

Hiểu biết làng quê đến tận cùng gian truân là điều không phải nhà thơ nào cũng có điều kiện tiếp cận. Cũng phải dày công lặn lội và thu lượm. Cũng phải biết chọn lựa những gì đáng để nói mới đủ gây ấn tượng với người đọc. Trên cái bề bộn của cảnh quê, Nguyễn Đình Minh đã lấy ra những gì thật thân thuộc, vừa giản dị vừa đau đáu.

*Tựa bến sông quê nhắm nháp chút
hương đồng
nghe ếch nhái râm ran báo yên miền
neo đậu
(Lững thững cùng sông)*

Thơ không thuần túy tạo cảm xúc thụ động mà vượt qua đó là những câu thơ được găm lại trong trí nhớ người đọc. Những câu thơ tạo nên sự liên tưởng về kiếp sống, về nhân sinh.

*Đêm không trăng khó chiêm nổi nụ cười
chỉ thấy vườn đêm rụng đầy quả đắng
sương muối trút giàn trâu xưa là rụng
lửa đỏ lòng nhau
nhưng chẳng thể khư hồi
(Đêm không trăng)*

Đa cảm và chân thực là điều dễ nhận thấy ở tác giả. Nhiều bài thơ, nhiều câu thơ chạm tới thế thái nhân tình, động đến trắng đen yêu ghét.

*lời rao bạc trắng giò sương
chùn chân chưa hết đoạn trường
thế gian
(Lời rao trên phố)*

Nguyễn Đình Minh, đang là Hiệu trưởng trường phổ thông trung học Nguyễn Khuyến - Vĩnh Bảo - Hải Phòng, đã có vài chục năm làm thơ và đã in riêng bốn tập thơ. Những hồi niệm tiềm ẩn, những va đập của đời thường thức dậy và chuyển vào mạch chữ.

Trở lại với *Mắt cỏ* để hiểu thêm điều tác giả kỹ thác. Đây là bài thơ tác giả đặt tên cho cả tập thơ. Bài thơ xoay quanh sự giác ngộ về tình yêu. Điều này không mới. Tác giả đã chọn một cách nói để tự nhắc nhở về những điều hiển nhiên tồn tại.

*Kinh Phật dạy hãy nhớ cỏ hoang đi
để trồng hoa
Nhưng cỏ cứ xanh trên núi cao như
thách thức...*

Giác ngộ về tình yêu cho ta tồn tại. Cũng là chuyện nhân sinh. Cũng là chuyện "hương bùn quê đã làm ta tồn tại". ■

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC NHÀ VĂN NGUYỄN QUỲNH

NGUYỄN QUỲNH VĂN CÙNG CHÍNH LÀ NGƯỜI*

(Trích diếu văn đọc tại Lễ truy điệu nhà văn Nguyễn Quỳnh của lãnh đạo Nxb Kim Đồng)

NHÀ văn Nguyễn Quỳnh sinh ra trong một gia đình có truyền thống Nho học tại xã Thạch Hoà, huyện Tuyên Hoá (Quảng Bình), một miền quê bán sơn địa nghèo mà giàu truyền thống cách mạng. Ông tham gia hoạt động từ thuở thiếu thời, từng là liên lạc viên tại Công an tỉnh Quảng Bình. Sau khi tốt nghiệp trường trung học Phan Bội Châu, Ông là Trưởng ban cán sự thanh niên học sinh tỉnh, rồi giữ chức Tỉnh đoàn trưởng - Tỉnh Đoàn thanh niên học sinh tỉnh Quảng Bình. Năm 1953 ông được cử đi học cao đẳng Hán văn tại Khu học xá Trung ương (Trung Quốc). Hoà bình lập lại, ông làm phiên dịch cho đoàn cổ vấn Trung Quốc một thời gian, sau đó về công tác tại Đoàn thanh niên các cơ quan Trung ương với cương vị thường vụ Ban Chấp hành, trưởng ban Tuyên huấn. Từ đầu năm 1960, ông được phân công về làm biên tập tại nhà xuất bản Kim Đồng và lần lượt trải qua các chức vụ: Phó ban, Trưởng ban biên tập, Chuyên viên cao cấp, cho đến khi về hưu năm 1997. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1988.

Nhà văn Nguyễn Quỳnh từng trải qua nhiều công việc khác nhau, nhưng có thể nói cuộc đời ông đã luôn gắn liền với sự nghiệp vì thế hệ trẻ. 37 năm làm việc tại Nhà xuất bản Kim Đồng, gần 50 năm chuyên tâm sáng tác cho thiếu nhi với một số lượng tác phẩm không nhỏ (78 đầu sách đã xuất bản, vài trăm truyện ngắn đã in báo). Nghề biên tập và nghiệp văn đã là nguồn hạnh phúc với ông đến tận cuối đời. Từ những đóng góp cho sự nghiệp cách mạng và cho văn học ấy, ông đã được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, Huy chương Kháng chiến hạng Nhất, Huy chương Vì sự nghiệp văn hoá, Huy chương Vì thế hệ trẻ, Huy hiệu 45 năm tuổi Đảng, cùng nhiều giải thưởng văn chương của Hội Nhà văn Việt Nam, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy ban chăm sóc và bảo vệ trẻ em...

Sinh thời, nhà văn từng tự bạch "Văn phải từ thiện tâm, lòng nhân ái, chính đạo nhân đạo. Thời nào, lúc nào, đây vẫn là gốc. Nói khác đi, gốc của văn là - Chân, Thiện, Mỹ". Và ông làm nghề hay viết văn đều theo tâm niệm ấy.

Thuộc lớp những biên tập viên đầu tiên của nhà xuất bản Kim Đồng, tên ông đã gắn liền với nhiều cuốn sách hay thuộc nhiều thể tài khác nhau dành cho thiếu nhi. Những năm chống Mỹ, ông là một trong những biên tập

viên xông xáo nơi tuyến lửa, bám sát thực tiễn cuộc sống để có được những cuốn sách hay cho các em. Với vốn Hán học dày dặn, ông là một trong những người đầu tiên gây dựng mảng sách khoa học của Nxb Kim Đồng, cũng là người đầu tiên phụ trách bộ phận biên tập mảng sách rất được coi trọng này. Ông luôn là người biên tập viên thân gần được với nhiều người viết trong tình bằng hữu. Phong thái làm việc của ông là khơi gợi, thuyết phục chứ không áp đặt cho người khác suy nghĩ của mình.

Nghề văn đến với nhà văn Nguyễn Quỳnh từ khi ông còn là một cán bộ Đoàn và thực sự đã trở thành niềm vui sống suốt đời của ông, đặc biệt là những trang văn viết cho thiếu nhi. Các tác phẩm của ông, từ những cuốn sách viết về vùng núi rừng Tuyên Hoá quê hương với thiên nhiên hùng vĩ và những con người giàu khí phách, dành cho lứa tuổi thiếu niên, đến những câu chuyện nhỏ xinh về tình cảm gia đình bạn bè dành cho học sinh cấp một, đều ẩn chứa một tình thần nhân văn sâu xa.

Không khi nào "đạo to búa lớn", ông cứ rí rả hướng trẻ em đến với những tình cảm tốt đẹp trong những câu chuyện kể giản dị mà hấp dẫn.

Sau gần hai năm kiên trì chống chọi với căn bệnh hiểm nghèo trong sự chăm sóc cứu chữa tận tình của gia đình và các y bác sĩ, sự ra đi của ông dù không quá bất ngờ nhưng vẫn khiến chúng ta thật bàng hoàng đau



xót, bởi vừa mất đi một trong không nhiều nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi với nhiều tác phẩm có tên tuổi thấm đậm tình người. Người mà trong các cuộc gặp gỡ văn chương luôn xuất hiện với nụ cười hiền hoà, đem tới cho người đối diện một cảm giác trong lành, dễ chịu...

Văn chính là người.

Trong cuộc sống đời thường, nhà văn Nguyễn Quỳnh đã sống đúng như những gì ông gửi gắm vào trang viết. Chân tình và nhã nhặn trong các quan hệ xã hội. Ông để lại cho những ai từng cùng làm việc hoặc quen biết một ấn tượng tốt đẹp về tình người hiền hoà, chân thật.

Giờ thì ông đã đi xa rồi, nhưng chắc chắn rằng những gì ông tâm niệm, gửi gắm sẽ mãi còn trong các trang viết tâm huyết của ông...■

* Nhan đề do tòa soạn đặt

Nhà văn Nguyễn Quỳnh sinh năm 1936 tại Tuyên Hoá, Quảng Bình, cán bộ lão thành từ thời kì đầu của Nhà xuất bản Kim Đồng, nguyên là biên tập viên Ban sách Văn học. Ông là một trong số ít những nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi, từng nhận được nhiều giải thưởng Văn học Thiếu nhi của Hội Nhà văn Việt Nam: Giải B - tiểu thuyết Rừng đêm, giải A - tiểu thuyết Chuyện làng tôi, giải B - tiểu thuyết Người đi săn và con sói lửa, giải A - tiểu thuyết Con Báo Vàng, giải A truyện ngắn Đứa con phiêu bạt và ký ức người cha (do Hội Nhà văn Việt Nam và Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam đồng tổ chức)... Và gần đây nhất là tác phẩm Cậu bé người rừng (2012) của ông vẫn hấp dẫn bạn đọc bởi những trang viết đầy ấn tượng với chất văn dạt dào cảm xúc, phóng khoáng...

Nhà văn Nguyễn Quỳnh đã từ trần ngày 27 tháng 9 năm 2013 sau một thời gian lâm bệnh nặng. Lễ tang nhà văn đã được tổ chức vào ngày 30-9-2013 tại Nhà tang lễ Phùng Hưng - Hà Nội. An táng cùng ngày tại Đài hóa thân Hoàn Vũ, Hà Nội.

Là một nhà văn suốt đời gắn bó với đề tài thiếu nhi cho đến hơi thở cuối cùng, nhà văn Nguyễn Quỳnh ra đi đã để lại một khoảng trống trong văn học viết cho thiếu nhi. Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Tuần báo Văn nghệ xin gửi lời chia buồn sâu sắc đến Nhà Xuất bản Kim Đồng, cùng toàn thể bạn bè thân hữu, gia quyến và độc giả của nhà văn.

NGƯỜI KỂ CHUYỆN CỦA NÚI RỪNG

VĂN THANH

NHÀ văn Nguyễn Quỳnh xuất thân trong một gia đình Nho học sa sút có truyền thống yêu thích văn chương. Thân sinh của ông là một nhà Nho học rộng, am hiểu Ngũ kinh, Tứ thư, biết tướng số, địa lý, y học. Nhưng cụ chọn nghề bốc thuốc Bắc - nghề mà theo cụ, không hại ai, mà giúp người ta chuyển nghĩ điều nhân, nghĩ đến điều làm phúc. Nguyễn Quỳnh tiếp thu được ở người cha nhiều tri thức quý báu, cách đối nhân xử thế và những phẩm chất tốt đẹp.

Nguyễn Quỳnh có vốn hiểu biết phong phú về văn học dân gian và văn học cổ Trung Quốc. Nhà văn đặc biệt yêu thích thiên nhiên, am hiểu về núi rừng, về các loại muông thú miền Trung quê ông. Ông từng tham gia nhiều cuộc săn bắn thú rừng cùng các thợ săn trong vùng. Ông rất yêu thích lối sống, tâm hồn mộc mạc, giản dị, chân thực và phóng khoáng của những con người từng gắn bó cuộc đời với núi rừng. Phải chăng đây chính là cội nguồn để cho văn ông, dù là tiểu thuyết, truyện vừa hay truyện ngắn đều giản dị, đậm đà, giàu tính chân thực với tình cảm nhân hậu, độ lượng và nghĩa tình.

Tính Nguyễn Quỳnh vốn điềm đạm, ít nói, ít tham gia tranh luận. Nhà văn thường nói vui: "Oan gia nghị giải bất nghị kết" - Oan thù nên cởi, không nên thắt.

Nhiều tác phẩm của Nguyễn Quỳnh đã để lại ấn tượng sâu sắc trong bạn đọc. Truyện vừa *Cơn bão số bốn* ngợi ca tinh thần bảo vệ của công của cậu bé Sơn và niềm xúc động trước tình cảm cha con của cậu bé.

Rừng đêm là cuốn tiểu thuyết mô tả cuộc sống của những em bé nghèo. Tiểu thuyết không chỉ hấp dẫn người đọc bởi những tình tiết mới lạ, khó tưởng tượng nổi, nhưng lại rất chân thật về những cuộc săn đuổi thú dữ, về những cuộc đổ sức giữa trâu rừng với hổ báo, giữa người và thú dữ, mà còn lôi cuốn người đọc bởi những chi tiết đầy xúc động về tình bè bạn, tình cha con, về tình cảm của những con vật tình nghĩa đối với con người, và đặc biệt là tình yêu Tổ quốc, yêu tự do.

Mang tính sử thi, *Chuyện làng tôi* như là một khúc anh hùng ca về những con người ở một miền đất xa xôi, nhưng lại là đầu cầu của hai miền trong chống Mỹ, cứu nước và trong xây dựng hòa bình.

Ba tập tiểu thuyết ra đời trong những năm 1980: *Con cáo vàng*, *Người đi săn và con sói lửa* và *Đôi sói hú* được tác giả viết với một cảm hứng khác, cảm hứng về vẻ đẹp hùng vĩ, bí ẩn, đầy sức hấp dẫn của núi rừng miền Trung - quê của tác giả. Ở đây hai mảng nhân vật là người và loài vật như đan chéo vào nhau, có khi quyện lại làm một. Có những nhân vật là người nhưng tâm địa lại độc ác hơn cả loài thú dữ, đó là lý Cừ, là Chánh Cẩm...

Ngược lại có những nhân vật vốn là loài vật, là ác thú, nhưng có những biểu hiện tình nghĩa như Tà Rì, hổ áo gấm, báo vàng, sói lửa, như những con người thực thụ. Tiểu thuyết *Con báo vàng*, *Người đi săn và con sói lửa* ca ngợi tinh thần thượng võ, trí thông minh, lòng vị tha, chết sống có nhau, tình yêu thương đồng loại của những con người lao động, cuộc đời gắn bó với núi rừng. Hơn thế nữa, thông qua những chi tiết sống động, tác phẩm còn như một bài ca về vẻ đẹp, về uy lực của một miền rừng đặc biệt - rừng Trường Sơn.

Tiểu thuyết *Đôi sói hú* vẫn đầy cảm xúc về núi rừng, nhưng tác phẩm còn đậm mối quan hệ tình bạn, tình yêu của tuổi trẻ, là lòng độ lượng mang tính nhân đạo nhân văn...

Có thể nói hầu hết tác phẩm của nhà văn Nguyễn Quỳnh được viết bằng cảm xúc thật và bằng tâm huyết gần như là sự chiêm nghiệm, hay nói đúng hơn là cuộc sống, là suy tư, là nhân cách của chính tác giả với tình thần trách nhiệm cao đối với bạn đọc. Nhiều tác phẩm của nhà văn Nguyễn Quỳnh đã nhận được giải thưởng cao và tặng thưởng của Hội Nhà văn, hoặc của các Nhà xuất bản như: *Bầu trời ngoài cửa sổ*, *Rừng đêm*, *Con báo vàng*, *Người đi săn và con sói lửa*, *Chuyện làng tôi*, *Hồ Ngàn*, *Kỷ niệm khó quên*, *Nàng tiên ngọc trai*...

Ông qua đời, để lại một khoảng trống trong văn học viết cho thiếu nhi của chúng ta.■

NGHỆ THUẬT

ĐỂ ĐỜI SỐNG ÂM NHẠC ĐƯƠNG ĐẠI PHÁT TRIỂN LÀNH MẠNH

NGUYỄN THỊ NAM

THỜI gian qua, dư luận đã xôn xao về những nhận xét thẳng thắn và rất có nghề của nhạc sĩ Nguyễn Ánh 9, về một số ca sĩ thời thượng đang tung hoành trên sân khấu ca nhạc Việt Nam. Đã có người trong số được nhận xét ấy phản ứng. Thực ra, khi đã trở thành "người của công chúng" (?), thì việc các ca sĩ phải nghe mọi lời khen hay chê của bất cứ ai về cả nhân mình, cũng là một việc bình thường. Nhiều người cả trong và ngoài giới làm âm nhạc cũng nghĩ như nhạc sĩ Nguyễn Ánh 9, chỉ có điều họ không có điều kiện để phát biểu trên các phương tiện truyền thông mà thôi...

Tuy nhiên, tại sao có ca sĩ phản ứng mạnh như thế, mặc dù sau đó có "hạ giọng". Bản thân họ, liệu có biết mình như thế nào và đang đứng ở đâu trong các thang bậc của âm nhạc hiện nay không? Có thể có người biết, có thể nhiều người không biết, hoặc không muốn biết, bởi vì mỗi cá nhân họ đều có riêng một khu vực công chúng tung hô. Họ được nuông chiều. Họ nhận tiền cát sê cao phần lớn là do những công chúng này sẵn sàng bỏ tiền mua vé với giá cao ngất ngưỡng (nhất là nếu so với giá vé của các dân nhạc giao hưởng trong nước). Đã có bài viết cho rằng, những người gọi là ca sĩ đó lên sân khấu để hét chứ không phải là hát. Bấy giờ số khán giả ruột của họ chấp nhận mọi thứ dễ dàng. Giọng khê, giọng rè, hát tròn, hát bẹt, hát sai, hát đúng thế nào cũng được hoan nghênh, bởi thực chất không phải là để khán giả thưởng thức giọng hát, khi họ dùng các phụ gia như mốt trang phục, đầu tóc lập dị, trang sức lòe loẹt... và nhảy nhót không ngừng. Khán giả của họ thích nhìn hơn là nghe, dù là ở chương trình ca nhạc, còn nghe thì chủ yếu là tiếng động, là nhịp điệu của bộ gõ, kèn... và những giọng gào thét - hình như khán giả cũng thích gào thét? Nhưng nếu có muốn nghe giai điệu của những ca khúc mà các ca sĩ thời thượng phục vụ cho giới trẻ thì cũng thất vọng thôi, vì hiếm có giai điệu hay, hiếm ca sĩ có thể khoe giọng của mình với cái gọi là "nhạc trẻ" này, vì phần lớn các bài hát chỉ viết trong vòng một octave (quãng 8), chỉ như nói (vì tiếng Việt có sáu thanh và hai bản thanh, với độ cao khác nhau). Lời lẽ thì nhạt nhẽo, sáo rỗng. Họ phục vụ một công chúng có yêu cầu về âm nhạc đơn giản và dễ dãi. Sáng tác, biểu diễn và thưởng thức âm nhạc thế này là điều khiến cho những người yêu nhạc, tôn trọng âm nhạc thực sự phải nghĩ ngợi, nếu không nói là buồn lòng... Bởi nếu không thích ăn một món gì đó, thì ta có thể tự quyết định không ăn, nhưng thứ "nhạc trẻ" này vang lên, vang lên khắp nơi khắp chốn, không muốn nghe cũng bị nó lọt vào tai. Hàng hóa không đạt chất lượng thì không được bán ra thị trường, nhưng âm nhạc chất lượng kém vẫn hoành hành, chỉ cần lời lẽ của nó không phạm vào một số điều cấm kỵ, vì tiếp tay

cho sự hoành hành của dòng âm nhạc chất lượng tồi tệ, cho các ca sĩ "hét" trên sân khấu, là một số người viết thiếu trách nhiệm trên các phương tiện truyền thông, mạng internet, cũng như thiếu những biện pháp đồng bộ, mạnh mẽ, quyết tâm của ngay cả một số cơ quan chức năng Nhà nước. Có thể dẫn chứng một sự việc gần đây, là một vài ca sĩ hạng trung sang Mỹ biểu diễn, nay trở về nước, cũng là để kiểm tiến bình thường thôi, thế mà có hàng chục bài báo viết đi viết lại về anh ta, cả chuyện bố mẹ, vợ con ra sao, đánh bóng tên của anh ta cứ như một người hùng. Truyền hình cũng dành riêng cho anh ta một, hai chương trình gì đó... Trong khi cũng ngay đấy thôi là sự ra đi của nhạc sĩ Hoàng Hiệp, người có nhiều đóng góp cho nền âm nhạc cách mạng Việt Nam với nhiều tác phẩm nổi tiếng suốt trên nửa thế kỷ qua, lại không có nhiều bài viết về ông, rậm rạn và kỹ lưỡng như vài ca sĩ nọ. Công chúng chờ đợi một buổi biểu diễn hoành tráng vĩnh biệt Hoàng Hiệp, ở đó sẽ vang lên những khúc ca đã sống với thời gian như *Câu hò bên bến Hiền Lương*, *Ngọn đèn đóm gác, Trường Sơn đông, Trường Sơn tây, Lá đỏ, Nhớ về Hà Nội, Trở về dòng sông tuổi thơ*... mà không có. Các lái buôn âm nhạc có lẽ không thấy món lãi lớn, còn những người đánh giá đúng cống hiến về âm nhạc của ông thì không có kinh phí để tổ chức? Ở đây, cũng nên nói thêm về trách nhiệm của một số "cây bút" trong giới truyền thông. Cách họ viết bài, khai thác về âm nhạc sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc nắn dòng thị hiếu của công

chúng, thế mà cứ đi nắn nót tô vẽ cho những giá trị ảo. Dù vô ý, hay cố ý viết những điều không đúng sự thật, thì mỗi chúng ta cũng phải chịu trách nhiệm về ngòi bút của mình. Trong khi nhiều bài hát ngô nghê, nhạt nhẽo chế ngự sân khấu và các chương trình âm nhạc trên một số phương tiện truyền thông, thì trong kho tàng âm nhạc Việt Nam, vẫn còn nhiều bài hát hay, ngay cả những bài mới sáng tác gần đây, cũng không được nhìn đến. Có những ca khúc sôi nổi về tuổi trẻ vẫn chưa được các đoàn thể thanh niên khai thác. Có nhiều bản hợp xướng đặc sắc, đồ sộ không được dàn dựng, mà hợp xướng là một phần quan trọng của ca khúc. Có những tác giả trẻ tuổi tự đẩy mình ra xa cái mà họ gọi là "nhạc đỏ" (âm nhạc của cuộc đấu tranh giải phóng, bảo vệ và xây dựng đất nước, trong đó có nhiều bài trữ tình quý giá). Nhưng chính "nhạc đỏ" và cả "nhạc vàng" nữa (có lẽ nên gọi là nhạc lãng mạn), là cốt lõi tạo nên gương mặt của ca khúc hiện đại Việt Nam, chứ không phải mấy bài "nhạc trẻ" sáng tác dễ dãi, chất lượng kém cỏi, biểu diễn rẻ tiền kia...

Đến đây, chúng ta có thể nói đôi lời về việc biểu diễn ca nhạc. Nhiều chương trình thi hát hoặc là sân chơi âm nhạc của trẻ em, được dàn dựng một cách méo mó theo kiểu người lớn về vũ đạo, về hình thể, về phong cách biểu diễn và nhất là chọn bài hát. Ngoài những ca khúc của nước ngoài, còn là những bản tình ca cho đôi lứa, như một cậu bé trên dưới mười tuổi đã hát "anh yêu em". Xin hãy trả tuổi thơ trở về với bản chất hồn

nhân của trẻ thơ, đừng biến các em thành những chàng trai, cô gái "tuổi tin" bắt đầu đi, sai lệch về tâm sinh lý, rất phản cảm và có tác hại lâu dài cho cả hệ thống giáo dục nghệ thuật nước nhà. Hiện nay, VTV1 của Đài Truyền hình Việt Nam mỗi tuần có một chương trình âm nhạc cổ điển thính phòng phát vào lúc nửa đêm, được những người làm âm nhạc và công chúng, cả khán giả trẻ hết sức ưa thích. Nhưng Cuộc thi Piano quốc tế Hà Nội thu hút các tài năng trẻ của Việt Nam và các nước, thì chỉ được đưa tin, không có chương trình truyền hình hoặc phát thanh trực tiếp, không có buổi tường thuật kỹ... nên rất tiếc là không đến được với công chúng cả nước. Những tác phẩm âm nhạc được Giải thưởng hàng năm của Hội Nhạc sĩ Việt Nam, cũng không có kinh phí để phổ cập đến đồng đảo công chúng (ngoại trừ một vài tác phẩm mới được giới thiệu trên truyền hình). Trong khi "Điều còn mãi" - năm thứ năm của VietnamNet - là chương trình nhạc thuần Việt, từ tác phẩm đến những người thể hiện đều chuẩn mực, được nhiều người hoan nghênh; thì chương trình "Ngày Âm nhạc Việt Nam" lần thứ IV của Hội Nhạc sĩ Việt Nam tại Nhà hát Lớn Hà Nội cũng có đổi mới về việc chọn lọc các bản nhạc thuần Việt. Không có tác phẩm nước ngoài như lần thứ III, không đưa nhạc trẻ vào theo kiểu "mặt trận" như lần thứ Nhất. Và đây cũng là lần đầu tiên, đã có một chương trình đồ sộ về các bản hợp xướng rất hay của Việt Nam (tám bài trong tổng số 10 tiết mục và hai tác phẩm khí nhạc) - khi bản *Tiến quân ca* của Văn Cao vang lên trên sân khấu - nhiều khán giả rung rung xúc động, mặc dù hàng ngày vẫn thường được nghe Quốc ca. Chính sự tác động trực tiếp của âm nhạc trên sân khấu, đã mang lại những hiệu quả nghệ thuật hết sức to lớn!

Hiện nay, trong dòng chảy đa dạng, phong phú và cũng không ít bất cập của đời sống âm nhạc (nhất là dòng âm nhạc nhẹ đang thịnh hành, mà chúng ta vẫn quen gọi là "nhạc trẻ"), thì những chương trình nghệ thuật chính thống trên các kênh phát thanh, truyền hình vinh danh nền âm nhạc đích thực của Việt Nam, là một món ăn tinh thần hết sức quan trọng được công chúng cả nước đón nhận. Nhưng như thế vẫn chưa thật sự tương xứng với vị trí của nền âm nhạc hiện đại Việt Nam, nền âm nhạc cách mạng đã đi qua suốt hai cuộc kháng chiến trường kỳ, anh dũng để dựng nên Tổ quốc Việt Nam hôm nay. Đã đến lúc, các cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa, nghệ thuật cần phải tài trợ cho các hoạt động biểu diễn âm nhạc (đồng thời kêu gọi sự tài trợ mang tính xã hội hóa thật sự rộng rãi và hiệu quả); cần phải có một tổ chức thật sự chuyên nghiệp có trách nhiệm quan tâm, theo dõi, săn sóc đến đời sống âm nhạc đương đại, để nó phát triển lành mạnh, góp phần xây dựng một thị hiếu có văn hóa và có thẩm mỹ âm nhạc cho đồng đảo công chúng. ■



Nhạc sĩ Nguyễn Ánh 9, người từng có những nhận xét thẳng thắn và rất có nghề về một số ca sĩ thời thượng đang tung hoành trên sân khấu ca nhạc Việt Nam khiến dư luận xôn xao trong thời gian vừa qua

THĂNG Ngân Văn Pao có một chiếc vòng tay được làm bằng chất liệu đặc biệt. Nó nói chiếc lắc tay này tự tay nó rèn từ một cục sắt được thả xuống từ trên trời. Gọi là vòng tay nhưng chẳng bao giờ đeo nó ở cổ tay mà đeo tận khúc tay sát nách. Chỉ có thằng bạn thân lắm (là tôi) Pao mới cho xem chiếc vòng tay quý hiếm và nói cho tôi biết vì sao mà Pao có được nó. Dưới hàng ngàn hàng tỷ hạt ánh sáng mặt trời, chiếc vòng phát ra ánh hào quang lấp lánh. Một thứ ánh sáng không óng ánh như vàng nhưng lấp lánh hơn bạc. Nó không đỏ như đồng nhưng lại đỏ hồng hơn cả đồng. Nó là hợp chất gì thì ngay cả ông Kiều Kim Trọng, tổng giám đốc Công ty vàng bạc đá quý Kim Tinh, cũng không biết được. Bỏ chiếc vòng vào lửa nung ba ngày không tan chảy, để dưới trời mưa cả tháng trời không có dấu hiệu rỉ sét, cho vào a xít vẫn một màu lấp lánh. Đem vào ngăn đá tủ lạnh vòng vẫn phát ra ánh sáng, nhiệt độ không thay đổi luôn giữ ở mức 25°C. Nhiều người nói đó là đồ vật của người ngoài hành tinh. Một chiếc vòng như vậy chỉ có ở những bộ phim giả tưởng trên truyền đời.

Thấy tôi có vẻ không tin, Pao mặc kệ, nó nói cái vòng của nó đang sở hữu kia của người ngoài hành tinh cũng được, của trời cũng được, miễn là khi đeo nó vào sẽ không phải lo sợ hiểm nguy đến với mình. "Đeo thứ này vào đâu có nhảy vào trong lửa cũng không sợ bị cháy. Đi xuống nước không lo bị chết chìm. Đeo chiếc vòng trong người thì ngay cả viên đạn, mũi tên cũng tự tìm đường tránh. Vàng bạc, kim cương quý thật đấy nhưng liệu có tránh được đạn, ngân không cho lửa cháy vào thân không?" Rồi Pao nói giả dụ có người nào đó đem cả gánh kim cương, rương vàng, hòm bạc đến đổi lấy chiếc vòng tay Pao cũng không chịu đổi. Tôi không biết những lời nói của Pao có thật không. Tôi không biết mình có nên tin những lời Pao nói? Tôi là một cựu chiến binh, một tên thương binh hạng một trên bốn. Trong người tôi còn hàng chục mảnh đạn găm đầy trong lồng ngực, bắp tay, xương chân, hộp sọ. Mỗi khi trái tim toàn thân tôi như có hàng chục cái móng tay cào cào, lời kéo đau nhức không tài nào chịu được. Tôi đã chết đi sống lại vì khói lửa chiến tranh, những trận đánh giằng co ở thành cổ Quảng Trị. Tôi là người may mắn sống sót trong vô vàn đồng đội đã ngã xuống vì chính nghĩa dưới lớp cỏ xanh và màu đất nhuộm đỏ máu người.

Nhưng Pao thì sao? Pao cũng đã trải qua hàng chục trận đánh lớn, cả đại đội Pao lúc giải phóng chỉ còn lại đúng năm người. Bốn người còn lại đều là thương binh nặng, đều là những người đã mất đi trên tám mươi một phần trăm sức khỏe. Chỉ có Pao là người lành lặn. Ngay cả một viên đạn sượt qua da cũng không có. Pao không phải là người "ăn cỏ đi trước, lội nước đi sau", trong trận chiến đấu nào nó cũng là người đứng hàng tiền phong, sẵn sàng xông lên phía trước để nhận lấy thuận lợi (là Pao nghĩ như thế) về phía mình. Nòng của khẩu súng Pao cầm nóng lên vì đạn, phía đối diện đã có hàng chục hàng trăm người ngã xuống vì trúng đạn của khẩu súng trường mà nó coi là vật bất ly thân thứ hai. Pao hùng hồn nói với những người trong cùng tiểu đội: "súng còn người còn, người mất nhưng súng vẫn còn". Có người hỏi: Người mất rồi sao súng lại còn? Pao lý giải: Người đi trước ngã xuống người đi sau lại cầm súng lên chiến đấu với quân thù như thế súng làm sao mất được, như thế mới giành được thắng lợi chứ. Có phải Pao là thánh thần mà đạn cứ luôn tìm cách lảng tránh? Giả như Pao không phải là thánh thần thì ít ra cũng có thánh thần luôn đồng hành cùng nó mỗi bước đi khi gặp hiểm nguy đều có thể biến nguy thành an. Khi không có thứ máy móc nào có thể phân tích lý giải, một người trần như tôi chỉ có thể giải thích như vậy.

Sau này có dịp ngồi ôn chuyện cũ, tôi hỏi Pao khi đó đang nằm trong tay chiếc vòng kỳ lạ kia nên không sợ hiểm nguy cứ thế xông vào nơi ác liệt mà không lo bị chết? Nhưng Pao trả lời: Chiến tranh là con người giết chết con người, loài người tàn sát loài người, dân tộc này giết hại dân tộc kia, chủng tộc này tiêu diệt chủng tộc kia. Dù có khác nhau về màu da, mái tóc, ngôn ngữ, tín ngưỡng, tôn giáo nhưng đều chung dòng máu đỏ. Là người ai cũng có cha có mẹ. Minh giết họ thì người làm cha làm mẹ đang ở điểm nào đó trên địa cầu sẽ vĩnh viễn mất đi người con mà họ mang nặng đẻ đau nuôi lớn khôn. Nhưng nếu mình không giết họ thì mình cũng bị chết. Mà trong khói lửa đâu cho phép con người ta suy nghĩ nhiều. Biết đâu họ có mặt trên đất nước này cầm súng hướng vào đồng loại là một việc bất đắc dĩ, bản thân họ không thể quyết định được việc làm của họ cũng nên. Nếu có nhiều thời gian để suy nghĩ, tính toán thì chiến tranh phi nghĩa và chính nghĩa cũng khó phân biệt được ranh giới chính xác. Nhưng đối diện với cái chết có thể sẽ đến trong giây lát, Pao không được phép phân tán tư tưởng. Mắt không được nhắm, tai không được nghe ngãng. Giả mù giả điếc là cầm ngay cái chết rồi. Vì vậy thấy địch là Pao nhắm đạn. Phía đối diện có người gục trên bãi cỏ xanh hồi mùi máu trộn cùng thuốc súng. Và họ chết. Lại chết. Pao chẳng biết những việc mình làm là nhân đạo có nên làm hay không. Người xưa nói bàn tay đã nhuộm máu thì không thể nào có thể rửa sạch được.

Cho đến khi nhận danh hiệu anh hùng Pao không vui không buồn. Để có được danh hiệu này Pao đã giết chết rất nhiều người. Đêm không nổi nữa. Nếu đem máu của

CHIẾC VÒNG TAY KỲ LẠ

Truyện ngắn của NÔNG QUỐC LẬP



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

những người dính phải đạn của Pao về tẩm, có lẽ cả năm Pao cũng không tắm hết được. Nếu đổi vị trí mẹ Pao cho mẹ của những người bị Pao giết chết kia không biết tâm trạng mẹ sẽ thế nào. Pao chẳng dám nghĩ nữa. Trong chiến trường lơ đãng dù chỉ một giây thôi, một viên đạn sẽ lấy đi tính mạng của con người. Còn có ít khẩu súng, còn có ít những viên đạn hướng về phía Pao nữa sao. Nhưng những viên đạn dường như có mắt để tránh Pao để mà đi. Những khẩu súng khi lấy Pao làm mục tiêu bóp đều bị hóc đạn. Có lần có một cái bom tấn được thả xuống giữa lúc Pao và đồng đội đang hành quân. Pao là người gần quả bom nhất. Mọi người đồng loạt nằm xuống, nắm chắc cái chết sẽ đến ngay trong chớp lát. Nhưng thật kỳ lạ quả bom đã không nổ. Cả bọn ôm nhau cười phở lớ vì mới thoát chết trong gang tấc. Họ cảm thấy kỳ lạ, nhưng không ai có thể giải thích nổi tại sao họ lại gặp những quả bom bị tịt trên đường hành quân và trong một số trận đánh ác liệt...

Trong làng Cánh Phượng ba mẹ con bà góa Hồng bị người làng khinh ra mặt. Mà ở cái làng này cũng đến lạ, cứ mẹ con góa bụa là bị người làng coi thường. Bà góa không được nhờ người đàn ông đến giúp sửa mái ngói, chặt cây về làm kèo làm dui lợp nhà vì sợ người đời nói "góa chống thêm mùi đàn ông", tìm đủ mọi cách quẩn rữ chống của người khác. Bà góa cũng không đi lên rừng, lên nương cùng với những bà có chồng còn đang sống. Tự nhiên vậy. Chỉ có những chuyện phải đi làm cùng mới đành chịu. Bởi vậy từ chuyện chặt cây đốn củi, lợp mái nhà một mình mẹ tự làm. Mẹ không dám nhờ cậy ai, con đang còn nhỏ. Mọi việc nặng nề đều một mình mẹ đảm nhận. Có lẽ mọi sức nặng dồn trên vai thân xác mẹ gầy như con da dưới nước hồ thu. Da mẹ đen sạm vì ánh nắng, vì lo toan đủ bề. Da mặt của mẹ không còn căng như mùa đông năm trước. Nhưng mẹ không kêu ca một lời. Mẹ làm lầm lũi như con trâu nái kéo cày. Trâu nái kéo cày khi mệt còn ngược mắt nhìn chủ, muốn nói cày mệt rồi nghỉ thôi. Còn mẹ mệt mẹ chỉ nghỉ tay và nhìn hai người con triu mến. Mẹ bảo mẹ nhìn hai đứa con hồn nhiên lớn lên từng ngày là mẹ khỏe lại liền. Nhà rách hai bên, mặt trước mặt sau nhưng mái không bị dột. Thấy mẹ không cam chịu trước việc lớn nào, một số người trong làng tỏ ra hằn học khó chịu. Họ thần nhiên để trâu bò dẫm nát đậu đỗ, phá hoại ngô, lúa nhà Pao. Nhìn đám ngô bị trâu bò phá hoại mẹ Pao vẫn không lớn tiếng chửi đồng như các bà bán tôm bán cá ở phố chợ Ngọc Xuân. Mẹ nói với Pao: "Những người ăn ở không có nhân cốt đức rở sẽ bị phạt hằn bản rầu. Sự trừng phạt của ông trời không giống như người ta ném tén gạch củi xuống mặt đất đâu. Đời này không thấy, đời con đời cháu phải gánh chịu con ạ".

Nhưng mẹ con Pao càng nín nhịn thì người làng lại càng được nước làm tới. Họ xem mẹ con Pao như cây cỏ mọc như lớp đất dưới chân muốn dẫm, xéo nát thế nào cũng được. Pao có đám ruộng cạnh nương nước dẫn về cuối cánh đồng. Tháng chín cánh đồng lúa ngả vàng chín rộ. Mọi năm vào mùa thu không còn những cơn mưa to ngập trắng cánh đồng. Nước mủ, nước suối cũng dần cạn, những vũng nước còn sót lại là nơi trú ngụ của loài cá trê, cá chuối, con nào con nấy thịt béo tròn dửng mỡ. Những tưởng trời bắt đầu hanh khô để bà con nông dân yên tâm gặt hái mùa vàng, thu rơm về làm thức ăn dự trữ cho trâu bò mùa đông mưa phùn bão tuyết. Một cơn mưa to chưa từng thấy ở làng vào tháng chín âm lịch. Nước dâng, đối lở, đá lăn, đường sụt lún, những cái cây bật gốc bị gió băng đi xa hàng trăm mét. Lối đi tràn ngập cành cây, đầu đầu cũng một màu rác rưởi nào là cây, túi ni lông và hàng trăm hàng ngàn thứ bà lằng nhằng khác. Ba tháng trước bà con làng trên xóm dưới mong một cơn mưa to như trẻ thơ đói sữa mẹ mà trời không chút động lòng thương. Nếu có những trận mưa rào như thế người dân Cốc Rầy, Nậm Dọi đâu đến nỗi bỏ ruộng để loài cỏ hoang mọc um tùm chẳng khác nào như ruộng vô chủ.

Chỉ có làng Cánh Phượng đầu nguồn nước là làm được gần hết, chỉ có mấy đám ruộng quá xa nguồn nước là bị bỏ hoang. Để có nước làm ruộng người ta thì nhau dựng lán ở cạnh nương thay nhau túc trực cả ngày lẫn đêm. Người ta thì nhau dựng lán cạnh nước chẳng khác gì canh gác già đến làng phá hoại bắt bớ khi xưa. Nước dâng lên được góc nào người ta đem trâu ra bữa góc ấy. Nhiều người ngao ngán thốt lên rằng "làm ruộng năm nay chẳng khác nào như nghiền mực để viết chữ vậy". Mỗi năm làm một vụ, bà con mong manh canh nước nhà trời, ngày nổi ngày trời qua, khi có nước thì cấy lúa cũng đã muộn, trồng ngô cũng không kịp thời vụ. Giờ nhìn nước ngập lênh láng khắp nơi, bà con nông dân tiếc lắm. Giá như có cái gì đó có thể đựng nước được nhất định sẽ đựng để mùa sau làm ruộng cho sớm. Những người không cấy được lúa tiếc những giọt nước được ông trời ném xuống nhân gian. Những người có ruộng lúa chín lại không mong trời mưa thổi trời bại đất vào lúc vàng rơi xuống cánh đồng.

Mẹ con Pao chỉ mong trời nắng để gặt hái được thuận lợi, rơm không bị ướt. Hai phiên chợ trước mẹ Pao đã làm nương cho nước rút hết. Trên mặt ruộng đã xuất hiện những vết nứt chỉ chờ. "Thế này thì không phải gặt lúa trong nước rồi". Mẹ Pao trầm nghĩ. Vậy mà lại có trận mưa to chưa từng thấy này. Mẹ đang ngăn không cho nước vào ruộng. Nhưng kẻ tâm địa đen tối nào đã dùng xẻng mở một

ĐỨC SƠN

Bão

Bão ập, ngặm làng dứt từng mảng
 Ấm ào cột sóng
 Những đứa con nít, ông bà lão rời làng
 Những con thuyền trương mắt lưới
 Nằm lợt bến trú
 Biển cuồng phong!

Mây xám kéo đen
 Quảng quật làng
 Trắng biển, trắng đầm phá
 Doi cát như sợi thừng niu doi cát khác
 Cây nhờ vào đầu
 Kê chắn sóng tan như cát
 Trông vào đầu, rừng phi lao ngã gục
 Nhỏ nhoi ngôi làng, mưa gào khản tiếng
 Mất làng
 Nhìn con mắt thuyền
 Đầm phá sẽ giành lại cơn áo,
 nhà cửa, nô sào
 Những vật dụng người già,
 người trẻ mang theo
 Cặp sách, cái cuốc, heo, gà,
 xoong nồi mang theo
 Tượng Phật, di ảnh ông bà ...
 Mang theo, mang theo
 Chạy bão, trú bão

Người làng đánh dấu cột nhà
 Bao năm bão to
 Sóng đập gió dồn
 Đê lên bàn thờ, vườn tược
 Thương lắm ngôi làng chịu bão.

NGUYỄN VĂN THANH

Tổ chim sẻ trong mũ cối xanh

(Viết về xã Cát Khánh anh hùng – quê mẹ)

Thuở ấy
 Chiến tranh
 Dừa bị trảm ngang thân
 Trái non chưa kịp ngọt nước
 Cau mất đầu, trầu đứt ngọn
 Mẹ chưa kịp hái nhai cho át tiếng bom
 Cây chuối bị chém mất đầu này lại mọc
 ra đầu khác đến hàng chục lần
 Cho đến khi bị đào bật gốc
 Mới chịu chết!

Mẹ nên khóc
 Chạy ra thâm đồng
 Đê điều bị vỡ
 Lũ xoáy
 Mưa đau!

Cánh đồng thành thảo nguyên
 Vắng bóng trâu bò gặm cỏ
 Sức trẻ hy sinh ngoài trận mạc
 Mực chưa và nổi vết thương lòng
 Làm sao gánh nổi việc nhà nông?

Chim sẻ chui vào mái nhà tranh
 Lên làm tổ trong những mũ cối xanh
 Treo trên bàn thờ liệt sĩ
 Mẹ không nỡ đuổi chúng đi

Không hiểu mẹ nghĩ gì?
 Lẳng lặng xuống bếp
 Vết nắm gạo còn sót đáy lu
 Nhẹ nhàng đặt trên bàn liệt sĩ.

NGUYỄN VĂN HUY

Thu đợi

Thu cô còn vương đợi
 Vắng trăng rơi hổ đầy
 Bên nhau thuở tóc liễu
 Ngày buồn xao xác bay.

Dâu còn xanh bãi xa?

Tờn gian trời sắc là
 Dịu dàng mùa phượng hoa
 Thu hồn nhiên bước tới
 Dâu còn xanh bãi xa...?

Gửi bạn

Mưa nắng đầu đời, bạn gần ta
 Bao năm đèn sách dưới trăng tà
 Tuổi thơ ngày ấy sao mà đẹp
 Nay bạn sang giàu, xa lại xa.



CAO NGỌC THẮNG

Ngơ ngác

Ngơ ngác cánh đồng
 đằm cỏ gà huyền thoại
 Mơ màng cuộc chơi
 nằng chỏi chàng
 Cửa hang
 để chờ xông trận
 Bấy rồi
 cua chẳng chịu bò ngang

Ngơ ngác dòng sông
 đầu về dịu dàng
 Nổi cục những doi, những đụn
 Cát phơi vàng
 đề nát cỏ may
 Thuyền câu ghéch mũi về xa lắc
 Ngơ ngác đêm
 trăng thoi vàng vặc
 Giòng tre chẳng nâng nổi cánh diều
 Lá đa bật lờ xào xạc
 Giếng làng vội hẳn lời yêu

Ngơ ngác hương hoa ngâu
 Buồng cau chớm nụ
 Bông nhài lẳng lặng góc vườn
 Hoa gạo đỏ không đủ nhen ngọn lửa

Ngơ ngác đời
 những mùa vùn vụt
 Những thoáng qua
 mất hút cõi người.

lối to, toàn bộ nước cô trong mương theo lối mở toang hoạc
 đổ dồn vào ruộng. Dưới sức ép của nước những cây lúa
 đang ngả màu vàng đồng loạt đổ rạp. Sáng hôm sau khi
 ông trời ngừng mưa mẹ Pao ra thăm đầm ruộng. Trước mắt
 mẹ, những cây lúa chín vàng hôm qua hãy còn đứng thẳng
 nay đã nằm trên mặt đất, chỉ còn vài cây phất phơ chơi với
 như thể đang cầu cứu. Ở chính giữa ruộng nước lớn, những
 cây lúa đang chờ trên mình bông lúa thơm triu hạt bị rác
 rưới vùi lấp một cách thảm thương.

Ồi đầm ruộng của tôi. Mẹ Pao gào lên trong tuyệt vọng.
 Thế thì người ta đã giết ba mẹ con bà không dùng dao rồi.
 Cả gia đình bà chỉ trông vào đầm ruộng này thôi. Nhờ lại
 khi làm đất đầm ruộng này, bà đã phải nhường nhịn hết
 lượt, dù là ruộng đầu nguồn, cạnh mương mà không làm
 sớm hơn người ta. Dụng cụ canh nước đó, nhưng chỉ vắng
 mặt bà một lát là người làng bịt kín nước không cho vào
 ruộng khiến những chỗ nước ngập trước lại khô khát. Nước
 rút rồi lại lên ngập lối cây, cái điệp khúc đó lặp đi lặp lại ba
 bốn lần bà mới bửa cây được đầm ruộng mười tám gảnh
 thóc này. Khi hạn chẳng ai mở lối nước cho vào ruộng, khi
 nước đầy người người thì nhau mở nước vào ruộng bà.
 Người ta coi đầm ruộng của mẹ con Pao là cái túi đựng
 nước lũ không bằng. Bờ ruộng cũng đã nhiều lần bị đổ
 xuống đầm ruộng người hàng xóm bên dưới. Người có đầm
 ruộng ở dưới được lấn thêm tí đất không cảm ơn mà còn
 quay sang chửi gia đình Pao làm đất lấp đi những cây lúa
 của họ. Mẹ Pao không còn nhớ đầm ruộng này đã phải
 chịu bao nhiêu trận lũ nữa. Chỉ biết rằng mấy năm sau khi
 bố thằng Pao chết đầm ruộng này đã dày lên hai gang tay
 rồi. Cứ đà này chỉ trong mấy năm nữa thôi đầm ruộng của
 bà sẽ cao hơn mương, không dẫn nước vào được nữa. Một
 đầm ruộng tốt sẽ biến thành nương không còn khả năng
 cấy lúa. Ba mẹ con sẽ đói. Mẹ Pao lo lắng thật sự. Mẹ chỉ
 mong Pao lớn nhanh, nhà có người con trai sẽ không còn
 ai dám khinh thường ra mặt. Đây là những năm sau này.
 Nhưng bây giờ, năm nay bà và hai con có nguy cơ bị đói
 khát hành hạ. Bà ăn ở ác với ai đâu, bà đã lớn tiếng chửi ai
 bao giờ đâu? Bà đã nhường nhịn còn ít lắm sao? Việc
 nhường nhịn của bà chưa đủ lòng thành để người làng
 thương xót? Nhưng rồi sau này mẹ Pao cay đắng nhận ra
 rằng, ở làng Cảnh Phước này những hộ dân liên kết với
 nhau như phân của loài dê, người ăn nên làm ra bị người
 khác đố kỵ, người làm không đủ ăn thì bị coi khinh. Càng
 nhường nhịn càng bị người ta ép tới đường cùng. Và lúc này
 đây gia đình Pao đang bị chính những người được gọi là
 hàng xóm đang triệt đi đường sống. Mẹ Pao không còn
 nhìn nhục được nữa. Mẹ Pao đã nhìn quá đủ rồi. Mẹ đem

theo cái bọc của người bất lực về nhà. Mẹ lục trong tủ bàn
 lấy giấy bản ra cắt một mớ tiền giấy, sau đó mẹ đi xuống
 bếp lấy bó hương từ trên gác bếp xuống châm lửa. Rồi mẹ
 ra sân trước cửa nhà chia bó hương đang rực cháy thấp
 đều bốn hướng. Mẹ đứng vào giữa, hai chân quỳ xuống cúi
 đầu vái bốn phương mỗi phương ba lạy, sau đó mẹ mặt
 ngẩng lên trời khấn.

"Con xin cúi lạy trời cao, con xin cúi lạy các vị thần linh
 trên trời. Xin trời cao cho con hỏi trời cao có mắt hay
 không? Con không hại người bao giờ. Tại sao người ta lại
 luôn hãm hại mẹ góa con côi thế này? Nhìn đầm ruộng của
 con bị người ác nào đổ xô bờ mương cho no nước lòng con
 rồi bờ đau điếng. Con một đời kham khổ làm lữ không sợ
 đói rét, nhưng các con của con chúng nó còn nhỏ không
 thể đòi khát mà ảnh hưởng đến học tập. Nếu như trời cao
 có mắt xin hãy nhìn thấu hoàn cảnh của ba mẹ con con mà
 ra tay trừng phạt kẻ tâm địa đen tối nào đó. Con xin cúi lạy
 trời cao".

Nói xong mẹ Pao cúi lạy hướng đông ba lạy rồi đốt mớ
 tiền giấy. Ngọn lửa sáng bùng lên. Tiền vừa cháy xong thì
 bất chợt một cơn gió ập đến cuốn đi tàn tro bay lên không
 trung. Bầu trời đang quang mây bỗng từ bốn phía mây đen
 vần vũ, mặt đất như tối sầm lại. Sấm chớp đùng đùng xé
 toang bầu yên tĩnh. Những tia chớp hình lưỡi liềm quăng
 xuống vu vơ trên đỉnh núi cao, kèm theo đó là tiếng nổ làm
 nhiều người thất tim. Rồi một luồng sáng chớp nhoáng
 xuống bụi mai gần đường cùng tiếng nổ nhúc nhích của những
 người hàng xóm. "Thằng Khui bị sét đánh chết rồi". Có ai
 đó nói vậy. Chuyện thằng Khui bị sét đánh chết chẳng
 mấy chốc người làng đều biết cả. Ở cái làng này từ xa xưa
 đã có lệ, người bị sét đánh chết không được làm ma chay,
 người nhà cho vào áo quan và chôn ngay trong nhà dưới
 gầm nhà sàn. Người ta nói xương cốt của người bị Thần
 sét đánh chết có tác dụng chữa bách bệnh. Nhất là bệnh
 kiết lỵ, đi ngoài ra phân đỏ. Chỉ cần đem xương người chết
 vì thần sét sét đem vào lửa nung thành tro đem nghiền
 với nước cho người bệnh uống là đảm bảo khỏi bệnh ngay
 tức thì. Chẳng biết có hiệu quả thật hay không, nhưng
 thiên hạ người ta cứ đồn ầm lên như thế khiến những người
 thân trong vùng có người nhà bị chết không dám đem xác
 người xấu số ra nghĩa địa chôn chung mà phải chôn ngay
 dưới sàn nhà vì sợ người ta đào mồ lấy đi xương cốt làm
 thuốc trị bệnh. Để tránh người trong thiên hạ sân lòng việc
 tìm kiếm xương người bị sét đánh chết, người thân của họ
 còn phải làm những ngôi mộ giả hòng qua mắt những kẻ
 mù quáng.

Người nhà chú Khui luôn canh giữ mộ phần nhưng

không biết bằng cách nào kẻ trộm vẫn đào được mộ chú
 Khui lấy đi toàn bộ xương cốt để điều chế thuốc trị những
 căn bệnh nguy hiểm mà giới y học đang bó tay. Pao không
 quan tâm đến chuyện lấy xương cốt chôn ở đâu, cũng
 chẳng thèm đến chuyện lấy xương cốt của chú ấy về làm
 thuốc dự trữ phòng khi sau này có dịp có thể dùng tới. Pao
 chỉ quan tâm đến chuyện làm thế nào để lấy được cái vòng
 Khoan Phạ mà thôi. Lúc còn sống pa đã dặn Pao cách hay
 để tìm được vòng Khoan Phạ rồi. Pao rất sợ ma. Nhưng lúc
 này Pao gạt đi mọi nỗi sợ kể cận, lấy lòng can đảm để có
 được cái mà pa mong muốn cả đời mà không sao có được.
 Pao đến rìa núi ngắt lấy một lá cây toong phục to như cái
 chóp sà. Nó dò dẫm trong bóng đêm để đi tới chỗ chú Khui
 bị Thần sét đánh chết. Sau khi xem kỹ những dấu tích còn
 lại trên mặt đất, Pao nín thở dùng hai tay úp ngược lá cây
 toong phục xuống. Để tránh lá toong phục bị gió làm bay
 lật lên Pao còn dùng bốn hòn đá đè bốn góc ở bốn hướng.
 Pao cúi lạy ba lạy rồi quay gót về nhà. Lấy Khoan Phạ
 không dễ dàng, biết cách lấy thôi chưa đủ mà phải có
 duyên nữa mới được. Khoan Phạ không dễ lộ diện trên mặt
 đất. Hoặc giả dụ nó có nổi trên mặt đất nhưng người không
 có duyên cũng không nhìn thấy được. Đêm về khuya, từng
 đợt gió thổi vô định. Pao nghe trong làn gió thu có mang
 theo mùi rét mướt. Bước chân ra ngoài sân, bầu trời một
 màu đen sẫm, không một vì sao, không một tiếng chim,
 không một tiếng côn trùng, một đêm tĩnh lặng đến kỳ lạ.
 Sương rơi mỗi lúc một nặng. Đứng mười phút đầu tóc Pao
 đã ướt dính vì những giọt sương mềm mại thanh khiết.
 Trông lòng Pao có cảm giác bồn chồn. Không biết mình có
 phải là người có duyên có được cái vòng Khoan Phạ linh
 thiêng huyền bí như lời pa nói?

Pao bước đi bước lại trên sân nhà, đầu óc không thể tập
 trung suy nghĩ sâu được một vấn đề cụ thể, gai góc nào đó.
 Đi đi lại lại chán rồi Pao mới trở lại giường nằm. Pao cố
 chợp mắt nhưng cơn buồn ngủ giường như còn ở đâu đó rất
 xa. Chẳng mấy chốc tiếng con gà rừng gáy tí te vọng lại xa
 xa. Phải khá lâu sau lũ gà bản mới thì nhau vỗ cánh thì
 nhau gáy gọi bình minh. Hết lật sang trái Pao trở mình trở
 sang phải nhưng vẫn không ngủ được. Đợi thêm một lúc,
 ánh sáng nhờ nhờ đã ghé vào chiếc cửa sổ to bằng cái
 quạt làm từ vỏ măng tre. Thời điểm đến rồi. Pao không còn
 đợi thêm được nữa. Nó lặng lẽ dậy ra khỏi giường, khẽ mở
 cánh cửa ra đi. Một thân hình mảnh khảnh đi thoăn thoắt
 nhập nhòa trong ánh sáng nhờ nhờ trước khi bình minh
 thức giấc. Lát sau Ngân Văn Pao đã đến chỗ úp lá cây

(Xem tiếp trang 23)

ĐOÀN chúng tôi gồm hơn chục người, là những người làm công tác sưu tầm, nghiên cứu văn nghệ dân gian của tỉnh Long An, thực hiện chuyến đi điền dã về tỉnh Bến Tre. Có người nói với tôi, Bến Tre là một tỉnh đầy đặc các địa danh có nguồn gốc từ phương ngữ Nam bộ và thực tế thời mở đất, nghe rất thú vị. Từ mỗi địa danh, lần ngược về quá trình hình thành nó, ta có thể thấy được lịch sử một vùng đất. Trong chuyến đi điền dã về Bến Tre lần này nhiều người trong đoàn có ý định thực hiện khảo sát nguồn gốc một số địa danh của Bến Tre để đối chiếu với các địa danh thuộc địa bàn khác. Trong đoàn, người cao tuổi nhất là anh Sáu Phấn, 75 tuổi, và người nhỏ nhất là cô Tuyền, 27 tuổi, từng là thuyết minh viên của bảo tàng Long An, nay là cán bộ khu

ngoại vi thành phố Hải Phòng. Không còn nhớ chi tiết nội dung bài học ấy, chỉ nhớ buổi học hôm ấy kể về các địa danh Nam bộ, (thời ấy quen gọi là miền - Nam - ruột - thịt) khi nói về cuộc Đồng Khởi Bến Tre, thầy giáo đã gọi tên ba hòn cù lao ấy với một cảm xúc mạnh mẽ, cảm xúc khiến khuôn mặt thầy bừng đỏ hai mắt rơm rớm. Sau này lớn lên, đi bộ đội, bài học hôm ấy đã thành một kỷ niệm không thể nào quên, đã nâng đỡ tôi trong những ngày hành quân gian khổ từ Bắc vô Nam, những tháng ngày gian nan chiến đấu ở đất đồng bằng. Và bất ngờ hôm nay... Thế mới hay những địa danh có sức truyền cảm mãnh liệt và bền bỉ như thế nào.

Xe chúng tôi qua phà Cầu Ván. Chiếc phà nhỏ, đôi ba chiếc xe hơi, còn lại là xe gắn máy và người đi bộ. Nhà thơ Kim Ba,

vợ, liệu cái tên Cầu Ván còn được đặt lại cho cây cầu bê tông này không? Giá mà cái tên Cầu Ván vẫn giữ lại được thì thú vị biết mấy. Lại nhớ về Long An. Một đoạn quốc lộ Một chạy qua Long An cũng gọi tên là Cầu Ván, nhưng giờ chỉ có hai cầu cầu bê tông song song nhau.

Chúng tôi lại lên đường.

Từ rất xa mọi người trong đoàn đã nhận ra Đài kỷ niệm "Bến Tàu Không Số". Một màu đỏ in đậm trên nền trời xanh và cây lá màu xanh. Đó là hình ảnh hai cánh bướm được cách điệu hóa, xây bằng bê tông, sơn màu đỏ, nhìn hao hao như một thanh kiếm dựng ngược. Tượng đài ghi nhớ những chuyến tàu bí mật từ Nam ra Bắc nhận vũ khí của những năm kháng chiến chống Mỹ từ thế kỷ trước. Nhà văn Đình Kính, người có cả một kho tư liệu về những đoàn tàu không số, anh cũng đã

quyên Diệm - Nhu "tín nhiệm" cho làm tỉnh trưởng Bến Tre. Phải chỉ ông còn sống, chắc chắn ta sẽ có nhiều thông tin hơn từ phía đối phương về những đoàn "tàu không số" dũng cảm của ta.

Tại nơi dựng tượng đài, nhìn ra xung quanh là mệnh mông cỏ dại mọc cao qua đầu người. Thưa thốt người ở. Vệt đường mòn mờ nhạt dẫn đến khu tượng đài. Gần đó là biển. Không nhìn thấy biển, chỉ một dải cây lá màu xanh viền thành đường chân trời. Từ đây nghe rõ tiếng máy tàu xích xích, tàu đánh cá ven bờ. Đón biên phòng nép mình trong màu xanh cây lá, tường sơn màu trắng. Bao nhiêu năm trôi, vật đổi sao dời, bãi biển ngày xưa đã thành một vùng dân cư sâu trong đất liền. Thạnh (thị) Phong. Chắc là ngay tại nơi này ngày xưa lộng gió lắm. Nhóm người nào đặt chân đầu tiên lên vùng đất này? Hẳn là gió biển ngày ấy đã tạo cho họ một ấn tượng khó phai mờ nên mới có cái tên Thạnh Phong - Thạnh về gió.

Trên tượng đài ghi rõ "Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, từ bến này, tháng 8-1960, chiếc tàu của tỉnh Bến Tre gồm 8 đồng chí, do đồng chí Lê Công chỉ huy đã ra Bắc có nhiệm vụ mở đường vận chuyển vũ khí từ miền Bắc vào khu Tâm và Bến Tre...". Tôi lặng ngẫm bức tượng đài với hàng chữ trên cao "Di tích đường Hồ Chí Minh trên biển." Hàng phi lao trồng bao quanh cứ vì vút mãi. Lại chợt se lòng khi bước ra ngoài khu tượng đài. Người dân ở đây vẫn còn nghèo quá. Nhà cửa thưa thớt, mái lá đơn sơ. Một đôi chỗ người ta mới đào những cái ao hình vuông, màu đất còn tươi mới. Có lẽ là những ruộng tôm tượng lại. Chưa thấy có quạt nước trên ao. Ở một căn nhà lá nhỏ, bốn năm đứa trẻ xúm quanh ông chủ tịch Hội Liên hiệp VHNT Long An, cũng là nghệ sĩ nhiếp ảnh. Thì ra chúng đang thích thú với chiếc máy điện thoại di động có màn hình cảm biến của ông. Chúng chưa từng biết đến điều "kỳ lạ" này.

Lại nhớ chuyện anh Nguyễn Nhật Nam kể. Cách nay đã lâu, ở đây có một cô giáo trẻ. Ngày ngày cô phải mang theo ba bộ quần áo tới lớp dạy chữ cho các em. Lớp ở trên một hòn cù lao có hơn trăm nóc nhà. Đường tới lớp phải bơi qua ba con rạch sâu. Cô giáo phải chuẩn bị ba bộ quần áo để bơi qua ba con rạch đó. Đến khi tới lớp có quần áo khô. Đến chiều, cô lại sử dụng ba bộ quần áo đã được phơi khô trong lúc dạy học để bơi qua ba con rạch về nhà. Ngày nào cũng như ngày nào, suốt mấy năm ròng. Chuyện ấy anh Nam đã viết thành một bài báo và đã được giải thưởng. Cô giáo trẻ ấy giờ ở đâu? Anh Nam cho biết bây giờ đường tới lớp của cô giáo ngày xưa đã không còn phải bơi nữa, đường tới cái cồn cát ấy đã liền lại.

Tôi đi về phía đám trẻ con đang chơi bên ngoài khu tượng đài dưới ánh nắng chang chang. Chúng chừng 11, 12 tuổi, tóc đứa nào cũng hoe đỏ vì nắng. Cởi trần và đi đất. Cạnh chúng là những chú bò lông vàng ruộm tha thẩn gặm cỏ. Một chú bé nhìn tôi hỏi:

- Chú hai tới thăm "Gò bươm đỏ" à?

Có lẽ tụi nhỏ phát âm chữ *bướm* thấy khó nên gọi là *bờm* cho dễ. Tôi cười.

- Ừ, Gò bươm đỏ. Sao con lại gọi vậy?

Chú nhóc ban nãy trả lời:

- Bị hổi lâu rồi con nghe mấy chú tới thăm chỗ đó ra kêu vậy. Nội con cũng kêu vậy.

- Vậy hả.

Cuộc trò chuyện ngắn ngủi với tụi nhỏ chợt chùng trong tâm trí tôi suốt chặng đường về. Tên khu tượng đài ấy đã được dân gian đặt tên. Một khi đã được dân gian đặt tên, địa chỉ ấy sẽ sống mãi với dân gian, sống mãi với nhân dân. ■

Tháng 10/2013.

TÊN CỦA ĐẤT

Ghi chép của HÀO VŨ

quản lý di tích Long An. Ông Nguyễn Công Toại chỉ hội trưởng Chi hội dân gian tỉnh Long An, trưởng đoàn chuyến đi, thông báo, điểm đến đầu tiên là Xã Thạnh Phong huyện Thạnh Phú, nơi có tượng đài kỷ niệm "Bến tàu không số", một địa danh nằm sát mép biển.

Từ thành phố Bến Tre đến xã Thạnh Phong huyện Thạnh Phú, dài hơn 70 cây số. Xe chúng tôi chạy theo con đường trải nhựa qua những cánh rừng dừa, rừng cây ăn trái. Tôi nhìn ra hai bên đường. Những mái lá nâu sẫm nắng mưa chen lẫn một đôi ba ngôi nhà mới xây. Trên mỗi mái lá đều gắn một ăng ten tròn nhỏ thu tín hiệu truyền hình từ vệ tinh. Những ăng ten tròn ấy trông như những vầng trăng của mỗi nhà. Như vậy là từ trong căn nhà lá ở nơi xa xôi này người ta có thể xem truyền hình trực tiếp một trận đá banh ở nước Anh xa xôi, xem và nghe kể về cách thu hoạch và bán nông sản ở một nước có nền nông nghiệp phát triển nhất thế giới... Cách đây vài năm chuyện ấy nghe như là chuyện của tiểu thuyết viễn tưởng.

Người hướng dẫn đoàn chúng tôi là anh Nguyễn Nhật Nam, cây bút văn xuôi của Văn nghệ Bến Tre. Có cảm giác anh như là một bộ từ điển sống về đất Bến Tre. Hơn 50 tuổi, Nguyễn Nhật Nam có một trí nhớ tuyệt vời, cách kể chuyện hóm hỉnh, anh khiến chúng tôi ngồi yên chăm chú nghe anh kể chuyện gần một tiếng đồng hồ. "Bến Tre của chúng tôi có 14 vị tướng, từ đại tướng đến thiếu tướng, hỏi có tỉnh nào giàu có như Bến Tre chúng tôi không?..." Anh hỏi và nhìn chúng tôi với một vẻ thách thức rất đáng yêu. Cả đoàn im lặng.

Xe chạy qua địa phận huyện Mỏ Cày. Anh Nam cho biết cái tên Mỏ Cày xuất phát từ vùng đất này có hình dáng nhón nhọn như cái mỏ (mũi) cày. Nhưng cũng có giả thuyết thứ hai, anh nói, tiếng Nam bộ phát âm dấu ngã thành dấu hỏi, nên có thể chữ mỏ, thực chất là chữ mỗ, nghĩa là "mỏ cày". Sao lại là Mỏ Cày? Ngày xưa vùng đất này hoang vu, người ta đi cày phải có người gõ mõ đi theo để xua đuổi thú dữ. Tiếng mõ đi cày vang lên suốt bao nhiêu thế hệ người đi khai phá vùng đất hoang vu, đã thành tên gọi cho một vùng đất...

Bến Tre được hình thành từ ba hòn cù lao (đảo nhỏ) trên sông Tiền, là cù lao An Hòa, cù lao Minh, cù lao Bảo. Nghe anh Nam gọi tên ba hòn cù lao ấy tôi bỗng thấy bồi hồi. Tôi nhớ về bài học thuộc lòng những năm cấp một từ một làng nhỏ



Trẻ con ở xã Thạnh Phong (Thạnh Phú - Bến Tre) lạ lẫm và vui thích với chiếc máy điện thoại di động. (Trong ảnh là ông Chủ tịch Hội LHVHNT Long An và nhóm trẻ nhỏ.)



Chụp ảnh kỷ niệm dưới chân tượng đài "Bến tàu không số" xã Thạnh Phong huyện Thạnh Phú Bến Tre.

Chủ tịch Hội Liên hiệp VHNT Bến Tre nói với chúng tôi, cần đi sớm không sẽ bị kẹt phà. Hôm nay là chủ nhật, khách du lịch về Thạnh Phú đông lắm. May chúng tôi không kẹt phà. Phà Cầu Ván, nhưng Cầu Ván đâu? Một người hỏi. Cũng là thói quen nghề nghiệp, muốn tìm hiểu về một địa danh. Anh Nam chỉ cây cầu bê tông bắc qua sông sắp hoàn thành bên cạnh bến phà nói, đó, cầu ván ngày xưa đó, giờ thành Cầu Bê tông rồi. Không còn "cầu ván đóng đinh" nữa, mà là cầu bê tông không cần đóng đinh. Ai đó nói vu

viết nhiều và rất hay về đề tài này, đã kể cho tôi nghe rất chi tiết về tượng đài "Bến tàu không số" ở Bến Tre. Tượng đài xây trên một gò đất cao, lại được tôn cao thêm bởi bệ đỡ xây bằng gạch đá. Hai cánh bướm màu đỏ, hình ảnh của những cánh bướm cực kỳ dũng cảm, băng qua mạng lưới tàu tuần tra của đối phương để ra vùng biển quốc tế, từ đó cập bến tại vùng biển của tỉnh Hà Tĩnh, rồi trở về an toàn. Chợt nhớ về siêu điệp viên, Anh hùng Lực lượng Vũ trang, đại tá Phạm Ngọc Thảo, có thời gian được chính

CHIẾC VÒNG TAY KỶ LẠ

(Tiếp theo trang 21)

toong phục. Nó chấp hai tay trước ngực, cúi rụp mình lạy trời, nhẹ nhàng nhặt bốn hòn đá để ở bốn góc lá. Tay phải nó cầm cuống là nhấc bổng lên. Nó suýt thốt lên nhưng liến kíp ngăn cơn cảm xúc lại. Khi lá toong phục vừa nhấc khỏi mặt đất, nó không tin vào mắt mình. Trước mặt nó là một chiếc vòng tay to như ngón tay út. Chiếc vòng tay đang phát ra một luồng hào quang lung linh huyền ảo. Nó cúi xuống nhặt chiếc vòng tay lên, giờ cánh tay trái ra luồn chiếc vòng vào tận bắp tay kế với nách. Pao vội lòi cánh tay áo xuống tận cổ tay rồi đóng cúc lại. Chiếc vòng ôm vừa vặn bắp tay của nó. Dường như chiếc vòng này được làm ra chỉ dành riêng cho mình Pao. Chiếc vòng ôm vừa vặn, cho lên thêm tý nữa không được, tháo ra cũng không. Đeo được chiếc vòng vào người tự nhiên nó có một cảm giác rất kỳ lạ. Dường như mọi giác quan trong con người nó đều đang cùng lúc trỗi dậy. Nó thật sự không biết phải tả cảm giác của nó vào lúc này. Có được cái vòng Khoan Phạ là chuyện ngoài sức tưởng tượng của nó. "Pa ơi con đã có được cái mà pa mong muốn bấy lâu nay rồi". Nó thăm gọi pa nó đang theo dõi nó từ trên trời cao kia. "Về đi, thứ này không thể để người khác nhìn thấy". Có tiếng ai đó nói với nó. Nó ngoảnh nhìn trước nhìn sau nhưng không thấy một bóng người. Giờ này thì làm gì có người chứ, mọi người đang cơn say trước bình minh. Tiếng của pa hay tiếng lòng của nó từ trong sâu thẳm đang giục nó phải nhanh chóng về nhà? Nó đứng lên, trước khi quay gót nó quay lại nhìn cái chỗ ông Thiên Lôi đã thả vòng Khoan Phạ để trừng phạt một kẻ chuyên làm điều ác. Nó cúi tạ một lần nữa mới đi nhanh về nhà.

- Chiếc vòng kỳ lạ mà ông có được được lấy về như vậy sao? Tôi hỏi Pao.
- Đúng vậy. Chiếc vòng này chứa đựng những xúc cảm của con người mà.
- Sao lại nói như vậy?
- Không đúng à. Nếu mẹ mình không quá uất ức cầu khẩn trời xanh thì làm gì có chuyện sét đánh chết chú Khui. Mà không có chuyện sét đánh chết người thì làm gì có được chiếc vòng này? Chiếc vòng tay này là tổng hợp của cái thiện và cái ác đấy.
- Ông luôn đem theo cái vòng này từ khi có được nó?
- Phải mà.
- Cả lúc trong chiến trường?
- Bởi thế tôi mới tránh được bom đạn chứ. Nếu không có chiếc vòng này thì tôi chắc cũng không thể sống được đến ngày toàn thắng rồi.
- Ông quả là một người có nhiều may mắn. Tôi nói.
- Tôi cũng cho là vậy. Tôi tiếc là không để đem cái niềm may mắn mà tôi có được san sẻ cho những đồng đội của tôi. Chia được may mắn cho nhiều người sẽ không có nhiều người bị vùi xác nơi rừng thiêng núi hiểm.
- Tôi biết. Đó chỉ có thể giải thích là bởi số phận, mà đã là số phận thì làm sao tránh được.
- Nhưng tại sao ông lại đem bí mật chiếc vòng cho tôi biết? Trong khi ngay cả vợ con ông cũng không hề biết có một chiếc vòng kỳ lạ và những may mắn lạ kỳ luôn đến với ông?
- Bởi ông không chỉ là bạn tốt, là ân nhân mà còn là người thân của tôi nữa.
- Thế vợ con ông không phải là những người thân với ông sao?
- Phải, họ là những người thân của tôi. Nhưng ông còn thân hơn. Nói ông không hiểu được đâu.

Tôi là người đã cứu sống Pao. Pao luôn nhớ điều đó. Pao và tôi là đồng đội cùng vai phải lứa không Pao đã nhận tôi làm pa rồi. Một người cứu được người từ cõi chết trở về xứng đáng làm pa quá rồi. Nhưng Pao không thể gọi tôi là pa, không thể nhận tôi là pa. Và tôi cũng không thể nhận Pao làm con nuôi. Điều đó sẽ làm cả hai chúng tôi cảm thấy khó xử, khó đối mặt với nhau được. Tôi đã tiếp máu cho Pao khi nó bị chảy máu dạ dày cấp tính. Pa Pao nó trước khi qua đời nói với Pao, khi một người không ngăn ngại bỏ máu ra cứu mình mà không tính toán hơn thiệt đích thị là một người bạn tốt. Máu của bạn hòa vào máu của mình, mình và bạn là những người hòa hợp máu chảy trong cơ thể. Khi đó người bạn có thể đeo được chiếc vòng kỳ lạ vào người. Người bạn đó có quyền được biết bí mật mà mình đang nắm giữ. Pao muốn san sẻ điều may mắn cho tôi. Nhưng tôi gạt đi. Chiếc vòng tròn tượng trưng cho sự hoàn mỹ. Phạm là cái gì tròn trịa cũng đều mang ý nghĩa tốt đẹp. Đem chiếc vòng cắt làm hai mảnh há chẳng phải làm nó mất đi sự toàn vẹn vốn có sao? Hơn nữa tôi cũng không còn sống được bao nhiêu nữa thì còn cần đến nửa chiếc vòng làm gì? Bây giờ đã là thời bình bình không còn đối mặt với mũi tên hòn đạn nơi trận chiến nữa mà đeo chiếc vòng vào để đạn nhìn thấy mà né tránh. Chiếc vòng chỉ hợp với người có duyên có phúc, không thể truyền lại cho con cháu, thế thì tôi lấy chiếc vòng để làm gì. Đeo chiếc vòng kia vào đâu thế giúp tôi tránh được những cơn đau hành hạ mỗi khi trái gió trở trời. Từ đấy Pao không bao giờ nhắc đến việc chia một nửa chiếc Khoan Phạ cho tôi

nữa.

Cho đến một hôm thằng Trà con trai tôi nhận được điện thoại của cháu Tùng báo bố nó đã chết. Tôi nằm trên giường bệnh không thể đến gặp mặt người bạn tốt, đồng đội mình lần cuối cùng. Thằng Trà đi viếng bác Pao. Từ đám tang trở về Trà vào bên giường bệnh nói với bố.

- Bố ạ bác Pao có một chiếc vòng đeo ở bắp tay cạnh nách, chiếc vòng đẹp lắm. Mấy thằng con bác Pao muốn tháo ra để làm vật kỷ niệm. Nhưng làm cách nào cũng không thể nào tháo ra khỏi cánh tay của bác ấy được. Chiếc vòng như mọc rễ bám sâu vào da thịt vào xương của bác Pao bố ạ.

- Thế à. Thế con có biết cái vòng đó làm bằng gì không?
- Con không biết. Nó chẳng phải vàng, chẳng phải bạc, chẳng phải kim cương, con nghe hai thằng con bác Pao nói hình như chiếc vòng đó là cái vòng Khoan Phạ. Nhưng vòng Khoan Phạ con chỉ nghe nói chứ chưa hề nhìn thấy bao giờ.

- Có chuyện đó thật sao.
- Thật chứ bố. Còn có chuyện kỳ lạ nữa bố ạ.
- Chuyện gì thế?
- Bình thường người chết sau vài canh giờ đã cứng đờ, da dẻ lạnh ngay. Nhưng bác Pao thì lại khác, bác ấy chết được một ngày mới đem vào quan tài. Vậy mà khi đem bác ấy vào quan tài da dẻ bác ấy vẫn hồng hào, chân tay vẫn dẻo dai như người đang ngủ say giấc vậy.

- Thế à, chuyện này lạ quá. Có lẽ là nhờ bác ấy đeo vòng Khoan Phạ rồi. Tôi thăm nói.
- Bố nói vòng Khoan Phạ nào? Bố cũng biết bác Pao có chiếc vòng Khoan Phạ thật sao? Trà sốt sắng hỏi bố.
- Không, làm sao bố biết bác ấy có thứ gì chứ. Có lẽ bác ấy là người đặc biệt nên sau vài ngày cơ thể mới tái xám, đông cứng con ạ.

- Bố nói thế nào ấy. Làm gì có chuyện người chết sau hai ba ngày da thịt mới tái xám đông cứng chứ. Lúc đó có mà thối rữa thì có. Con người sinh ra từ cát bụi rồi lại trở về với cát bụi mà thôi. Ông Trịnh Công Sơn quả là chí lý khi sáng tác ca khúc đó.

- Bố cũng chỉ nghe cụ kỳ của con nói vậy, chứ bố cũng không biết có đúng không nữa.
- Chuyện gì khó bố chẳng lấy người xưa ra để đỡ lời cho mình, lấy lời của người đã khuất thay cho lời nói của mình. Theo như bố thì người xưa nói cái gì, làm việc gì cũng đúng ấy.

- Con đứng dậy mình có kiến thức học cao biết rộng mà phủ nhận lại những lời của người xưa nói. Đất trời này vẫn luôn tồn tại những điều huyền bí mà con phải rất lâu nữa chưa chắc giới khoa học giải thích được một cách tường tận. Triết học duy tâm, triết học duy vật hai bên công kích lẫn nhau hàng trăm năm nay rồi đã phân rõ ai hơn ai kém đâu.

- Vâng, con biết người xưa luôn đúng. Con còn biết bố là người luôn sùng bái ông Platon nữa. Con biết bố lại muốn tranh luận với con. Nhưng hôm nay con không muốn tranh luận với bố đâu. Con cảm thấy hơi mệt. Và bố chắc cũng vậy. Vậy bố nằm nghỉ đi con cũng đi nghỉ một lát đây, chiều con phải đi làm việc nữa.

Thằng Trà đi về phòng của nó rồi. Tôi nằm xuống và nghĩ miên man. Có phải tôi là con người theo trường phái duy tâm như thằng Trà nói không? Từ trước tới nay khi xử lý một vấn đề nào đó tôi đều dựa vào cảm tính và lý tính. Như thế nó đâu thể nói pa nó là người theo trường phái duy tâm. Tôi nghĩ ngợi một lát và cảm thấy cơn buồn ngủ bắt đầu ập tới. Những hình ảnh nhạt nhòa cứ hiện lên trước mắt tôi lúc sống động, khi mờ khi ảo. Và đây, trước mắt tôi hình ảnh của Pao lúc mờ lúc ảo. Có lúc tôi thấy Pao là người hùng dũng hiên ngang, đi giữa quân thù mà đi như vào chỗ không người. Có lúc tôi lại thấy Pao là con người rất đỗi bình dị, một cựu chiến binh an nhàn hàng ngày cầm bình tưới nước cho những giò phong lan đang nở hoa rất đẹp. Đúng là vẻ đẹp hình thể của con người chỉ là tạm thời, chỉ có vẻ đẹp của nghệ thuật là trường cửu. Không ai tránh được tuổi già và cái chết. Tôi cũng vậy. Pao cũng vậy, cho dù nó có đeo mười cái vòng Khoan Phạ vào hai cánh tay cũng không thể tránh khỏi cái chết đến với mình được.

Cho đến một ngày mẹ Pao bị kẻ xấu đào trộm. Chắc kẻ xấu đó tìm lấy cái vòng Khoan Phạ của Pao mang theo vào quan tài. Song kẻ trộm đã thất vọng. Nó không lấy được thứ gì trong quan tài cả. Cánh tay áo của Pao bị nhát kéo sắc lẹm cắt đến tận nách, nhưng chẳng biết chiếc vòng kỳ lạ mà hằng ngày Pao vẫn luôn đeo không biết đã biến mất đi đâu. Tên trộm thất vọng buồn bã đập nắp quan tài lại rồi lại lấp đất lại như cũ. Nó thấp hươu mong người nằm trong quan tài xá tội vì thể xác xúc phạm. Chỉ người có duyên mới có thể nhìn thấy Khoan Phạ và sử dụng được nó. Và tất nhiên phải dùng nó vào việc chính nghĩa thì Khoan Phạ mới phát huy hết giá trị thực của nó. Tôi vẫn nhớ lời nói của Pao từ năm nào.■

Cao Bằng tháng 9/2013
N.Q.L

ĐỜI SỐNG VĂN NGHỆ

HỘI CHỢ SÁCH FRANKFURT (ĐỨC): SÁCH VIỆT THU HÚT KHÁCH

TỪ ngày 9 đến 13 tháng 10 năm 2013 Hội chợ sách quốc tế Frankfurt 2013 đã được tổ chức tại Đức, thu hút hầu hết các Nhà xuất bản, đơn vị bản quyền, tác giả trên toàn thế giới. Việc giới thiệu sách mới trong năm của các đơn vị xuất bản, phát hành tại Hội chợ Quốc tế Frankfurt 2013 nhằm bước đầu đặt nền tảng cho dự án đưa sách Việt ra thế giới, đến với bạn đọc Việt Nam ở nước ngoài.

Tại Hội sách Quốc tế Frankfurt năm nay, hai gian hàng sách giấy và sách điện tử của Việt Nam được đánh giá: trang trí, trưng bày đẹp và đầy đủ ấn phẩm nhất. Riêng gian hàng sách giấy, số lượng ấn bản giới thiệu lên đến 1000 bản. Ngôn ngữ chủ yếu được giới thiệu là tiếng Anh, tiếng Việt; ngoài ra còn có tiếng Đức và tiếng Pháp. Sách trưng bày tại hội chợ chủ yếu là các sách về truyền thống, văn hóa, đất nước, con người Việt Nam, sách nước ngoài được dịch ra tiếng Việt và xuất bản tại Việt Nam cùng các văn hóa phẩm như: lịch, đĩa CD, VCD văn hóa nghệ thuật...

Theo báo cáo của Đoàn Việt Nam gửi về từ hội chợ, ngay từ những ngày đầu khai mạc, gian hàng Việt Nam thu hút rất nhiều khách tham quan và liên hệ giao dịch, mua bán bản quyền. Trong đó cuốn tự truyện "Nguyễn Thị Bình - gia đình, bạn bè, đất nước" được Modrijan đề nghị mua bản quyền của Công ty Sách Phương Nam. Bên cạnh việc trưng bày sách, chương trình hoạt động của Việt Nam còn tổ chức gặp gỡ, giao lưu giới thiệu sách, các buổi tọa đàm, xúc tiến về hợp tác xuất bản.

LIÊN HOAN PHIM VIỆT NAM LẦN THỨ 18: VẪN CHƯA THỰC SỰ TẠO ĐƯỢC ĐẤU ẮN SÁNG TẠO MẠNH MẼ

S AU 4 ngày diễn ra, Liên hoan phim (LHP) Việt Nam lần thứ 18 được tổ chức tại TP. Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh) với chủ đề "Điện ảnh Việt Nam - dân tộc, nhân văn, sáng tạo, hội nhập" đã khép lại vào tối 16/10. Các hoạt động trong Liên hoan phim lần này nhằm vinh danh các tác phẩm điện ảnh Việt Nam giàu tính dân tộc, tính nhân văn và sáng tạo, tôn vinh các nghệ sĩ xuất sắc của điện ảnh Việt Nam trong hai năm qua. Đã có 139 bộ phim ở các thể loại đã được chiếu đồng loạt miễn phí cho khán giả vùng mỏ thưởng thức. Một số phim của các đạo diễn trẻ tham dự, trong đó có người lần đầu tiên đến với LHP và được coi là dấu hiệu đáng mừng, sự xuất hiện của các đạo diễn trẻ khá tài năng thế hệ 7X như đạo diễn Nguyễn Khắc Huy (28 tuổi), Nguyễn Hữu Tuấn (29 tuổi)... cho thấy đã có lớp kế cận yêu nghề, giàu năng lượng sáng tạo, được thể hiện qua nhiều bộ phim. Kết thúc LHP Việt Nam lần thứ 18, có 5 giải Bông sen Vàng và 5 giải Bông sen Bạc được trao cho các tác phẩm thuộc các thể loại: Phim truyện điện ảnh, phim hoạt hình, phim tài liệu, phim truyện video và phim khoa học. Bên cạnh những hoạt động chính, LHP còn tổ chức hai cuộc giao lưu của các nghệ sĩ điện ảnh tên tuổi với công nhân mỏ than Cửa Ông và các chiến sĩ bộ đội tỉnh Quảng Ninh.

Tuy nhiên, sau hai năm với hơn 20 bộ phim ra đời được công chiếu rộng rãi, cùng với các hội thảo và triển lãm, nhưng LHP Việt Nam lần thứ 18 vẫn chưa thực sự tạo được dấu ấn sáng tạo mạnh mẽ về chất lượng nội dung và nghệ thuật, đủ để nhà chuyên môn và công chúng cái nhìn lạc quan về điện ảnh Việt Nam.

NHÀ HÁT CHÈO VIỆT NAM: TRAO QUYỀN SÁNG TẠO CHO THẾ HỆ TRẺ

HƯỞNG tới Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc năm 2013, Nhà hát Chèo Việt Nam đã đầu tư rất nhiều thời gian, công sức và tâm huyết dựng hai vở chèo "Đường trường duyên phận" và "Bắc Lệ đến thiêng". Trong nửa đầu tháng 10 năm 2013, Nhà hát Chèo VN đã giới thiệu đến công chúng hai vở diễn được tập thể đạo diễn, diễn viên, nghệ sĩ dàn dựng và luyện tập công phu trong gần ba tháng trước đó.

Nhằm đề cao giá trị Chân, Thiện, Mỹ và chủ trương hội tụ trí tuệ, phát huy tối đa sức sáng tạo của tập thể Nhà hát, Ban lãnh đạo Nhà hát Chèo Việt Nam không mời những đạo diễn, nhà biên kịch "gạo cội" đến dựng vở, mà tin tưởng trao trách nhiệm vào thế hệ trẻ thuộc biên chế trong đoàn. Với quyết định mới mẻ và táo bạo, Nhà hát Chèo Việt Nam hy vọng qua kỳ Hội diễn sẽ phát hiện được những tài năng trẻ triển vọng để bồi dưỡng đội ngũ kế cận trong tương lai.

Trong buổi làm việc với báo chí trước ngày công diễn, NSUT Thanh Ngoan (Nguyễn Thị Bích Ngoan) đã trình bày định hướng và lộ trình phát triển của Nhà hát chèo Việt Nam từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Trong đó đặc biệt quan tâm đến việc thường xuyên biểu diễn những vở chèo truyền thống với đề tài dân gian và các đề tài hiện đại trên sân khấu lớn; bên cạnh đó là các chương trình nghệ thuật biểu diễn trên sân khấu nhỏ nhằm giới thiệu những tinh hoa nghệ thuật chèo với khán giả trong và ngoài nước. Đồng thời Nhà hát tích cực triển khai công tác đào tạo thế hệ trẻ, tổ chức lưu diễn trong và ngoài nước nhằm quảng bá môn nghệ thuật truyền thống này.

PHONG LAN (tổng hợp)

MỘT CÁCH NHÌN VỀ VĂN HOÁ...

(Tiếp theo trang 2)

thực tế, văn hóa của các dân tộc thiểu số có rất nhiều điểm mạnh, không ít cuộc thi nghệ thuật và giao lưu văn hoá quốc tế, văn hóa dân tộc thiểu số đã đem về cho cả nước nhiều thành tích rất đáng tự hào.

Đã nhiều năm, hoạt động văn hóa của ngành văn hoá tổ chức thường chỉ lặp đi lặp lại một vài hoạt động: lễ hội công chiêng, lễ hội lồng tồng, liên hoan dân ca, triển lãm trang phục, triển lãm ẩm thực, gần đây thi hoa hậu các dân tộc... Từ trung ương đến địa phương cùng một kiểu làm rập khuôn giống nhau, năm nào cũng giống năm nào, không sáng tạo cái mới. Nhu cầu thường thức văn hóa của người dân sẽ không chấp nhận sự nhàm chán đó, cuộc sống luôn cần những cái mới hơn.

Điều cần thiết nhất cho việc phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số miền núi hiện nay là phải có các chính sách đúng đắn mang tính chiến lược. Phải khắc phục ngay tình trạng văn hóa đang theo xu hướng rơi tự do. Tại sao sau bao năm các cơ quan trung ương và các tỉnh tổ chức thi hát dân ca, liên hoan dân ca, liên hoan lễ hội... nhưng các dân tộc thiểu số vẫn chưa có một bản bằng đĩa dân ca đúng nghĩa để nghe. Sự suy thoái về thuần phong mỹ tục vẫn tiếp diễn, không được ngăn chặn, các bản nhà sàn bị dỡ bỏ hàng loạt đem về xuôi nhưng các cấp chính quyền đều bỏ mặc, để miền núi hiện nay mất gần hết nhà sàn, hay là các trò chơi dân gian rất đặc sắc cũng bị biến mất. Biết bao pho sách quý và các loại chữ viết cổ của Tây, Thái, Chăm không được tổ chức sưu tầm, dịch thuật và truyền dạy cho thế hệ sau. Chữ Nôm Tây hiện nay chỉ còn có vài ba người biết đọc biết viết, trong khi đó kho sách Nôm Tây rất khổng lồ, bao gồm các lĩnh vực: văn học, y học, lịch sử, địa lý, thiên văn, phong thủy, gia huấn, cúng tế, phép thuật...

Chính sách phát triển văn hóa cho miền núi trong thời gian tới dứt khoát phải định hình hướng đi cho từng dân tộc một cách cụ thể. Nếu chính sách nào chỉ muốn xây dựng văn hóa miền núi giống hệt như miền xuôi thì tức là vô hình trung là đã thủ tiêu văn hóa các dân tộc thiểu số. Quan điểm đem ánh sáng văn hóa miền xuôi lên miền núi chính là đã giết hại văn hóa dân tộc thiểu số.

2. Kể từ khi đất nước đổi mới năm 1986, văn hóa các dân tộc thiểu số đã phục hồi trở lại với tốc độ rất nhanh. Sự phục hồi trở về nguyên gốc phù hợp với quy luật của tự nhiên. Trước kia, các hình thức cúng bái dân gian như Táo, Mo, Then... bị ngăn cấm, khi có lũ lụt không khí đối mới thổi vào thì mọi thứ đều bùng lên như hoa xuân nở rộ rồi dần đi vào ổn định. Văn hóa ổn định nên kinh tế xã hội ổn định theo, cuộc sống của người dân dễ chịu hơn. Người dân tộc thiểu số ngày càng yêu văn hoá của mình và có ý thức giữ gìn bảo vệ hơn. Tuy vậy, có không ít các hình thức tín ngưỡng thờ cúng dân gian đã trở nên dị dạng, méo mó. Do những người quản lý văn hóa không nhìn nhận thấy vấn đề này, nên đã không có sự định hướng. Một số hình thức cúng bái phát triển tràn lan, những hành vi phá hoại công trình văn hóa không được ngăn chặn. Tượng nữ thần Tô Thị ở Lạng Sơn là một giá trị văn hóa tự nhiên rất đặc sắc đã bị đập lấy đá nung vôi để xây nhà. Tất cả những sự tàn phá văn hóa không có ai trong các cấp chính quyền quan tâm...

Qua những lần về quê tham gia các lễ hội, dự các đám cưới, viếng các đám ma ở các bản, tôi thấy nếu cứ để văn hóa các dân tộc thiểu số phát triển không có sự định hướng như hiện nay chắc chắn sẽ dẫn đến nguy hại cho xã hội. Những vấn đề thuộc về tâm linh, tín ngưỡng đã bị những người hành nghề mê tín dị đoan lợi dụng. Người có trình độ văn hóa cao lẫn người trình độ văn hoá thấp đều bị cuốn vào rất nhiều hoạt động tâm linh. Các thầy cúng đã bôi ra rất nhiều thứ ma để bắt người dân phải mổ trâu bò, lợn gà cúng bái... Đám ma cũng bị làm giả cát-xê từ một chục triệu đến vài chục triệu đồng. Có không ít gia đình, con cái đã phải bán ruộng lấy tiền trả thầy cúng để thấy đến làm ma cho cha mẹ. Đây là những điều xưa nay chưa từng có trong xã hội miền núi, cần phải cảnh báo cho trong toàn xã hội. Tuy các sự việc bức xúc như thế diễn ra hàng ngày nhưng các cấp chính quyền và ngành văn hoá vẫn chưa có văn bản mang tính pháp lý để điều chỉnh. Nếu để tình trạng này tiếp diễn thì sẽ gây ra rất nhiều điều bất lợi cho người dân và làm văn đục không gian văn hóa vốn

rất trong lành của vùng cao.

3. Trong tình hình hội nhập với trong nước và thế giới, việc biết nhiều thứ tiếng ngoài tiếng mẹ đẻ là cần thiết. Ai cũng có quyền sử dụng ngôn ngữ dân tộc khác, nếu ngôn ngữ đó cần thiết cho sự thành đạt. Nhưng ở nước ta hiện nay có không ít các bộ phận người dân tộc thiểu số chỉ muốn sử dụng tiếng Việt, bỏ tiếng dân tộc mình. Hiện tại có ngôn ngữ của một số dân tộc thiểu số đã có dấu hiệu suy thoái. Một số gia đình ở vùng cao dạy con cái từ khi sinh ra nói tiếng phổ thông, không nói tiếng mẹ đẻ. Đây là điều rất kỳ cục, nguy hiểm cho tương lai của đứa bé và cho cả dân tộc đó. Con cái của họ lớn lên sẽ nói một thứ ngôn ngữ hổ lốn tạp nham, tiếng Việt và tiếng dân tộc lẫn lộn, tất yếu dẫn đến sự suy giảm trí tuệ của thế hệ sau. Bởi vì, đối với con người đòi hỏi cần phải nắm vững đầy đủ ngôn ngữ cụ thể để tư duy.

Có một thực tại là hiện nay người miền núi nói tiếng phổ thông thường hay lẫn lộn về quy tắc, còn khi họ nói tiếng dân tộc thì để bằng tiếng phổ thông. Đây là nguyên nhân dẫn đến tư duy không mạch lạc, hành văn viết ra sẽ lủng củng sai ngữ pháp. Nhưng nếu con cái họ được dạy từ bé sử dụng ngôn ngữ dân tộc, khi lớn lên sẽ học tiếng phổ thông, chắc chắn khả năng sử dụng cả hai ngôn ngữ sẽ tốt như nhau. Ngôn ngữ của mỗi dân tộc không phải đơn giản chỉ là phương tiện để thông tin mà ngôn ngữ còn hàm chứa trong đó rất nhiều các yếu tố huyền bí của văn hóa của riêng từng dân tộc. Ngôn ngữ chỉ linh thiêng khi nó là tiếng mẹ đẻ. Tất cả các pháp thuật, bùa chú, lời sấm, lời nguyện... chỉ thiêng với người nói bằng tiếng mẹ đẻ. Liên hợp quốc đã khuyến cáo các dân tộc thiểu số trên thế giới cần phải dạy cho con trẻ nắm chắc ngôn ngữ của dân tộc mình rồi mới học các ngôn ngữ khác.

4. Việc sân khấu hóa các lễ hội như hiện nay đã làm mất đi phần nhiều các giá trị nhân bản của truyền thống. Nguồn gốc của các lễ hội là bắt đầu từ lao động sản xuất, mô phỏng và cách điệu hóa các động tác lao động sản xuất để cho cuộc sống tinh thần được thăng hoa. Sân khấu hóa lễ hội chính là đã làm ngược lại quy luật của tự nhiên, tước đi tính đánh thức con người bản thể là đặc điểm quan trọng của lễ hội.

Thông thường lễ hội ở mỗi nơi đều có tính chất và ý nghĩa khác nhau, một làng bản muốn thể hiện được sự thăng hoa của làng bản mình đều phải thể hiện qua lễ hội. Đối với một lễ hội truyền thống, quan trọng nhất là giữ gìn sự độc đáo riêng. Nếu lễ hội bị sân khấu hóa thì sẽ mất đi sự độc đáo đó. Phải có lễ hội độc đáo thì khách du lịch và người các nơi mới đến xem. Thử hỏi, nếu nơi nào cũng tổ chức một kiểu lễ hội như nhau thì

ai cần đến sự đơn điệu tẻ nhạt đó. Cũng trong các lễ hội, người ta thường tổ chức các cuộc thi tài năng, việc trao giải thưởng bằng tiền thay cho hiện vật như trước đây cũng làm mất đi một phần giá trị của lễ hội. Thông thường mỗi lễ hội, bao giờ cũng có một loại phần thưởng gắn với nguồn gốc của lễ hội đó, có thể phần thưởng không có giá trị cao về mặt kinh tế nhưng có giá trị tinh thần rất lớn.

Việc sân khấu hóa lễ hội từ trung ương đến các địa phương để truyền hình trực tiếp như hiện nay sẽ góp phần làm méo mó và mất đi tính nhân bản của lễ hội. Nhiều lễ hội tổ chức ở miền núi rồi truyền hình lên vệ tinh nhưng không thấy sự đặc thù của văn hoá miền núi vùng cao, người đạo diễn đã bỏ qua văn hoá dân tộc thiểu số.

5. Văn hóa dù là văn hóa vật chất hay văn hóa tinh thần cũng đều do con người sáng tạo ra mới có. Quá trình sáng tạo có thể là trong thời gian rất dài, gần với sự lịch sử hình thành mỗi dân tộc. Văn hóa của các dân tộc thiểu số dù ở vùng núi Việt Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, đồng bằng Nam Bộ hoặc ở đâu cũng vậy, phải có chính sách đúng đắn và phù hợp. Trước đây bài trừ tận gốc các hình thức cúng bái Táo, Mo, Then... dẫn đến cấm hát then, cấm gảy đàn tính, đốt hết sách cúng bái. Các chính sách cực đoan như vậy bây giờ đã hết thời. Hiện tại, văn hóa các dân tộc thiểu số đang rất cần sự định hướng để phát triển lành mạnh và ngày càng phong phú.

Một bài hát của một tác giả miền xuôi có câu "Cô giáo hiền như con nai rừng...". Cách ví von như vậy có thể đúng với người miền xuôi, nhưng hoàn toàn không đúng với người miền núi. Bởi người miền núi có thành ngữ: "Nghịch như hươu như nai". Nếu đem cô giáo để ví với hươu nai thì chắc chắn học trò sẽ hiểu cô là người hư hỏng. Bởi vì hươu nai là loài thú rừng hay phá hoại mùa màng, giẫm nát lúa ngô. Người miền núi sẽ không thể chấp nhận cô giáo "hiền như nai rừng". Chúng ta cần phát huy sự độc đáo của văn hoá mỗi dân tộc nhưng cũng rất cần sự thông đạt lẫn nhau về văn hoá giữa các dân tộc để tránh làm văn hoá về miền núi mà ví von như bài hát này.

Trước đây cũng như hiện nay, nhà nước Việt Nam luôn nhất quán chủ trương xây dựng Việt Nam là một quốc gia có nền văn hóa đa sắc tộc. Để thực hiện thành công điều đó rất cần có sự trao đổi để hiểu biết lẫn nhau giữa người soạn thảo chính sách với cộng đồng các sắc dân thiểu số. ■

D.T



Việc sân khấu hóa lễ hội từ Trung ương đến các địa phương để truyền hình trực tiếp như hiện nay sẽ góp phần làm méo mó và mất đi tính nhân bản của lễ hội

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Tổng biên tập : KHUẤT QUANG THỤY ● Phó tổng biên tập : THANH ĐỨC TRINH BẢO

● Tòa soạn, Trĩ sự : 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội. ● Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trĩ sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642

● Email: thukybn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnucngoalvn@gmail.com; bannghehvatvn@gmail.com.

● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại : (08) 38298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa -

Điện thoại : (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax : (058) 3825867. ● In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội

● ISSN 0866 - 0815 ● MST: 0100784855; Tài khoản: 10201000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội ● Trình bày: PHẠM MINH HẢI

● Giá: 9.800 đồng.